



VÃNG SANH TẬP

Nguyên tác:

Sa-môn Châu Hoảng ở chùa Vân Thê soạn

Việt dịch:

Thích Nguyên Lộc - Thích Thọ Phước

Hiệu đính: Định Huệ



VĂNG SINH TẬP [1]

Lời Tựa

Đức Thế Tôn vừa thành Chính giác, Ngài liền nói pháp Phật thừa[2] cho tất cả chúng hữu tình nghe. Sau đó, nhận thấy Phật thừa khó phù hợp với tất cả căn cơ nên từ trong pháp Nhất thừa, Ngài diễn nói thành pháp Tam thừa[3]; rồi từ trong pháp Tam thừa ấy trình bày pháp môn Tịnh độ.

Nay cách Phật ngày càng xa, tình trần ngày càng nặng, nên người siêng năng tiến tu không thể phát sinh sự tỏ ngộ để bước lên bậc thánh, còn kẻ biếng nhác thì lang thang trôi nổi trong hiểm họa trầm luân. Vậy, không nhờ vào pháp môn Tịnh độ này thì dựa vào đâu để chóng được thoát khỏi sinh tử? Thật vĩ đại thay! Bởi vậy nên nói, để trị chứng bệnh trầm kha trong thời mạt pháp ắt cần phải có vị linh dược hữu hiệu. Nhưng ngẫm lại, xưa hiệu nghiệm thì nhiều mà nay hiệu nghiệm lại rất ít; vậy lỗi ấy do đâu? Cũng là do miệng thì nói cầu sinh Tịnh độ mà tâm thì lưu luyện Ta-bà, và vì lòng kiên trì, chí dũng mãnh, sự liễu ngộ không bằng người xưa. Nghe nói, ngày xưa có truyện *Vãng Sinh*, nhưng trải qua nhiều năm bị thất lạc nên không còn thấy. Song cũng có nhiều đoạn còn sót lại được ghi rải rác trong sách của các nhà trứ tác trong và ngoài Phật giáo. Nay tôi theo sự hiểu biết của mình tùy trường hợp chọn lấy hoặc bỏ bớt, chỉ chọn những mẫu chuyện có nhân quả rõ ràng, trải qua nhiều ngày mới chép lại thành thiên sách này, và đây chỉ là một phần mười trong số trăm nghìn truyện mà thôi.

Nay nhằm năm Giáp Thân (1584) đâu dám so với quốc sử Trung Phong[4] ở nơi đô hội, tôi bề quan ở am Thượng Phương mới chọn lấy rồi theo từng loại trong số ấy và sắp theo thứ tự trước sau. Lại chứng minh pháp môn này các bậc thánh đều hướng về, và bổ sung vào các việc cảm ứng vãng sinh của người đương thời. Sách này tổng cộng có khoảng 166 truyện và xen giữa các truyện có lời giải thích để làm sáng tỏ cái nghĩa hàm ẩn trong đó. Vì thế đặt nhan đề là "*Vãng sinh tập*", với mục đích khiến cho kẻ tăng người tục khi xem qua tập sách này liền nói: "Tôi cũng nhờ tu giải thoát như thế mà vãng sinh, tôi cũng nhờ thuần nhất như thế mà vãng sinh, tôi cũng nhờ cảm ứng tinh thần như thế mà vãng sinh, tôi cũng nhờ đại bi, đại nguyện như thế mà vãng sinh, tôi cũng nhờ sửa lỗi mạnh dạn chuyển cái nghiệp sắp bị đọa như thế mà vãng sinh, tôi nhờ như vậy mà sinh vào thượng phẩm, tôi nhờ như vậy mà sinh vào trung phẩm, hạ phẩm". Tôi chỉ khảo xét lại chuyện xưa, kiểm nghiệm lại chuyện nay để làm chứng cứ cho người tu tịnh nghiệp.

Một hôm, có một vị khách đến thăm tôi, ông xem qua chưa được vài truyện, bỗng nói:

- Tịnh độ do tâm, ngoài tâm không có Tịnh độ, vắng sinh Tịnh độ là chuyện ngụ ngôn, ngài cho là thật có sinh ư? Như vậy há không trái với ý nghĩa vô sinh[5] sao?

Tôi đợi ông ta bình tĩnh lại, từ từ nói với ông ta:

- Nói sao dễ dàng thế! Nếu cho là vô sinh mà thôi thì tất cả đoạn diệt, chẳng lẽ còn có duy tâm. Nếu thật ngộ vô sinh thì sinh cũng đâu trở ngại gì! Sinh vốn đã không thật có, cho nên suốt ngày sinh mà chưa từng sinh. Và lại, ông đã dứt hết tâm hữu lậu chưa?

Người khách đáp:

- Chưa.

- Ôi! Tâm hữu lậu chưa dứt thì mầm mống sinh vẫn còn. Nguồn gốc sinh chưa dứt thì phải sinh vào một nơi nào đó mờ mịt trong biển khổ của tam giới[6]. Vậy không cầu sinh về Tịnh độ thì sinh về đâu? Nhọc nhằn trong sáu đường[7], tiêu dao nơi chín phẩm[8], lợi và hại cách nhau một trời một vực, có lẽ vì ông chưa nghĩ tới mà thôi. Nếu dùng những lời lẽ hoa mỹ luận bàn để tranh cao thấp, việc ấy tôi cũng làm được, nhưng sợ dĩ tôi không làm như thế là e sinh ra tranh cãi, đối với người biết giá trị của chính pháp thì tai nghe pháp, ba nghiệp phải thực hành. Nếu ông thật không cho lời nói của tôi là sai, thì ngay Tịnh độ là Phật thừa. Bởi vì chưa từng gián cách mảy lông thì làm sao có sự trái ngược.

Người khách kia ngồi ngay ngắn suy nghĩ, trong lòng hoang mang nên tự quên địa vị của mình, bất giác nước mắt tuôn đầm đìa, buồn rầu và nghẹn ngào, rồi chỉnh đốn y phục kính cẩn đọc đến hết quyển. Ngoài ra, ông còn chí thành lễ bái, tha thiết cầu xin được khắc bản sách này. Cuối cùng tập sách này cũng được khắc thành.

Tôi xin thuật lại việc này từ đầu đến cuối là như thế!

Mùa hạ, niên hiệu Vạn Lịch thứ mười hai (1584), sa-môn Châu Hoảng[9] ở Hàng Châu ghi.



VÃNG SINH TẬP

Quyển 1

I. SA-MÔN VÃNG SINH

1. Đời Tấn, Tổ sư Huệ Viễn

Sư người Lô Phiền, Nhạn Môn, thông suốt sáu kinh[10], rất giỏi về học thuyết Trang tử và Lão tử. Khi sư nghe pháp sư Đạo An[11] giảng kinh *Bát-nhã*, hoát nhiên đại ngộ, nhân đó sư xin xuất gia và thờ ngài Đạo An làm thầy. Đến niên hiệu Thái Nguyên thứ sáu (382), sư qua Tầm Dương, thấy cảnh Lô Sơn[12] thoáng đảng, là nơi thích hợp cho việc tu hành, sư vừa nghĩ như vậy, liền cảm đến sơn thần nên hiện điềm mộng. Vào một đêm, mưa gió sấm chớp, gỗ trong rừng tự bay đến, quan thứ sử Hoàn Y xây dựng một ngôi chùa ở đó, đặt tên là Thần Vận.

Vì ngài Huệ Vĩnh[13] ở Tây Lâm trước, cho nên chỗ sư Huệ Viễn ở gọi là Đông Lâm. Sư ở Đông Lâm suốt ba mươi năm không xuống núi, một lòng cầu sinh Tây phương. Sư và các vị cao tăng, học giả nổi tiếng đạo Nho hơn một trăm bốn mươi người cùng lập đạo tràng Tịnh Xã, ngày đêm sáu thời ngồi thiền, tụng kinh không ngừng, lắng tâm quán tưởng. Sư ba lần được thấy Phật, nhưng sư âm trầm không nói.

Mười chín năm sau, vào một đêm cuối tháng bảy, sư ở trên đài Bát-nhã mới xuất định, thấy Đức Phật A-di-đà khắp cả hư không, trong hào quang có vô lượng hóa Phật, có bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy có dòng nước phát ra ánh sáng, phân làm mười bốn nhánh phun lên trút xuống, diễn nói diệu pháp. Đức Phật dạy: "Ta vì sức bản nguyện nên đến an ủi người, bảy ngày sau người sẽ sinh về nước Ta". Sư lại thấy các vị như Phật-đà-gia-xá[14], Huệ Trì[15], Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân[16] ở bên cạnh Đức Phật. Các vị ấy chấp tay chào và nói: "Ngài phát nguyện trước, nhưng sao lại đến muộn thế?". Sư biết đến lúc phải đi, nên nói với chúng đệ tử: "Lúc ta mới đến ở đây đã ba lần thấy Phật, nay lại thấy lần nữa, nên ta nhất định vãng sinh về Tịnh độ". Đến giờ, sư ngồi ngay ngắn và thị tịch. Bấy giờ, nhằm ngày mùng 6 tháng 8 niên hiệu Nghĩa Hi thứ mười hai (417).

Ghi chú:

Trước đời Tấn, pháp môn Tịnh độ tuy được biết ở Trung Quốc, nhiều vị hết lòng xiển dương và ra sức hành trì, khiến cho mọi người đều biết. Từ ngài Huệ Viễn, trải qua muôn đời sau, những người đệ tử tu theo pháp môn Tịnh

độ đều suy tôn ngài là thí tổ pháp môn này. Có thể nói: “Đức Thích-ca nói thế giới phương Tây (Cực lạc), Phật A-di-đà hiện thân ở cõi nước phương Đông (Ta-bà)”. Công đức ấy không lớn ư! Ngày xưa tôi đến Lô Sơn uống nước suối Hồ Khê, ngắm nhìn đền Tam Tiểu, lui tới tham quan những di tích của mười tám bậc hiền đức, thấy thật qui mô, đủ cho muôn vị tăng ở, nhưng chính điện, phòng xá bị bụi phủ kín, chuông trống im lìm, cảnh trí hoang vu, cửa nẻo đóng kín, bếp núc nguội lạnh. Than ôi! Các bậc hiền đức mất rồi, sự nghiệp không người nối tiếp!

2. Đời Tấn, Thích Huệ Vĩnh

Sư người Hà Nội, xuất gia lúc mười hai tuổi. Sau đó, sư và ngài Huệ Viễn cùng theo học với pháp sư Đạo An. Niên hiệu Thái Nguyên thứ nhất (376), sư chống tích trượng đến Lô Sơn. Quan thứ sử Đào Phạm cúng nhà làm thành chùa Đông Lâm để sư ở; chấm dứt quan hệ thế gian, dốc lòng tu tâm dưỡng tính.

Niên hiệu Nghĩa Hi thứ mười (415), sư phát bệnh, bồng chĩnh sửa y áo, tìm giày định đi, đồ chúng kinh ngạc hỏi. Sư đáp: “Phật đến đón ta”. Sư vừa nói dứt lời liền thị tịch, có hương thơm lạ bảy ngày mới dứt. Vua Đường Huyền Tôn truy phong cho sư thụy hiệu Giác Tịch đại sư.

Ghi chú:

Khi sư Huệ Vĩnh mới vào đạo, liền cùng ngài Huệ Viễn và những huynh đệ khác sáng lập đạo tràng Tịnh Xã, để làm phép tắc cho muôn đời. Sư cũng noi theo tông Tịnh độ của tổ Huệ Viễn. Đến lúc mạng chung, sư thấy Phật đến rước. Hai ngài trước sau đều có điềm lành xuất hiện như nhau, nếu muốn chứng minh điềm vãng sinh thì nên lấy hai ngài làm chuẩn mực.

3. Đời Tấn, Thích Đàm Thuận

Sư người Hoàng Long, lúc nhỏ theo pháp sư La-thập[17] giảng giải kinh điển. Pháp sư La-thập khen: “Người này có khí chất lạ!”. Sau đó, sư vào Lô Sơn tu tịnh nghiệp. Bấy giờ, có hiệu úy là Lưu Tôn Hiếu ở Ninh Man xây một ngôi chùa ở Giang Lăng, thỉnh sư về trụ trì. Sư xiển dương pháp môn Niệm Phật tam-muội. Vào niên hiệu Nguyên Gia thứ hai (425) đời Tống, sư từ biệt đồ chúng, ngồi ngay ngắn mà thị tịch, có hương thơm lạ khắp phòng.

4. Đời Tấn, Thích Tăng Duê

Sư người Kí Châu, là người có chí cầu học. Sư lặn lội đường xa, cuối cùng tìm đến Thiên Trúc. Sau đó lại trở về Quan Trung, theo pháp sư La-thập thụ

học kinh điển. Sư đến tu tại đạo tràng Bạch Liên xã[18] Lô Sơn. Vào niên hiệu Nguyên Gia thứ mười sáu (439), bỗng nhiên sư nói với đồ chúng: “Ta sắp đi!” Nói xong, sư quay mặt về hướng tây chấp tay mà thị tịch. Đồ chúng thấy trước giường của sư xuất hiện hoa sen màu vàng, nhưng chỉ trong chốc lát đã biến mất. Đồng thời, có ánh sáng năm màu và hương thơm từ phòng bay ra.

5. Đời Tấn, Thích Đàm Hằng

Sư người Hà Đông, thuở nhỏ theo ngài Huệ Viễn xuất gia, thông suốt tất cả nội điển và ngoại điển. Sau đó, sư tự tìm đến Lô Sơn, chuyên tâm niệm Phật.

Đến niên hiệu Nghĩa Hi thứ mười bốn (419), sư ngồi ngay thẳng chấp tay niệm Phật mà thị tịch.

6. Đời Tấn, Thích Đạo Bình

Sư người Dĩnh Xuyên, lúc nhỏ theo học ngài Huệ Viễn, thông hiểu kinh, luật, lời nói đi đôi với việc làm, tu Niệm Phật tam-muội, tâm không gián đoạn.

Đến niên hiệu Nghĩa Hi thứ mười bốn (419), thái thú Dự Chương tên Vương Kiên vào núi đỉnh lễ và thỉnh sư nối tiếp sự nghiệp của ngài Huệ Viễn, được mọi người kính ngưỡng.

Niên hiệu Nguyên Gia thứ mười hai, sư nhóm chúng niệm Phật, rồi lên tòa ngồi mà thị tịch.

Ghi chú:

Lời nói và việc làm hợp nhất. Có thể nói rằng, tâm khẩu đều niệm Phật. Nghe lời nói thì đúng, nhưng xét việc làm thì sai mà muốn vắng sinh, toan đổi gạt ai?

7. Đời Tấn, Thích Đàm Sơn

Sư người Quảng Lăng, lúc nhỏ theo ngài Huệ Viễn, siêng năng tu tịnh nghiệp và giảng thuyết rất giỏi. Sư chú thích kinh *Duy-ma* lưu hành ở đời. Niên hiệu Nguyên Gia thứ mười bảy, sư ngồi ngay thẳng niệm Phật mà thị tịch.

8. Đời Tấn, Thích Đạo Kính

Sư người ở Lang Da[19], nhưng Tổ tiên của sư đến cư ngụ ở Giang Châu. Nhờ đó, năm mười bảy tuổi, sư theo ngài Huệ Viễn xuất gia, thông hiểu kinh luận, một ngày nhớ cả vạn lời, dốc lòng niệm Phật, suốt ngày không dừng. Niên hiệu Vĩnh Sơ thứ nhất (420) đời Tống, sư nói với đồ chúng: “Thầy ta ban lệnh, ta phải ra đi”. Nói xong, sư ngồi ngay ngắn niệm Phật mà thị tịch. Bấy giờ, đồ chúng thấy ánh sáng chiếu khắp căn phòng, trải qua một thời gian lâu mới dứt.

Ghi chú:

Tuổi trẻ tài cao, thông minh nhưng không ỷ lại mà còn dốc lòng niệm Phật. Chẳng phải đời trước đã sớm gieo nhân Tịnh độ ư? Ngày nay, những vị sa-di mới xem sơ qua kinh luận đã sinh ngã mạn, khoe khoang, còn người lớn tuổi không biết đi về đâu, cực chẳng đã mới bàn luận về tây phương thì đã muộn rồi vậy.

9. Đời Tấn, Phật-đà-bạt-đà-la

Phật-đà-bạt-đà-la[20], Trung Quốc dịch là Giác Hiền, người nước Ca-duy-vê[21] thuộc dòng họ của vua Cam Lộ Phạn. Năm sư lên mười sáu tuổi đã học hết các kinh, hiểu rõ thiên, luật. Vào đời Diêu Tấn có sa-môn Trí Nghiêm đến Tây Vực, mời sư sang Trường An. Khi đến Trường An, sư giảng pháp ở Đông Cung và luận đạo với pháp sư La-thập. Sau, vì sư có ý muốn trở về nước bằng đường biển, nên bị vua đuổi đi. Sư tìm đến Lô Sơn tham gia trong đạo tràng Bạch Liên xã của ngài Huệ Viễn. Sư dịch các bộ kinh như *Quán Phật tam-muội*[22] v.v... Vào niên hiệu Nguyên Gia thứ sáu (429), đời Tống, sư niệm Phật mà thị tịch.

10. Đời Tấn, Thích Tăng Tể

Sư đến Lô Sơn theo học với ngài Huệ Viễn, sau khi đạt được mục đích liền thốt lên: “Làm rạng rỡ đại pháp, việc ấy ở pháp môn Tịnh độ này!”. Từ đó về sau, sư rỗng rã, tha thiết, mong sinh về Tịnh độ. Ngài Huệ Viễn trao cho sư một ngọn đuốc và dặn: “Ông phải vận tâm cầu sinh về Tịnh độ”. Sư cầm ngọn đuốc ngồi tựa vào ghế, dừng tâm lắng ý, không xao động; sư lại nhóm họp đồ chúng tụng kinh Tịnh độ. Đến canh năm, sư trao lại ngọn đuốc cho đệ tử là Nguyên Bật và dặn phải theo chúng mà hành đạo. Bỗng chốc, sư thấy mình cầm ngọn đuốc bay lên hư không, gặp Phật A-di-đà, được Đức Phật đón và đặt lên lòng bàn tay, rồi đưa sư đi dạo khắp mười phương. Sau đó, sư sức tịnh vừa buồn, vừa tủi, tự nhủ: “Tứ đại[23] chỉ là bệnh, khổ”. Đêm sau, bỗng nhiên sư đứng dậy, mắt nhìn lên hư không như nhìn thấy một điều gì đó, rồi thành linh nằm trở lại, vẻ mặt tự nhiên vui tươi và nói với người bên cạnh: “Ta đi đây!”. Nói dứt lời, sư nằm nghiêng bên phải mà thị

tịch. Lúc ấy thời tiết oi bức, trải qua ba ngày thân thể không những không biến đổi mà còn có hương thơm ngào ngạt.

Ghi chú:

Ngài Tăng Tế nhờ thầy chỉ dạy mà được vãng sinh Tịnh độ. Vì thế, trợ niệm lúc lâm chung ai dám nói là không có công hiệu! Mặc dầu quàng tang trong lúc trời oi bức, nhưng thân thể vẫn phát ra hương thơm lạ. Đây là kết quả của việc giữ phạm hạnh tinh chuyên.

11. Đời Tấn, Thích Huệ Cung

Sư người Phong Thành, Dự Chương, là bạn đồng học với các ngài Huệ Lan, Tăng Quang v.v... Hai ngài Huệ Lan, Tăng Quang chuyên tâm cầu sinh Tịnh độ, cho nên khi lâm chung đều có cảm ứng lạ. Suốt năm năm liền, sư Huệ Cung dốc lòng, tha thiết lễ bái cầu sinh về Cực lạc, niệm Phật không gián đoạn và thấy được Đức Phật A-di-đà cầm đài vàng đến đón. Bấy giờ, sư Huệ Cung ngồi trên đài vàng, thấy Huệ Lan, Tăng Quang v.v... ngồi trên đài Quang Minh và nói với ngài Huệ Cung: “Trưởng lão đã được sinh vào thượng phẩm, chúng tôi không còn gì vui hơn, tiếc nỗi đời ngũ trước[24] dài lê thê mà chúng ta gặp nhau muộn quá”. Huệ Cung nghe vậy, vô cùng vui vẻ, tinh thần phấn khởi mà thị tịch.

12. Đời Tấn, Thích Huệ Kiền

Sư xuất gia từ nhỏ, giới hạnh nghiêm minh. Vào niên hiệu Nghĩa Hi (405), sư đến cư trú tại chùa Gia Tường ở huyện Sơn Âm, tỉnh Giang Tây, ra sức nuôi dạy đồ chúng. Sau đó, sư mắc bệnh, một lòng cầu sinh Cực lạc; sư thành tâm cầu khẩn bồ-tát Quán Thế Âm. Bấy giờ, phía bắc ngôi chùa có vị ni tên Tịnh Nghiêm, đức độ sâu dày, siêng năng tu tập. Vào một đêm, Tịnh Nghiêm nằm mộng thấy bồ-tát Quán Thế Âm từ cửa thành phía tây đi vào, thân chiếu ánh sáng như mặt trời mặt trăng, có tràng phan, bảo cái, bửu báu trang nghiêm. Tịnh Nghiêm kinh ngạc đỉnh lễ và hỏi:

- Đại sĩ đi đâu?

Đáp:

- Ta đến chùa Gia Tường rước Huệ Kiền.

Tuy Huệ Kiền bị bệnh nặng, nhưng thần sắc không biến đổi, thị giả đều nghe có hương thơm lạ. Sau đó sư an nhiên thị tịch.

Ghi chú:

Lúc lâm chung thấy Đức Phật, hoặc có người nghi đó chỉ là tâm vọng tưởng của chính mình. Nay có người cũng thấy là thế nào! Nên biết sự cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Hãy cẩn thận với lời nói!

13. Đời Tấn, Thích Tăng Hiền

Sư người Thiên Trúc, một hôm sư đi về hướng nam đến Giang Tả, thì bị bệnh nặng, hết lòng cầu sinh Tây phương, nỗ lực không ngừng. Sau đó, sư thấy Đức Phật A-di-đà chiếu ánh sáng vào thân mình, bệnh tật có thuyên giảm, liền ngồi dậy tắm rửa và nói cho mọi người nghe về việc mình thấy Phật, đồng thời trình bày thuyết nhân quả, lời lẽ ý nghĩa thiết thực. Sáng sớm hôm sau, sư ngồi ngay thẳng mà thị tịch.

Ghi chú:

Tì-kheo biếng nhác, khi có bệnh thì nói: “Sức tôi suy yếu, đợi bình phục lại, sau đó mới niệm Phật”. Nhưng họ không biết niệm Phật chính là vượt qua sự già, bệnh; có bệnh mà chuyên tâm niệm Phật chính là lúc thích hợp để thấy rằng, nhờ sức niệm Phật không những hết bệnh mà còn được vãng sinh.

Quý thay!

14. Đời Tấn, Thích Huệ Thông

Sư theo thiền sư Huệ Thiệu ở Lương Châu để học thiền, nhưng lại chuyên tâm cầu sinh Cực lạc. Một hôm, sư bị bệnh nhẹ, an trụ trong thiền định thấy một người hình tướng rất đẹp nói với sư: “Giờ lành đã đến!”. Một lát sau, sư thấy Đức Phật A-di-đà phóng hào quang rực rỡ. Sau khi xuất định, sư đem việc ấy kể với những người đồng học. Kể xong, sư an nhiên thị tịch. Lúc sư tịch có hương thơm lạ suốt ba ngày mới dứt.

15. Đời Tấn, Thích Pháp Lâm

Sư người Lâm Ngang, giữ giới luật tinh nghiêm. Sư cư ngụ tại chùa Linh Kiến ở Thành Đô, chuyên tu tịnh nghiệp, thường trì tụng hai kinh *A-di-đà*^[25] và *Quán Thế Âm*. Một hôm, trong lúc tụng kinh, sư bỗng thấy một vị sa-môn thân hình to lớn, đứng sừng sững trước mặt. Đến niên hiệu Kiến Vũ thứ hai (305), sư mắc bệnh, nhưng luôn chuyên tâm lễ bái, cầu sinh về Tây phương, và thấy các vị hiền thánh xuất hiện trong hư không, sư chấp tay mà thị tịch.

Ghi chú:

Ngài Pháp Lâm tụng kinh, có một vị sa-môn xuất hiện trước mặt; đó là vì lòng chí thành nên được cảm ứng chứ không có gì lạ. Sư nhất định được vãng sinh Tây phương mà không còn bị ràng buộc vào việc này. Vì thế, người tu tịnh nghiệp chớ có vướng vào việc mong cầu.

16. Đời Tống, Thích Đàm Giám

Suốt đời sư, nếu có làm được chút việc thiện gì đều hồi hướng về Tây phương, cầu mong gặp Phật. Một hôm, khi sư đang nhập định thì thấy Đức Phật A-di-đà dùng nước vẩy vào mặt và nói: "Ta rửa sạch bụi bần cho ngươi, gội rửa tâm niệm, thân khẩu cho ngươi, khiến tất cả đều được trong sạch". Sư lại thấy trong bình mọc lên một hoa sen, và thấy Đức Phật lấy hoa sen ấy trao cho sư. Sau khi xuất định, sư từ biệt tăng chúng trong chùa. Đêm càng về khuya, mọi người thấy sư vẫn một mình đi bộ dưới hành lang niệm Phật, đến canh năm thì tiếng niệm Phật của sư càng lớn và kéo dài đến sáng. Đệ tử của sư theo lệ thường đến thỉnh an, nhưng sư vẫn ngồi yên không cử động và nhìn thẳng vào đệ tử mà thị tịch.

17. Đời Tề, Thích Tăng Nhu

Sư học các kinh như: *Phương đẳng* v.v... nhưng chỉ lấy việc cầu sinh Tịnh độ làm mục đích chính. Ngày sắp thị tịch, sư thấy một nghìn Hóa Phật; trong phòng, ngoài phòng đều nghe hương thơm lạ. Sư quay mặt về hướng tây đỉnh lễ rồi thị tịch.

18. Đời Tề, Thích Huệ Quang

Sư người Lạc Dương. Sư sở giải các kinh như: *Hoa nghiêm*[26], *Niết-bàn*[27], *Thập địa kinh luận*[28] v.v... Sư am hiểu tường tận ý nghĩa cốt tủy của Quyền giáo và Thật giáo[29]. Một hôm, sư đang bệnh nặng, bỗng thấy các vị trời đến rước. Sư nói: "Ta chỉ nguyện sinh về Cực lạc thôi!". Bỗng chốc sư thấy vô số hóa Phật ở cõi Tịnh độ khắp cả hư không. Lúc ấy, sư nói: "Xin Đức Phật tiếp nhận con, cho con được toại nguyện!". Nói xong, bỗng chốc sư thị tịch.

Ghi chú:

Ở cõi trời có nhiều thú vui và có cả người nữ, chẳng phải là nơi giải thoát. Người xưa nói: "Cho dù tu tập được sinh lên cõi trời Phi Phi Tưởng cũng không bằng sinh về Tây phương!". Vì thế, có người tán thán cõi Tịnh độ như sau: "Người được sinh vào thượng phẩm tức là đạt đến bờ giải thoát, còn người sinh vào hạ phẩm vẫn hơn kẻ sinh ở cõi trời". Nay sư trong giờ phút

lâm chung cận kề mà vẫn xác định rõ ràng, chắc chắn ước nguyện của mình, nên đáng được ca tụng là người vừa sáng suốt, vừa dũng mãnh.

19. Thích Huệ Tấn

Sư trụ ở chùa Cao Tòa, phát nguyện tụng kinh *Pháp hoa* và chép một trăm bộ kinh; sư nguyện đem công đức ấy cầu mong được sinh về Cực lạc. Một thời gian sau, sư nghe trên hư không có tiếng bảo rằng: “Nguyện của ông đã đủ, nhất định sẽ được vãng sinh”. Về sau, sư không bệnh mà thị tịch.

20. Đời Lương, Thích Đạo Trân

Sư trụ ở Lô Sơn, chuyên tu tịnh nghiệp. Một đêm, sư nằm mộng thấy một người chèo thuyền trên biển, sư hỏi:

- Làm sao đến được nước của Phật A-di-đà?”.

Sư xin đi theo người kia, người chèo thuyền nói:

- Ông chưa làm phòng tắm và chưa tụng kinh *A-di-đà* nên không thể đi được.

Sau khi thức dậy, sư liền làm phòng tắm cho tăng và tụng kinh *A-di-đà*, suốt một năm không gián đoạn. Một hôm, bỗng có một cái đài bằng bạch kim giáng xuống mặt hồ trong phòng của sư. Sư âm thầm ghi lại việc này và đặt vào hòm kinh. Đêm sư thị tịch, từ lưng chừng núi trở lên như có hàng nghìn ngọn đuốc đang hừng hực cháy; ánh sáng của những ngọn đuốc đan xen nhau sáng rực cả một vùng, người dân trong thành từ xa đều trông thấy. Mọi người cho rằng đó là các vua tế lễ. Sáng hôm sau, họ mới hay tin sư thị tịch. Sau này xem lại trong hòm kinh mới biết đó là điềm cảm ứng của sư. Có lẽ sư sinh về Tịnh độ đã lâu rồi.

Ghi chú:

Tổ Huệ Viễn ba lần nhìn thấy Phật A-di-đà, nhưng không nói một lời; sư Đạo Trân được cái đài bằng bạch kim giáng xuống bên hồ mà vẫn lặng thinh. Người xưa tài đức sâu dày như thế! Những kẻ có kiến thức nông cạn, vừa được chút điều lạ đã vội vàng khoe khoang. Nhỏ thì mất những gì mình có; lớn thì làm tăng thêm sự sai quấy của mình. Lẽ nào không cần thận sao!

21. Đời Hậu Ngụy, Thích Thần Loan

Thuở nhỏ sư đến núi Ngũ Đài, cảm điềm linh dị nên phát tâm xuất gia, nhưng sư lại thích thuật “Trường sinh bất tử”, do đó, sư thụ trì bộ kinh dạy tu tiên, gồm mười quyển của Đào Ẩn Cư[30] trao cho. Sau này, sư gặp Bồ-đề-lưu-chi và hỏi:

- Phật giáo có thuật “Trường sinh bất tử” không?

Bồ-đề-lưu-chi cười đáp:

- Thuật “Trường sinh bất tử” là của đạo Phật. Rồi Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi trao cho sư quyển kinh *Thập lục quán* và nói: “Ông tu theo quyển kinh này thì không còn sinh vào ba cõi, lui tới trong sáu đường[31]. Đó mới gọi là “Trường thọ”; trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng, không có gì sánh được. Đây là thuật “Trường sinh bất tử” của đạo Phật.

Sư vô cùng vui mừng, liền đốt kinh Tiên của Đào Ẩn Cư, nỗ lực tu tịnh nghiệp; dù gặp lúc thời tiết nóng bức hay giá rét, hoặc những khi có bệnh, sư cũng không xao lãng việc tu tập. Vua nước Ngụy ban cho sư hiệu là Thần Loan. Vào một đêm nọ, trong phòng sư bỗng nhiên xuất hiện một vị tăng người Ấn Độ nói với sư:

- Tôi là Long Thọ, từ lâu ở cõi Tịnh độ, vì thấy ông cũng muốn cầu sinh về Tịnh độ nên mới đến gặp.

Sư tự biết thời khắc đã đến, nên tập hợp đại chúng lại và dạy: “Nhiều lao nhọc không có ngày ngưng nghỉ, những sự khổ đau ở địa ngục không thể không lo sợ; chín phẩm tịnh nghiệp không thể không siêng tu”. Nhân đó, sư bảo các đệ tử cùng đồng thanh niệm Phật, rồi sư xoay mặt về hướng tây đỉnh lễ mà thị tịch. Lúc ấy, đại chúng nghe có tiếng nhạc trời từ hướng tây vọng lại, kéo dài rất lâu mới dứt.

Ghi chú:

Có đạo sĩ từng nói: “Đạo Phật có chết, thần tiên trường sinh”. Nay Bồ-đề-lưu-chi nói: “Đạo Phật có pháp trường sinh, thần tiên không có”. Sự lập luận này tuy đơn giản, nhưng lưu truyền muôn thuở. Pháp sư Thần Loan bỏ tà về chính như cởi đôi giày xấu. Há chẳng phải kiếp trước có tạo nhân tốt sao!

22. Đời Tuy, Đại sư Trí Giả

Sư Trí Khải, hiệu là Trí Giả Đại Sư, người Dĩnh Châu. Lúc nhỏ, sư thấy tượng Phật, Bồ-tát liền đỉnh lễ, gặp chư tăng thì xá chào. Năm mười tám tuổi, sư xuất gia tại chùa Quả Nguyện, sau đó, theo học với Đại thiên sư Huệ Tư ở núi Nam Nhạc. Nhân duyên hoằng dương Phật pháp đã mãn, sư đến trụ tại

chùa Thạch Thành ở Diêm Đông. Lúc sắp thị tịch, sư nói với chúng đệ tử: “Tôi biết mạng sống đến đây, không thể sống thêm nữa; hôm nay phải từ biệt mọi người”. Sư liền đọc tựa đề kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật* xong, lại nói: “Đức Phật dùng bốn mươi tám lời nguyện để trang nghiêm cõi Tịnh độ; cõi ấy có ao sen và cây báu, dễ vãng sinh mà không có người vãng sinh. Như người vừa thấy tướng xe lửa[32] hiện ra, sinh lòng hối cải còn được vãng sinh, huống gì người chuyên tu giới, định, tuệ thì thánh hạnh, đạo lực, công đức ấy không mất”.

Sư Trí Lãng hỏi:

- Không biết đại sư chúng đến giai vị nào? Sau khi từ giả cõi đời này sinh về đâu?

Sư đáp:

- Tôi không thống lĩnh đồ chúng thì đắc Lục căn thanh tịnh[33], vì hao tổn sức để làm lợi ích cho người, chỉ lên giai vị ngũ phẩm; ông hỏi tôi sinh về đâu ư? Các thầy và bạn của tôi đều đang hầu cận bồ-tát Quán Thế Âm, họ sẽ đến đón tôi. Nói xong, sư niệm danh hiệu Tam bảo, như nhập thiền định.

Ghi chú:

Đại sư đạo cao đức trọng, là một nhà giáo quán[34], được muôn đời kính ngưỡng, nhưng lúc sư xả báo thân này chỉ một lòng cầu sinh về Tây phương. Ngoài ra, sư còn viết lời sớ của kinh *Quán Vô Lượng Thọ* và trước tác bộ *Thập nghi luận*. Sư một đời ân cần dạy dỗ đồ chúng, chí nguyện ấy có thể thấy được. Hoặc có người nói: “Kinh sớ lấy tâm quán làm tông, như vậy, Tịnh độ không có thật ư?”. Ôi! Đại sư cho rằng, dùng tâm quán Phật thì không thể nói là không có Phật; nếu không có Phật thì tâm làm sao quán? Chính báo thể nào thì y báo thể ấy. Người học tông Thiên Thai phải hiểu rõ điều này.

23. Đời Tùy, Thích Pháp Hỷ

Sư thường trì tụng *Phương đẳng sám pháp*. Một hôm, có một con trỉ[35] đến đòi đền mạng. Lúc đó có một vị thần trách rằng: “Pháp sư sẽ vãng sinh Tịnh độ, làm sao đền mạng cho người được?” Sau này, trong lúc bệnh, sư phát nguyện đem tất cả công đức tạo được trọn đời hồi hướng vãng sinh Tây phương. Rồi sư chí tâm niệm Phật, liền thấy chư Phật và bồ-tát đến rước và ngồi thẳng thị tịch.

Ghi chú:

Trong kinh ghi: “Những nghiệp đã gây tạo, dù trải qua trăm nghìn kiếp cũng không mất, khi hội đủ điều kiện thì phải tự chịu quả báo”. Sư vô ý tạo nghiệp ác, nhưng vì được vãng sinh Tịnh độ nên không đến mạng cho con trỉ. Bởi vì, một khi đã được sinh về Tịnh độ thì vĩnh viễn không còn bị luân hồi thì làm gì có điều kiện để gặp lại? Nếu như người đã chứng quả vô sinh nhẫn rồi trở lại Ta-bà làm lợi ích cho chúng sinh, dù phải đền nợ cũ thì dầu bị dao bén chặt đầu, cũng giống như chém gió xuân. Đâu thể nói giống với hàng phàm phu trong sáu đường được!

24. Thích Quán Đỉnh

Sư người Chương An, là đệ tử của đại sư Trí Giả, hằng ngày chỉ chuyên tâm niệm Phật. Lúc sư sắp thị tịch, trong phòng có hương thơm lạ. Sau khi sư căn dặn đồ chúng xong, bỗng ngồi dậy chấp tay niệm danh hiệu Phật A-di-đà và bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí rồi an nhiên thị tịch.

25. Đời Tùy, Thích Huệ Thành

Sư người Chi Giang, thường tụng kinh *A-di-đà*, tu pháp quán cõi Tây phương suốt ba mươi năm, thường ngồi không năm. Mỗi khi sư nhập định đều thấy hoa sen và cây báu ở cõi Tịnh độ. Đêm sư thị tịch, có người nằm mộng thấy sư ngồi trên hoa sen, lẳng lẳng đi về hướng tây.

26. Đời Tùy, Thích Đạo Dụ

Sư ở chùa Khai Giác, thường niệm danh hiệu Phật A-di-đà, ngày đêm không bỏ, và sư có tạo một tượng Phật chỉ cao ba tấc. Sau đó, sư nhập định thấy Đức Phật dạy:

- Người tạo hình của ta nhỏ vậy sao?

Sư bạch:

- Bạch đức Thế Tôn! Tâm lớn tức là tượng lớn; tâm nhỏ tức là tượng nhỏ. Nói xong, sư thấy hình tượng Phật khắp cả hư không.

Đức Phật bảo:

- Người hãy tắm rửa sạch sẽ, lúc sao mai mọc, ta sẽ đến rước người.

Đến giờ đã định, quả thật thấy Đức Phật đến, ánh sáng chiếu khắp phòng, sư ngồi thẳng mà thị tịch.

Ghi chú:

Tâm lớn tức là tượng lớn; tâm nhỏ tức là tượng nhỏ. Như vậy, tâm như uestức mọi thứ đều như uest; tâm trong sạch thì mọi thứ đều trong sạch. Sư Đạo Dụ thấy một Đức Phật đầy khắp cả hư không. Trước đó, các sư Tăng Nhu, Huệ Quang cũng thấy nhiều Đức Phật khắp cả hư không. Bởi vì, một tức là nhiều, nhiều tức là một, chẳng có sự hơn kém nhau.

27. Đời Tùy, Thích Trí Thuần

Sư đến Lô Sơn nổi gót ngài Huệ Viễn tu tịnh nghiệp. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605), sư giảng bộ kinh *Quán Vô Lượng Thọ* xong thì phát bệnh. Trong lúc ấy, sư thấy chim anh vũ, khổng tước niệm Phật, Pháp, Tăng, và nghe được âm thanh vi diệu. Sư bảo các đệ tử: "Ngày nay ta vãng sinh". Nói vừa dứt lời, sư an nhiên thị tịch.

28. Đời Tùy, Thích Huệ Hải

Sư ở chùa An Lạc, Giang Đô, rất giỏi kinh luận, chuyên tâm niệm Phật. Bấy giờ, có một vị tăng tên Đạo Thuyên từ Tề Châu đến, có mang theo một bức họa Phật A-di-đà, nét vẽ sắc sảo, ở Trung Quốc chưa có. Khi hỏi thì vị ấy đáp: "Đây là do bồ-tát Ngũ Thông trụ chùa Kê-đầu-ma ở Thiên Trúc, bay lên hư không, đến thế giới An lạc kia, vẽ Đức Phật rồi mang về đây". Sư cảm động trước sự gặp gỡ này, nên cung kính đỉnh lễ, liền thấy ánh sáng rực rỡ lạ kì. Lúc ấy, sư theo mẫu đó mà vẽ lại một bức và siêng năng niệm Phật nguyện sinh về nước Đức Phật kia. Sau đó, sư bị bệnh nhẹ, vào một đêm, bỗng nhiên sư ngồi dậy như thường lệ, xoay mặt về hướng tây đỉnh lễ xong, ngồi kiết-già đến sáng và thị tịch, dáng vẻ nghiêm trang như đang còn sống.

Ghi chú:

Thế giới Cực lạc cách đây mười vạn ức cõi Phật, cũng không thể nương vào hư không mà đến được. Vì lòng chí thành của Huệ Hải nên cảm đến Đức Phật. Việc ấy Đạo Thuyên làm sao biết được! Đó chẳng phải là sư Huệ Hải được xếp vào bậc hiền thánh của Tịnh độ rồi sao!

29. Đời Tùy, Thích Pháp Trí

Sư xuất gia từ nhỏ, nhưng đến lúc tuổi già mới nghe được pháp môn Tịnh độ, thì sư cho rằng, không pháp môn nào hơn pháp môn này. Sư liền nói với mọi người: Tôi nghe trong kinh dạy: "Phạm một tội Đột-kiết-la[36] sẽ bị đọa vào địa ngục một trung kiếp, điều đó đáng tin." Sư lại nói: "Một lần niệm danh hiệu Phật A-di-đà, diệt được tội nặng sinh tử trong tám mươi ức kiếp, tôi không tin điều ấy."

Bấy giờ, có một người thông hiểu Phật pháp nói với sư: “Ông là người đại tà kiến[37]! Tất cả đều là lời Phật dạy, sao không tin được?” Nghe vị kia nói vậy, sư liền ngồi trên đài Đâu-suất ở chùa Quốc Thanh, đêm ngày siêng năng niệm Phật. Một hôm, sư bỗng từ biệt tất cả đồ chúng và nói: “Tôi vãng sinh Tây Phương”. Nửa đêm, sư không bệnh mà thị tịch. Bấy giờ, có ánh sáng màu vàng chiếu soi vài trăm dặm, người đánh cá trên sông cho là trời sáng, nhưng họ đợi rất lâu trời mới sáng. Sau đó, họ mới biết là do điềm lành vãng sinh của sư.

Ghi chú:

Đức Phật dạy: “Lời nói của ta như mật đựng trong chén, giữa và xung quanh đều ngọt, nên các người phải tin nhận”. Cho nên tin một điều ác nhỏ sẽ đọa vào địa ngục, mà không tin niệm một danh hiệu Phật được sinh về Tây Phương; điều này thật đáng gọi là tà kiến. Những năm gần đây, người thích trì chú, nghe nói công dụng của thần chú có thể dời núi lấp biển, sai khiến quỷ thần, cầu chi được nấy, vì thế nên vội tin. Khi nghe nói đến công đức của cõi Tịnh Độ, có thể thẳng tiến lên bậc thánh, vượt qua ba cõi, thờ ơ không để ý đến. Họ là những người tà kiến, thật là đáng thương!

30. Đời Đường, hòa thượng Thiện Đạo

Vào khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-649), sư gặp thiền sư Tây Hà Xước lập đạo tràng Cửu Phẩm. Sư vui vẻ nói: “Đây là con đường tắt thẳng đến quả vị Phật, còn tu các pháp môn khác cũng như đi đường vòng khó mà thành tựu; chỉ có pháp môn niệm Phật này mới nhanh thoát khỏi sinh tử”. Vì thế, cần phải siêng năng chịu khó, ngày đêm lễ Phật tụng kinh, đồng thời khích lệ đại chúng tu tập. Mỗi khi sư vào thất quỳ lạy, niệm Phật nếu chưa kiệt sức thì không dừng nghỉ; khi ra thất thì diễn thuyết cho mọi người nghe về pháp môn Tịnh độ. Hơn ba mươi năm sư không ngủ, có thức ăn ngon thì đưa xuống nhà bếp, đồ ăn dở để mình dùng. Sư đem tiền tín thí cúng dường chép một trăm nghìn quyển kinh *A-di-đà* và vẽ ba trăm bức tranh toàn cảnh Tịnh độ, sửa sang những phòng ốc bị hư, đốt đèn sáng luôn, ba y một bát, không sai người mang, chỉ đi một mình, vì sợ bàn chuyện thế tục. Người được sư giáo hóa rất đông; có người tụng kinh *A-di-đà* mười vạn đến năm mươi vạn biến, có người một ngày niệm danh hiệu Phật một vạn đến mười vạn lần, người đảnh niệm Phật tam-muội, người được vãng sinh Tịnh độ nhiều không sao kể xiết. Có người hỏi:

- Niệm Phật sẽ vãng sinh Tịnh độ chăng?

Sư đáp:

- Niệm Phật cầu sinh Tịnh độ cũng giống như ông mong muốn điều gì thì sẽ đạt được điều đó.

Nói xong, sư niệm Phật một tiếng thì có một luồng ánh sáng từ trong miệng phát ra; niệm mười đến một trăm lần cũng phát ra ánh sáng như vậy. Sư làm một bài kệ để khuyên mọi người:

Dần dà tóc bạc da nhăn

Mắt mờ đi đứng khó khăn

Dầu cho vàng ngọc đầy nhà

Đâu khỏi già yếu bệnh khổ

Dù ông có bao nhiêu vui

Cũng không tránh khỏi vô thường

Chỉ có tu theo đường tắt

Phải niệm Phật A-di-đà.

Rồi sư lại nói với mọi người: “Thân này thật đáng chán, ta sắp vãng sinh rồi”. Sư liền trèo lên cây liễu, xoay mặt về hướng tây cầu nguyện: “Xin Phật tiếp dẫn con, bồ-tát giúp đỡ con, khiến cho con không mất chính niệm, được vãng sinh Tịnh độ!”. Nói xong, sư buông tay rơi xuống và thị tịch. Hoàng đế Cao Tông biết được việc ấy, ban cho chùa một bức hoành đề chữ: “Quang Minh”.

Ghi chú:

Hòa thượng Thiệu Đạo, được người đời truyền tụng là hóa thân của Phật A-di-đà. Sư không những tự mình thực hành tinh nghiêm mà còn làm lợi ích rộng khắp chúng sinh muôn đời sau, khiến mọi người phát khởi lòng tin. Nếu sư không phải hóa thân của Phật A-di-đà thì cũng là các ngài Quán Âm, Phổ Hiền. Thật tốt đẹp thay! Thật vĩ đại thay!

31. Đời Đường, Thích Trí Khâm

Sư chuyên tu thiền định và xưng lạy danh hiệu của một vạn năm nghìn vị Phật, đến một trăm lần. Về sau, sư đứng trước tháp A-dục vương ở Liễu Châu, đốt một cánh tay để cầu sinh Tịnh độ. Vào lúc nửa đêm, đệ tử của sư là Tăng Hộ thấy trước sân tự nhiên có ánh sáng, liền hỏi:

- Người nào cầm đuốc đó? Hỏi đến ba lần như thế.

Bỗng trong hư không có tiếng bảo:

- Ta đến đón thiền sư Trí Khâm.

Tăng Hộ liền mở cửa sổ ra, thấy thân Phật chiếu sáng, có tràng phan, bảo cái khắp cả hư không và thấy sư bước từ từ theo Phật.

Ghi chú:

Việc đốt thân, đốt tay trong kinh đại thừa thường nhắc đến, nhưng đây là việc làm của bồ-tát đạt được sức nhẫn, chứ chẳng phải việc làm của hàng sơ phát tâm. Người cầu sinh về Tây phương, phải học theo hạnh tham thiền, lễ Phật của sư Trí Khâm, nhưng không nhất định phải học theo việc đốt tay của sư. Những người can đảm đốt tay để trị các tật xấu, việc ấy cũng rất nhiều. Người xưa nói: “Khéo học theo gương Liễu Hạ Huệ[38]”. Không nhất thiết phải đốt tay!

32. Đồi Đường, pháp sư Ngũ Hội[39]

Niên hiệu Đại Lịch thứ hai (767), sư Pháp Chiếu trú tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, thường lấy từ bi, nhẫn nhục, trì giới, thiền định làm tông chỉ. Một hôm, sư thấy trong bát cháo hiện ra mây lành năm sắc, trong mây hiện ra một ngôi chùa Đại Thánh Trúc Lâm. Sau đó, sư đến Ngũ Đài Sơn thấy có ánh sáng lạ, quả thật ở đó có một ngôi chùa tên là Trúc Lâm. Lúc sư bước vào giảng đường thì thấy bồ-tát Văn-thù ngồi ở hướng tây, bồ-tát Phổ Hiền ngồi hướng đông, đại chúng vây quanh nghe hai ngài thuyết pháp. Sư đĩnh lễ và thưa:

- Vào đời mạt pháp[40] kẻ phàm phu phải tu pháp môn nào?

Ngài Văn-thù đáp:

- Tất cả các pháp môn tu không gì bằng pháp môn Niệm Phật. Ta do niệm Phật mà đắc Nhất thiết chủng trí[41].

Sư lại hỏi:

- Phải niệm như thế nào?

Ngài Văn-thù đáp:

- Ở thế giới Tây phương có Đức Phật A-di-đà và nguyện lực của Ngài không thể nghĩ bàn. Ông phải niệm liên tục không để gián đoạn, nhất định sẽ được vãng sinh.

Sau này, vào đầu tháng chạp, tại đạo tràng Tịnh nghiệp ở viện Hoa Nghiêm, sư mới nhớ lại lời của hai vị Đại sĩ thụ kí cho mình được vãng sinh, liền nhất tâm niệm Phật. Một hôm, sư chợt thấy một vị tăng tên Phật-đà-ba-ly nói: “Đài sen của ông chờ sẵn, ba năm sau hoa sẽ nở”. Đến lúc sắp mạng chung, sư nói với đại chúng: “Tôi đi đây”. Nói vừa dứt lời, sư ngồi ngay thẳng và thị tịch.

Lúc sư đến ở chùa Hồ Đông mở Ngũ Hội niệm Phật[42], cảm ứng tướng mây lành và lầu gác báu, lại thấy Đức Phật A-di-đà và hai vị bồ-tát khắp cả hư không. Lại nữa, Ngũ Hội niệm Phật ở Tinh Châu này cảm đến cung vua, hoàng đế Đại Tông cũng nghe tiếng niệm Phật. Vua bèn sai người đi tìm thì thấy sư đang giảng dạy rất nhiều người, liền mời vào kinh thành để dạy cho những người trong cung niệm Phật. Khi dạy cho mọi người trong cung niệm Phật, sư cũng lập Ngũ Hội, nên gọi sư là Ngũ Hội pháp sư.

Ghi chú:

Cảm điềm mộng trước, thấy cảnh trí sau, điều này rõ ràng thật đáng tin. Như thế, các pháp môn tu khác không bằng pháp môn Niệm Phật, là lời của ngài Văn-thù chỉ dạy. Việc ấy không đáng tin sao!

Báo ba năm trước hoa sen đã chờ sẵn là chỉ cho lúc mới khởi lòng tin, đang ở trong nhụy hoa sen, tùy theo mình siêng năng hay lười biếng mà hoa tươi hoặc héo, điều này không đủ để tin ư! Than ôi! Thảm hiện điềm linh dị phù hợp với lời thụ kí của bồ-tát Văn-thù mà sư lập nên Ngũ Hội niệm Phật, âm thanh thấu suốt Cửu trùng. Há chẳng phải nhờ vào bi nguyện mà sinh ra sao!

33. Đời Đường, pháp sư Đài Nham Khang[43]

Sư người Tiên Đô, Tấn Vân. Năm mười lăm tuổi, sư lâu thông kinh *Pháp hoa*[44] và *Lăng-nghiêm*[45]

Vào niên hiệu Trinh Quán (627-649), sư đến trụ tại chùa Bạch Mã[46] ở Lạc Dương, sư thấy trong chính điện có một bản văn phát ra ánh sáng, liền tìm hiểu nguồn gốc, mới biết là bản văn Tây Phương Hóa Đạo của hòa thượng Thiện Đạo. Sư cầu nguyện: “Nếu tôi có duyên với cõi Tịnh độ thì khiến cho ánh sáng phát lại lần nữa”; sư vừa nói dứt lời, có ánh sáng lấp lánh. Sư phát nguyện: “Dù trải qua nhiều kiếp gian khổ, chí nguyện của tôi cũng

không thay đổi". Sư liền đến nhà thờ hòa thượng Thiện Đạo tại chùa Quang Minh ở Trường An lễ bái, bỗng thấy một pho tượng bay lên hư không và nói: "Ông y theo lời dạy của ta mà giáo hóa chúng sinh, sau này công đức thành tựu, sẽ sinh về cõi Cực lạc". Sau đó, sư đến Tân Định, tiền hóa duyên được đem dụ những đứa trẻ niệm Phật, cứ một câu niệm Phật là cho một đồng tiền. Một năm sau, tất cả mọi người không kể lớn nhỏ, giàu nghèo, khi gặp sư họ đều niệm A-di-đà Phật. Do vậy mà tiếng niệm Phật truyền khắp đường sá.

Sau, sư đến núi Ô Long[47] lập đạo tràng Tịnh Độ, nhóm chúng niệm Phật, mỗi khi thăng tòa, sư niệm Phật một tiếng, đại chúng thấy một Đức Phật từ trong miệng bay ra; niệm Phật mười tiếng thì có mười Đức Phật bay ra. Sư nói: "Ai thấy Phật ắt sẽ được vãng sinh". Lúc ấy trong pháp hội có vài nghìn người, nhưng có một số người không thấy Phật, họ đau xót tự trách, nhờ đó mà tinh tấn tu tập niệm Phật nhiều hơn.

Đến ngày mùng 3 tháng 10 niên hiệu Trinh Nguyên năm hai mươi mốt (805), sư dặn dò chư tăng, ni và Phật tử: "Mọi người phải khởi tâm ưa thích ở cõi Tịnh độ, sinh lòng nhàm chán, lìa xa cõi Diêm-phù-đề[48]. Lúc này, người nào thấy ánh sáng của tôi chính là đệ tử của tôi". Sư liền phóng ra ánh sáng lạ nhiều màu và thị tịch. Tháp của sư được an trí tại đài Tử Nham, nên gọi sư là Đài Nham pháp sư.

Ghi chú:

Có người nghi ngờ việc Phật từ trong miệng sư bay ra, họ cho là điều quái lạ. Than ôi! Đức Thế Tôn lúc gặp voi say, trên đầu năm ngón tay Ngài xuất hiện năm con sư tử ánh sáng màu vàng, Thế Tôn nói: "Ta đâu có tâm chế ngự voi! Vì từ vô lượng kiếp đến nay, Ta tu pháp từ bi, nhẫn nhục, tự nhiên có năm con sư tử xuất hiện, Ta cũng không hay biết". Nay thấy Đức Phật từ trong miệng pháp sư Đài Nham Khang bay ra, đây cũng từ vô lượng kiếp đến nay, do lòng kính ngưỡng dẫn đến mà thôi. Đâu có gì lạ! Ở thế gian có những vị thầy tà dạy mọi người, ban đêm ngồi đốt hương chí thành cầu nguyện sẽ thấy Đức Phật hiện, cho là có cảm ứng. So sánh giữa hai việc tà và chính thật xa vời, người tu tịnh nghiệp không thể không hiểu rõ điều này.

34. Đồi Đường, Thích Tự Giác.

Sư người Chân Châu, thường phát nguyện: "Nguyện nhờ bồ-tát Quán Thế Âm mà thấy được Đức Phật A-di-đà".

Bấy giờ, sư đúc một pho tượng bồ-tát Quán Thế Âm cao bốn mươi chín thước để hoàn thành chí nguyện. Đêm đó, vào canh ba, sư bỗng thấy hai luồng ánh sáng màu vàng, Đức Phật A-di-đà từ trong luồng ánh sáng ấy bước xuống, có hai vị bồ-tát đi hai bên. Đức Phật đưa tay xoa đầu sư và nói: “Ông giữ trọn lời nguyện không thay đổi, lấy việc lợi ích chúng sinh làm đầu thì sẽ được vãng sinh, ai cũng được toại nguyện!”.

Về sau, vào tối 15 tháng 7 năm mười một (795), sư thấy một hình người giống như Thiên vương hiện thân trong đám mây và nói với Sư rằng: “Kì hạn vãng sinh về cõi Cực lạc của ngài đã đến”. Nghe xong, Sư ngồi kiết-già trước tượng bồ-tát Quán Thế Âm mà thị tịch.

35. Đời Đường, Thích Thiện Trụ

Sư người Doanh Châu. Đến niên hiệu Vũ Đức thứ ba (621), sư bị bệnh nặng, liền nói với mọi người: “Tôi một đời chính tín, không lo không vãng sinh Tịnh độ”. Sư liền cầm phất trần quơ bụi trong phòng, đốt hương cung kính; tuy bệnh nằm từ lâu, nhưng sư bỗng ngồi dậy chấp tay và nói với thị giả: “Ông hãy thiết lập bàn Phật và đỡ tôi ngồi dậy”, rồi sư tự trình bày tội lỗi của mình trước Phật mà sám hối. Hồi lâu, sư nói: “Đức Thế Tôn ra đi”. Sư cúi thân xuống giống như đưa tiễn, rồi nằm xuống và nói: “Vừa rồi Đức Phật A-di-đà đến, các người có thấy không? Không lâu nữa ta sẽ vãng sinh”. Lát sau, sư thị tịch.

36. Đời Đường, Thích Thần Tổ

Sư người Minh Điều, An Ấp, lấy việc diễn giảng làm sự nghiệp, danh tiếng sánh ngang với ngài Đạo Kiệt. Một đời hành đạo, sư luôn nghĩ về Tây phương.

Niên hiệu Trinh Quán thứ hai (629), mọi người thỉnh sư trụ trì ở chùa Thê Nham. Đến ngày 23 tháng 2 năm thứ mười bảy (644), sư triệu tập đại chúng lại và nói lời tạm biệt, ngồi kiết-già trang nghiêm và bảo mọi người tụng phẩm *Quán Âm Phổ Môn* hai biến, riêng sư thì niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Sau đó, sư lại bảo một người xướng, mọi người cùng hòa theo. Đến nửa đêm, sư ngồi ngay thẳng an nhiên thị tịch. Tuy da thịt tan rã hết, nhưng xương cốt vẫn giữ tư thế ngồi như cũ.

37. Đời Đường, Thích Huệ Tuyền

Sư xuất gia ở Tương Xuyên, từng truyền bá *Tam luân đại kinh*[49]. Đến ngày mùng 8 tháng 4 niên hiệu Trinh Quán hai mươi ba (650), vào một

đêm sư nằm mộng thấy sơn thần đến bảo: “Không bao lâu nữa pháp sư sẽ vãng sinh về Tây phương!”.

Đến ngày 14 tháng 7, sư giảng kinh *Vu-lan bồn*[50] vừa xong, chấp tay lại và nói: “Lúc sống thụ nhận vật của tín thí, nay cần phải bỏ hết, dù vật nhỏ như cọng lông trở lên đều đem ra giúp cho người nghèo khổ, cô độc trong mười phương và các đạo khác”. Nói xong, Sư ngồi trên pháp tòa mà thị tịch.

Ghi chú:

Thuở xưa, ngài Đạo Sinh thuyết pháp vừa xong, đại chúng thấy cây phất trần rơi xuống đất, ngài ngồi tựa trên ghế mà thị tịch, giống như đang nhập định. Sự việc của sư Huệ Tuyền cũng giống như thế. Than ôi! Ngày thường sống không có đạo lực, đến lúc sắp mạng chung có thể gắng sức được ư!

38. Đời Đường, Thích Hoài Ngọc[51]

Sư người Thai Châu, luôn mặc áo vải thô, ngày ăn một bữa, thường ngồi không năm, tụng kinh *A-di-đà* ba mươi vạn lần, mỗi ngày niệm danh hiệu Phật năm vạn tiếng.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (742), sư thấy Đức Phật và bồ-tát khắp hư không, có một người cầm đài bạc đến rước sư. Sư nói: “Tôi một đời niệm Phật, thế ngồi được đài vàng, tại sao không như ý?” Lúc ấy, thánh chúng liền biến mất. Từ đó, sư càng thêm tinh tiến niệm Phật hơn; hai mươi một ngày sau, có người đưa đài vàng đến và nói: “Vì ngài tinh tiến niệm Phật nên được sinh về Thượng phẩm! Ngài hãy ngồi ngay thẳng mà chờ đợi”.

Ba ngày sau có ánh sáng lạ khắp phòng, sư nói với đệ tử: “Tôi vãng sinh về Tịnh độ”. Nói xong, sư mỉm cười mà thị tịch. Quận Thái thú là Đoàn Hoài Nhiên làm kệ khen rằng:

Pháp sư niệm Phật lên sơ địa

Phật quốc sinh ca hai lần đến

Chỉ có cây hòe xưa trước cửa

Đài vàng máng nặng khiến cành oằn.

Ghi chú:

Có người nói: “Đài bạc đến rồi ẩn mất, đài vàng theo ý nguyện lại đến, đâu thể nào quả báo không có căn cứ? Bởi vì người lựa chọn”. Có người thông

hiểu đáp: “Đây chính là nghĩa vạn pháp do tâm, theo cảm mà có ứng”. Và lại, xe lửa địa ngục đã xuất hiện mà nhất tâm niệm Phật mười tiếng còn được vãng sinh, thiên chúng đến rước. Hết lòng thệ nguyện sinh về Tịnh độ, tướng thiện ác, thánh phàm ngăn cách mà còn có thể chuyển nghiệp trong chốc lát, huống gì vàng bạc giá trị không khác nhau bao nhiêu!

39. Đồi Đường, Thích Đạo Ngang

Sư người ở quận Ngụy, thờ pháp sư Linh Dụ làm thầy. Sư thường đến ở chùa Hàn Lăng Sơn giảng kinh *Hoa nghiêm* và *Địa luận* thấu suốt ngọn ngành, chí cầu sinh về Tây phương, nguyện sinh An Dưỡng. Sau đó, sư tự biết mình sắp đến ngày mạng chung, dự tính vào tháng 8, nhưng mọi người chưa hay biết. Đến ngày mùng 1 tháng 8, thân không mắc bệnh, bỗng sư hỏi đại chúng đã đến giờ Ngọ trai chưa? Hỏi xong, sư lên tòa cao, thân có tướng lạ, trong lò hương có mùi thơm lạ, hương dẫn đại chúng thụ giới bồ-tát, lời lẽ khẩn thiết, người nghe run sợ. Sư ngửa mặt lên cao trông thấy thiên chúng rất đông thối tiêu, đánh đàn reo rất. Sư nói với thiên chúng: “Trời Đâu-suất-đà[52] đến nghinh đón tôi, nhưng thiên đạo là gốc của sinh tử tôi không muốn sinh lên trời, chỉ cầu sinh Tịnh độ, tại sao sự chí thành của tôi không được toại nguyện?” Sư vừa nói xong, nhạc trời liền biến mất. Sư lại thấy người mang hương hoa, đàn hát từ phương tây đông đúc như mây, bay nhảy mà đến vây quanh trên đỉnh đầu, tất cả đại chúng đều trông thấy. Sư nói: “Nay Đức Phật và thánh chúng ở cõi Tây phương đến rước, việc này mới đúng với ý nguyện của tôi”. Chỉ thấy tay cầm lư hương buông xuống, sư liền ngồi trên tòa cao mà thị tịch, dưới chân có hàng chữ Phổ Quang Đường... mọi người xa gần đều kinh ngạc, ngợi khen.

Ghi chú:

Khước từ cõi trời mà cầu sinh Tịnh độ. Ngày trước có Quang Công, sau này có Hồng Công và Đạo Ngang. Bởi vì ba người này trong lúc khẩn cấp mà còn có thể dạy luật cho bốn chúng, ngồi trên tòa cao mà thị tịch. Tướng lành quá nhiều làm hoa mắt, kinh tâm mọi người. Ôi! Lạ lùng thay!

40. Đồi Đường, Thích Đạo Xước

Sư người Văn Thủy, Tinh Châu, xuất gia năm mười bốn tuổi, học tập kinh, luận, sau đó theo ngài Toàn thiên sư học thiền, theo ngài Thần Loan học về pháp môn Tịnh độ. Một hôm, có vị tăng nhập định thấy tràng hạt của sư Đạo Xước như núi lớn bảy báu. Thường ngày, sư giảng *Vô lượng thọ quán kinh*[53] gần hai trăm lần, mọi người tay lần tràng hạt, miệng niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Hoặc đến lúc nghỉ ngơi, sư vào một cái hang trong rừng

sâu, ngày đêm sáu thời cung kính lễ bái không chút xao lãng. Một ngày niệm Phật lấy bảy vạn biến làm định số.

Đến ngày mùng 8 tháng 4 niên hiệu Trinh Quán thứ hai (629), sư thị tịch. Khi mọi người nghe tin sư tịch đến chập cả chùa trong núi, họ thấy hóa Phật trụ trên hư không, hoa trời rải xuống.

41. Đời Đường, Thích Bảo Tướng

Sư người Trường An, Ung Châu, xuất gia năm mười chín tuổi, tu hạnh đầu-đà[54], đêm ngày sáu thời lễ bái, sám hối được bốn mươi năm. Ban đêm sư tụng kinh *A-di-đà* bảy biến, niệm Phật sáu vạn tiếng. Đến khi sư mắc bệnh, nhưng vẫn tụng kinh niệm Phật không bỏ. Sư dặn dò đại chúng: “Niệm Phật là điều trước tiên, chớ để một đời luống qua vô ích, ta sẽ đợi các người ở cõi Tây phương”. Sư lại nói: “Thieu thi thể ta, không cần khắc bài minh vào tháp”. Nói xong, sư thị tịch.

Ghi chú:

Ngài Hoài Ngọc một ngày niệm Phật năm vạn câu, ngài Đạo Xước niệm bảy vạn câu, nay ngài Bảo Tướng niệm sáu vạn câu. Ba vị này đều là bậc cao tăng, những thời khóa mỗi ngày có số lượng nhất định. Nay bỗng có người nói: “Đây là việc làm của bọn đàn ông, đàn bà ngu dốt”. Làm sao có thể như thế được!

42. Đời Đường, Thích Duy Ngạn

Sư người Tinh Châu, lấy cõi Tịnh độ làm nơi hướng đến. Sư hành trì bộ *Phương đẳng sám*, siêng năng không nài bệnh tật. Một hôm, sư thấy hai vị bồ-tát Quán Thế Âm và Thế Chí hiện trong hư không, sư gọi họa sĩ đến vẽ, nhưng họ không thể vẽ được. Bỗng có hai người xuất hiện, tự nói rằng họ vẽ được. Khi vẽ xong họ liền biến mất.

Bấy giờ, sư nói với các đệ tử: “Nay ta vắng sinh, có ai đi cùng không?” Lúc ấy có một đứa trẻ xin đi theo. Sư bảo đứa trẻ từ biệt cha mẹ, cha mẹ cho rằng đứa trẻ nói giỡn nên không tin. Một lát sau, đứa trẻ tắm rửa, chỉnh trang quần áo vào đạo tràng niệm Phật và mạng chung. Sư vỗ lưng nó và nói: “Bé con! Sao người lại vắng sinh trước ta?” Nhân đó, sư cầm bút viết lời ca tụng hai vị bồ-tát này có lời nguyện: “Dùng tay từ bi cứu vớt chúng sinh về cõi Tây phương Cực lạc”. Viết xong, sư thị tịch.

Ghi chú:

Việc của sư Duy Ngạn không phải mê hoặc. Chẳng phải đứa trẻ kia tu tịnh nghiệp từ lâu thì làm sao vẫn sinh một cách thần kì như thế? Ông không thấy mười niệm nhất tâm bất loạn sẽ được thành tựu ư? Nếu không như vậy thì do căn lành kiếp trước của đứa trẻ đã thuần thực. Người tu tịnh nghiệp, nếu đời này không được vãng sinh, suy xét việc này có thể tự an ủi mình vậy.

43. Đời Đường, Thích Tăng Huyền

Sư người Tinh Châu, lúc đầu niệm danh hiệu bồ-tát Di-lặc, cầu sinh lên cõi trời Đâu-suất. Năm chín mươi tuổi, sư gặp thiền sư Đạo Xước, được nghe Thiền sư giảng về Tịnh độ, sư mới hồi tâm chuyển ý niệm Phật, một ngày chí thành lễ một nghìn lạy, không chút lười biếng. Về sau, lúc bị bệnh, sư bảo chúng đệ tử: “Đức Phật A-di-đà trao cho tôi y thơm, bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cho tôi xem tay báu. Tôi đi đây”. Sư nói xong và thị tịch. Lúc đó, có hương thơm lạ bảy ngày không hết.

Bấy giờ, có hai vị pháp sư Khải Phương, Viên Quả chứng kiến việc này, đồng thời hai ngài bẻ nhánh dương liễu đặt trong tay bồ-tát Quán Thế Âm ở chùa Ngô Chân và thệ nguyện rằng: “Nếu chúng tôi có duyên với cõi Tịnh độ, sau bảy ngày cành dương này không bị héo!” Đến ngày thứ bảy, nhưng cành dương vẫn tươi. Ngài Khải Phương, Viên Quả vui mừng, ngày đêm quán tưởng niệm Phật không bỏ. Một hôm, hai ngài chợt thấy mình đến ao bảy báu, vào trong màn báu, thấy Đức Phật A-di-đà và hai vị bồ-tát ngồi trên đài hoa báu, ánh sáng rực rỡ. Ngài Khải Phương, Viên Quả đỉnh lễ, Đức Phật dạy: “Người nào niệm danh hiệu Ta đều sinh về nước Ta”. Lại nghe Đức Thích-ca Thế Tôn và ngài Văn-thù bồ-tát dùng âm thanh vi diệu xưng tán cõi Tịnh độ; thấy ba bậc thềm báu; bậc thềm thứ nhất dành cho cư sĩ, thứ hai dành cho tăng và tục, thứ ba là dành riêng cho chư tăng. Lại nói: “Người nào chí tâm niệm Phật đều được sinh về cõi Cực Lạc!”. Năm ngày sau, hai ngài bỗng nghe tiếng chuông và nói: “Tiếng chuông thức tỉnh chúng ta”. Hai ngài đều thị tịch.

Ghi chú:

Đến lúc tuổi già mới tu Tịnh độ mà còn được vãng sinh, người tuổi trẻ có thể biết. Hai ngài Khải Phương, Viên Quả nghe việc vãng sinh của sư Tăng Huyền mà phát tâm. Lúc lâm chung có hiện điềm lành. Thấy người khác vãng sinh, mình cũng mong được vãng sanh, là nghĩa này vậy.

44. Đời Đường, Thích Hoài Cảm

Sư cư trú ở chùa Thiên Phước, Trường An, vào đạo tràng Niệm Phật hai mươi một ngày mà không thấy điềm lành, tự hận mình nghiệp chướng sâu dày, muốn nhịn ăn để chết. Đại sư Thiện Đạo không cho, đồng thời khuyên sư tu tập tinh tiến thêm ba năm. Sư y theo lời dạy của đại sư Thiện Đạo siêng năng tu tập. Sau đó, sư thấy tượng Phật màu vàng, liền chứng Niệm Phật tam-muội. Sư soạn bộ luận *Quyết nghị*, gồm 7 quyển. Lúc sắp mạng chung, sư chấp tay và nói: “Phật đến đón ta!”, sư liền thị tịch.

Ghi chú:

Ngạn ngữ có câu: “Có công mài sắt, có ngày nên kim”. Vì ta chứng kiến việc của Hoài Cảm, nên mới khuyên nếu người nào tự ràng buộc mình thì phải suy nghĩ lại việc đó.

45. Đồi Đường, Thích Đức Mĩ

Sư cư trú tại Tây viện chùa Hội Xương. Pháp sư xây Sám đường để tu Bát-chu tam-muội[55], suốt mùa hạ không nằm, ngồi, hoặc ba năm không nói một lời, hoặc làm như hạnh của bồ-tát Thường Bất Khinh, đỉnh lễ bảy chúng, ăn mặc giản dị, chấm dứt vọng tưởng thế gian, chuyên quán niệm Tây phương, tụng kinh *A-di-đà* suốt đời không dừng nghỉ. Một thời gian sau, Pháp sư vào phòng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà mà an nhiên thị tịch.

Ghi chú:

Chấm dứt vọng tưởng thế gian thì tâm nhiễm ô không còn. Chuyên nghĩ về Tây phương thì nhân Tịnh độ thành tựu. Người xưa có câu: “Tâm ái không nặng thì không sinh Ta-bà, niệm Phật mà không nhất tâm thì không sinh Tịnh độ”. Quả thật đúng như lời nói sao!

46. Đồi Đường, Thích Biện Tài

Sư người Tương Dương, thâm tu Tịnh độ hai mươi năm, nhưng chưa từng khoe khoang. Sư chỉ nói riêng với quan Hộ nhưng Nhậm Công Thiện: “Biện Tài tôi sẽ sinh về Tịnh độ, kì hạn mười năm nữa!”. Một hôm, sư sai đệ tử đến báo với Nhậm Công Thiện rằng: “Kì hạn của thầy tôi đã đến”. Nhậm Công Thiện đến, sư nói: “Tôi đi đây”. Sư ngồi kiết-già mà thị tịch. Lúc ấy, đại chúng nghe tiếng nhạc từ phía tây đến và hương thơm lạ lan tỏa khắp nơi.

47. Đồi Đường, Thích Thọ Hồng

Sư người Phần Dương, thường niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Đến lúc sắp mạng chung, sư thấy đồng tử ở cõi trời Đâu-suất đến nghênh đón. Sư nói:

“Ta cầu sinh Tây phương, không sinh lên cõi trời”. Sư liền bảo đại chúng niệm Phật, bỗng sư nói: “Đức Phật từ phương Tây đến”. Nói xong, sư thị tịch.

48. Đời Đường, Thích Pháp Tường

Sư cư trú tại chùa Đại Hưng Quốc[56] ở kinh đô Lạc Dương, tu pháp môn Tịnh độ ba mươi năm, hễ có một chút lợi ích, sư đều hồi hướng về Tịnh độ. Lúc sư bệnh, chúng đệ tử nghe tiếng sư niệm Phật rất to, họ lại thấy trên bức tường phía tây trong phòng có ánh sáng như tấm gương, trong đó hiện ra cảnh Tịnh độ, chim Ca-lăng-tần-già vỗ cánh bay. Lúc ấy sư an nhiên thị tịch.

Ghi chú:

Sư Pháp Tường thấy chim Ca-lăng-tần-già, lúc trước ngài Trí Thuấn thấy chim oanh vũ, không tước. Có người nghi: “Tại sao các ngài không thấy Phật mà thấy các loại chim?”. Trong kinh dạy: “Vì các loài chim đều do Đức Phật A-di-đà biến hóa ra”. Cho nên biết, y báo, chính báo đều là tướng Tịnh độ. Họ vui mừng không còn nghi nữa.

49. Đời Đường, Thích Đại Hạnh

Sư cư trú tại Thái Sơn, tu *Phổ Hiền sám pháp* ba năm, cảm ứng đến bồ-tát Phổ Hiền hiện thân. Đến lúc tuổi già, sư xem trong *Đại tạng*, đồng thời phát nguyện thuận tay lấy được một quyển kinh *A-di-đà*, ngày đêm đọc tụng, đến nửa đêm ngày thứ hai mươi mốt, sư thấy cảnh giới lưu li hiện ra, Đức Phật và hai vị bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí hiện thân. Hoàng đế Hi Tông nghe được việc này, liền ban chiếu mời sư vào cung ban hiệu “Thường Tinh Tấn Bồ-tát”. Một năm sau, đất lưu li lại xuất hiện một lần nữa, ngay hôm ấy sư thị tịch, có hương thơm lạ trải qua vài tuần, thân thể của sư không hư hoại.

Ghi chú:

Đất lưu li từ trên xuống dưới trong suốt, do phúc đức thanh tịnh của sư mà cảm ứng. Như ngài Huệ Vĩnh, Tăng Huyền có hương thơm lạ bảy ngày, ngài Huệ Thông thì ba ngày, nay sư Đại Hạnh trải qua mấy tuần, ai cũng cho đó là hương thơm của Phạm hạnh[57]!

50. Đời Đường, Thích Minh Chiêm

Đến lúc tuổi già sư mới niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Có người cho là sư chậm trễ. Sư nói: “Mười niệm nhất tâm bất loạn vẫn được gặp Phật, tôi lo

gì!” Một thời gian sau, sư bị bệnh, bèn thiết lập trai đàn cúng dường ở chùa Hưng Giáo và từ biệt mọi người. Bấy giờ, quan Bộc Xạ Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối đều có mặt. Lúc mặt trời quá ngọ, sư chỉnh trang pháp phục, oai nghi niệm Phật, bỗng sư thốt lên: “Đức Phật và hai vị bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đến”. Sư đứng nghiêm trang chấp tay thị tịch.

51. Thiền sư Vĩnh Minh Thọ

Sư họ Tiền làm vua ở Ngô Việt, người ở đất Dư Hàng, Hàng Châu, theo thiền sư Thúc Nham xuất gia tại núi Tứ Minh. Sau sư đến núi Thiên Thai tham kiến quốc sư Đức Thiệu, tu tập thiền định ngộ được bản tâm, thường hành *Pháp hoa sám*, vào nửa đêm, sư nằm mộng thấy bồ-tát Phổ Hiền và tự nhiên trong tay sư có cành hoa sen. Sư suy nghĩ, chắc là vì nguyện xưa chưa thành, nên sư đến trước hai vị thầy của mình là Đức Thiệu, Thúc Nham và làm hai cái thẻ; một cái ghi: “Nhất tâm thiền định”; một thẻ ghi: “Vạn hạnh tu Tịnh độ”, rồi sư một lòng cầu nguyện và rút bảy lần đều trúng thẻ “Vạn hạnh tu Tịnh độ”. Từ đó, sư một lòng chuyên tu Tịnh độ. Sau này, sư ở chùa Vĩnh Minh, thời khóa mỗi ngày làm một trăm lễ tám việc lợi ích. Đêm đến, sư vào núi kinh hành niệm Phật, mọi người xung quanh đều nghe có tiếng nhạc trời. Vua Trung Ý khen rằng: “Từ xưa người tu cầu về Tây phương chưa có ai chuyên tâm khẩn thiết như sư!”. Vua bèn xây dựng ngôi bảo điện “Tây Phương Hương Nghiêm”, để tỏ lòng thành của mình. Sư trụ trì ở chùa Vĩnh Minh được mười lăm năm, có một nghìn bảy trăm đệ tử. Sư thường truyền giới bồ-tát cho đại chúng, cúng thí thức ăn cho quỷ thần, phóng sinh các loài, tất cả đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ, mọi người kính phục và tôn sư là Di-lặc hạ sinh.

Đến ngày 26 tháng 2 niên hiệu Khai Bảo thứ tám (975), sáng sớm sư đốt hương và dạy dỗ đại chúng xong, ngồi kiết-già mà thị tịch.

Sau này có một vị tăng từ Lâm Xuyên đến nhiều quanh ngôi tháp của sư nhiều năm. Có người thắc mắc hỏi nguyên do. Vị tăng nói: “Lúc ta bệnh đi vào âm phủ, thấy bên trái đại điện có thờ pho tượng một vị tăng, Diêm Vương cung kính đỉnh lễ, ta hỏi nhỏ một người “Tượng này là ai?”. Người ấy đáp: “Đó là thiền sư Vĩnh Minh Thọ ở Hàng Châu. Diêm Vương vì trọng đức của sư cho nên cung kính đỉnh lễ”.

Ghi chú:

Sư Vĩnh Minh mang tâm ấn trực chỉ của Thiền tông được truyền từ Ấn Độ sang, nhưng lại chuyên tâm cầu sinh Tịnh độ. Hạnh nguyện của sư rộng lớn vô cùng, chẳng những làm lợi cho mình mà còn làm lợi cho người. Sư là gương sáng cho muôn đời. Sư là Di-lặc hạ sinh ư! Thiệ Đạo tái sinh ư!

52. Đòi Tẩn, Thích Chí Thông

Sư họ Thạch, người Phụng Tường. Một hôm, thấy nghi thức Tịnh độ của đại sư Trí Giả, sư không cầm được sự vui mừng và tự hứa là không xoay mặt về hướng tây khắc nhỏ, không ngồi quay lưng về hướng tây, chuyên tâm niệm Phật. Sau này, sư thấy chim bạch hạc, khổng tước sắp thành hàng từ hướng tây bay xuống, lại thấy hoa sen hé nở ở trước mặt, sư nói: “Chim bạch hạc, khổng tước là cảnh Tịnh độ, tướng sáng của hoa sen là chỗ ta sẽ sinh về. Cõi Tịnh độ đã hiện ra rồi!” Nói dứt lời, sư đứng dậy lễ Phật và thị tịch. Lúc làm lễ trà tì có mây lành năm màu xuất hiện bay vòng quanh rồi trùm lên ngọn lửa và xá-lợi xếp lớp như vảy cá nơi thân sư.

Ghi chú:

Khắc nhỏ tránh hướng tây, ngồi không quay lưng hướng tây, hết lòng như vậy thì không việc gì không thành tựu! Nay dùng tâm khinh mạn, tâm hời hợt mà muốn vãng sinh Tây phương thì rất khó. Có người nói: “Sao mà chấp quá vậy!” Ôi! Quán mặt trời lặn ở hướng tây[58]. Vì việc vãng sinh trong kinh ghi chép rất rõ ràng. Và lại, Trí Giả đại sư lúc mới sinh ra đã ngồi kiết-già xoay mặt về hướng tây, thậm chí các bậc hiền tu Tịnh nghiệp đều ngồi xoay mặt về hướng tây thị tịch, những trường hợp như thế, không chấp mà được như vậy sao! Người có tâm tham đắm cảnh ô trược, trọn đời an nhiên ở trong đó, vừa nghĩ đến cõi Cực lạc, lại lo là chấp trước thì quá điên đảo. Ôi! Sao kì lạ quá!

53. Đòi Tống, Thích Ngô Ân

Sư người ở đất Thường Thục, Cô Tô. Năm mười ba tuổi, sư nghe tụng kinh *A-di-đà*, liền xin xuất gia, ngày ăn một bữa, không lìa y bát, không cất tiền bạc của báu, nằm nghiêng bên phải, thường ngồi kiết-già, mỗi khi bố-tát, sư đều rơi lệ. Sư luôn dạy mọi người lấy tịnh nghiệp Tây phương và tông chỉ Nhất thừa viên giáo. Có người nghi ngờ nói: “Như vậy là không phù hợp với căn cơ”. Sư nói: “Chỉ kết pháp duyên với mọi người thôi”.

Đến ngày mùng 1 tháng 8 niên hiệu Ung Hi thứ hai (985), vào một đêm, sư thấy có luồng ánh sáng màu trắng từ dưới giếng chiếu ra, liền bảo với chúng đệ tử: “Ta sắp mạng chung”. Từ đó, sư nhịn ăn, không nói chuyện, chỉ nhất tâm niệm Phật. Một hôm, sư nằm mộng thấy một vị sa-môn cầm lò hương bằng vàng nhiễu quanh phòng sư ba vòng, tự nói mình là Quán Đỉnh đến đây rước ông. Sau khi tỉnh mộng, sư gọi chúng đệ tử đến, họ vẫn nghe mùi hương lạ kéo dài đến hai mươi lăm ngày mới hết. Sau khi giảng cho chúng đệ tử nghe cốt tủy của pháp chỉ quán và ý nghĩa pháp quán tâm

xong, sư ngồi ngay thẳng thị tịch. Lúc ấy, mọi người nghe tiếng đàn, sáo, chuông du dương trên hư không từ từ xa dần đi về hướng tây.

Ghi chú:

Không tham tiền tài, ăn uống, tâm ý trong sạch ngay thẳng; năm ngồi không cầu thả, tâm luôn cung kính cẩn thận, không lìa y bát là giữ tâm trần trọng, bố-tát rơi lệ, là tín tâm khẩn thiết. Bốn tâm này đều là nhân Tịnh độ, nên sư được vãng sinh. Cho đến lúc khuyên bảo mọi người, sư cũng nói về Tây phương Tịnh độ và Nhất thừa viên giáo, đồng thời sư cũng thực hành pháp ấy. Sư Ngô Ân quả là người thâm nhập pháp môn Niệm Phật!

54. Đời Tống, Viên Tịnh Thường pháp sư

Sư người Tiền Đường, xuất gia lúc bảy tuổi. Trong thời gian giáo hóa, sư trụ tại chùa Nam Chiêu Khánh. Sau đó vì mến mộ phong cách của Lô Sơn, sư cắt máu chép phẩm *Tịnh Hạnh* trong kinh *Hoa nghiêm*, đồng thời đổi "Liên xã" thành "Tịnh Hạnh". Các vị sĩ đại phu dự hội tự xưng là đệ tử Tịnh Hạnh, trong đó Vương Văn Chính công là người đứng đầu. Bấy giờ, các quan, khanh, bá, mục hơn một trăm hai mươi người và có khoảng một nghìn vị tì-kheo tham dự. Quan Hàn lâm Tô Dị Giản viết bài tựa phẩm *Tịnh Hạnh*. Ông ta nói: "Dù tôi trải tóc để cho người bước lên, hoặc khoét thân để cầu pháp vẫn không từ nan, huống gì cống hiển một chút học thức nhỏ nhoi này mà tiếc sao!"

Đến ngày 12 tháng 1 niên hiệu Thiên Hi thứ tư (1020), sư ngồi ngay thẳng niệm Phật, lúc ấy có rất nhiều người hô to là Đức Phật đến. Sư an nhiên thị tịch.

Ghi chú:

Sơ tổ Huệ Viễn, nhị tổ Thiện Đạo, sau này có ngài Nam Nhạc, Ngũ Hội, Đài Nham, Vĩnh Minh, cuối cùng là tổ thứ bảy của tông Tịnh độ. Các ngài giáo hóa hưng thịnh rực rỡ từ xưa đến nay. Tuy nhiên, xét về mặt tự tu thì không vị nào chẳng siêng năng tinh tiến và lấy đó để dạy người, còn sa-môn ngày nay chỉ biết khuyên người mà không biết khuyên mình mà muốn được như các bậc tiền bối, há không điên đảo sao!

55. Đời Tống, Thích Tịnh Quán

Sư cư trú tại am Tịch Quang, Gia Hòa, tu *Tịnh độ sám pháp* hơn mười năm. Sư nói với đệ tử: "Hai mươi bảy ngày nữa ta sẽ mạng chung". Hai ngày trước khi đi, sư thấy hoa sen màu hồng, ngày sau lại thấy sen vàng khắp

tịnh thất, trong mỗi hoa sen đều có đứa bé hóa sinh ngồi trên đó và có giải lụa đẹp buộc. Ngày cuối cùng, sư vào khám ngòi ngay thẳng bảo đại chúng niệm Phật, trong chốc lát thì sư thị tịch.

Ghi chú:

Người niệm Phật biết trước giờ mình chết; bởi vì nghiệp duyên ở cõi Ta-bà vừa dứt thì thẳng duyên ở Tịnh độ sẵn chờ, cho nên tự nhiên cảnh cảnh hiện ra. Như ngài Huệ Viễn biết trước bảy ngày nữa sẽ ra đi; nay sư Tịnh Quán biết hai mươi bảy ngày nữa sẽ lìa trần, cả hai đều giống nhau.

Người đời sống không lo tu nhân tích đức, đến khi chết sắp phải chịu khổ lại lo trau chuốt, trang điểm, đó chỉ làm trò cười cho người trí. Thế nhưng, người tự thiêu thì chấn động khắp nơi mà không biết đó là thân cận ma quỷ, tin theo tà bậy nên bị trôi lăn trong đường ác; thật đáng xót thương! Những kẻ ngu muội kia còn làm cho những người không biết chính đạo cung kính, ngưỡng mộ và cầu khẩn với họ; việc này tai hại thật khủng khiếp!

Tôi tập hợp những mẫu chuyện vãng sinh, vì sao không có bất cứ người nào đang sống mà đốt thân mình? Mong các bậc trí giả xem xét tập truyện này và truyền bá khắp nơi, ngõ hầu cứu vớt những kẻ ngu muội.

56. Đời Đường Từ Vân sám chủ

Sư Tuân Thức người sống ở huyện Lâm Hải, Thai Châu, học cao hiểu rộng, nổi tiếng tỉnh Chiết Giang. Sư một lòng cầu sinh Tịnh độ, thường tu tập Bát-chu tam-muội, học tập cực khổ suốt chín mươi ngày đến nổi bị nôn ra máu. Lúc vào đạo tràng, hai chân lở loét, sư lấy cái chết để bày tỏ tâm nguyện của mình.

Bỗng một hôm, sư nằm mộng thấy bồ-tát Quán Thế Âm đưa ngón tay vào miệng sư lôi ra mấy con trùng, đồng thời trên đầu ngón tay nước cam lồ tuôn ra và rót vào miệng sư. Khi tỉnh lại, sư cảm thấy thân tâm mạnh khỏe, vui vẻ bệnh tật tiêu trừ. Sư liền viết ra bộ *Tịnh Độ quyết nghi hạnh nguyện* và *Tịnh Độ sám pháp* lưu hành ở thế gian. Vào niên hiệu Thiên Thánh (1032) đời Tống, lúc sắp thị tịch, sư đốt hương lễ Phật, xin chư Phật chứng minh việc vãng sinh Tịnh độ của mình. Đến chiều tối, sư ngồi ngay thẳng thị tịch, mọi người thấy có một ngôi sao lớn rơi xuống trên đỉnh Linh Thứu. Người đương thời gọi sư là Từ Vân sám chủ.

Ghi chú:

Sư siêng năng khổ nhọc, việc soạn ra sám văn, rồi chẳng những tự mình thực hành mà còn để lại muôn đời sau, xưa nay chỉ có một người mà thôi. Cho đến được bồ-tát Quán Thế Âm đưa tay vào miệng lấy côn trùng ra rồi rót nước cam lồ vào miệng. Không siêng năng chí thành làm sao có thể được như vậy!

57. Đời Tống, Tông Thản sơ chủ

Sư Tông Thản người Lê Thành, Lộ Châu. Năm mười lăm tuổi, sư nổi tiếng khắp các nơi giảng kinh thuyết pháp. Về già, sư cư trú tại thị trấn Thanh Đài, Đường Châu, chuyên tu niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, ba nghiệp[59] thanh tịnh, giữ bốn oai nghi[60] tề chỉnh, chưa từng lãng quên.

Đến ngày 27 tháng 4 niên hiệu Chính Hòa thứ tư (1113), sư nằm mộng thấy Đức Phật A-di-đà dạy: “Người chỉ còn thuyết pháp sáu ngày nữa, sẽ được vãng sinh Tịnh độ!”. Khi thức dậy, sư kể việc này cho đại chúng nghe. Đến ngày mùng 4 tháng 5, sư nhóm chúng và dạy: “Nhân duyên có hợp thì có tan chắc chắn có lúc phải chia tay. Cõi Tịnh thù thắng, ta chỉ đợi một lát nữa, xin đại chúng niệm Phật giúp ta vãng sinh!” Nói xong, sư ngồi ngay thẳng thị tịch, bầu trời vang rền tiếng sấm, mây trắng bao phủ mặt đất ba ngày mới tan. Lúc ấy, trên tay sư cầm chuỗi mã não, chuỗi quăn quanh tay, đại chúng cố gỡ nhưng không được. Việc cảm ứng của sư rất nhiều, được ghi chép đầy đủ ở các bản khác.

Ghi chú:

Sấm là tiếng rỗng của pháp âm, mây là bóng mát từ bi, chuỗi mã não trên tay gỡ không được là biểu thị sức mạnh của niệm lực.

58. Đời Tống, Từ Chiếu Tông chủ

Sư Tử Nguyên, hiệu Vạn Sự Hưu người Ni Sơn, Bình Giang. Lúc nhỏ, sư tu tập pháp chỉ quán, trong lúc thiền định nghe tiếng quạ kêu thì ngộ đạo. Sư làm kệ tụng rằng:

*Hơn hai mươi năm tìm trên giấy
Tìm đi tìm lại mãi trầm ngâm
Bỗng nhiên nghe được tiếng quạ kêu
Mới biết trước kia dụng tâm sai.*

Từ đó, sư hết lòng giáo hóa, khuyên người niệm Phật, thay thế cho tất cả chúng sinh trong pháp giới lễ Phật sám hối, cầu sinh Tịnh độ. Sư lập lên Bạch Liên Sám đường, giảng về tứ độ[61], tam quán[62], tuyển Phật

đồ[63], khai thị yếu chỉ Liên tông; dù gặp thuận duyên hay nghịch cảnh, sư cũng không động niệm. Cao Tông hoàng đế nghe tiếng, cho mời sư vào cung, ban hiệu là "Tử Chiếu". Sau này, ngày 23 tháng 3, tại Đạc Thành, sư nói với chúng đệ tử: "Nhân duyên giáo hóa của ta đã hết, đến lúc phải ra đi". Nói xong, sư chấp tay thị tịch. Sau khi trà tì, thân được vô số xá-lợi. Tháp của sư được vua ban hiệu là "Tối Thắng".

59. Đời Tống, Thích Pháp Trì

Sư cư trú ở chùa Hóa Độ, thường tu *Di-đà sám*, nguyện mau lìa khỏi Diêm-phù, sớm sinh về Tịnh độ. Về sau, sư chỉ bị bệnh nhẹ, nhưng lại sụt sùi, rơi lệ, mong Đức Phật rủ lòng tiếp dẫn! Sư cố gắng niệm Phật không dứt, bỗng thấy thân Phật cao một trượng sáu đứng ở trên ao, sư tự nói: "Ta đã được sinh lên trung phẩm!" đồng thời xoay mặt về hướng tây thị tịch.

Ghi chú:

Người đời không ai mà không muốn sống lâu, nay sư muốn mau mạng chung để cầu sinh Tịnh độ, chẳng phải quá chán rồi sao? Tuy nhiên, người phát nguyện thì có thể được. Còn những người nhảy xuống biển hoặc gieo mình từ trên vách núi xuống hay chặt củi tự thiêu đều là ma sự.

60. Đời Tống, Thích Bản Như

Sư hiệu Thần Chiếu, cư trú tại chùa Thừa Thiên, Đông Sơn và kết giao với quận thú Trương Tuân. Một hôm, sư thăng tòa thuyết pháp và từ biệt đại chúng. Sau khi rời khỏi tòa, sư ngồi ngay thẳng thị tịch.

Bấy giờ, người đánh cá trên sông thấy có một vị tăng đứng trên đám mây lành đi về hướng tây. Năm sau, mở tháp ra thấy dung mạo của sư vẫn giống như lúc còn sống, có hoa sen mọc trước tháp.

61. Đời Tống, Pháp sư Cơ

Sư theo học với ngài Bảo Vân, cư trú tại chùa Thái Bình Hưng Quốc, siêng năng niệm Phật. Một hôm bị bệnh, sư dạy cho chúng đệ tử về yếu chỉ của pháp môn Tịnh độ, bỗng đại chúng thấy ở phương tây chiếu sáng, trên không trỗi nhạc. Sư nói: "Đức Phật A-di-đà và hai vị bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng đến". Nói dứt lời, sư nằm nghiêng bên hông phải, xoay mặt về hướng tây mà thị tịch. Chúng đệ tử nằm mộng thấy Phật A-di-đà thụ ký cho sư làm "Siêu Thế Như Lai"; có người thấy sư ngồi trên đài hoa sen xanh. Thiền sư Pháp Trí khen rằng: "Sư nằm bệnh nói yếu chỉ, lâm chung thấy Phật A-di-đà, thật là đáng kính!".

Ghi chú:

Có người nghi rằng: “Cơ pháp sư tại sao được thụ kí?”. Ôi! Chính sư thấy đức Như Lai Vô Lượng Quang, lại được Phật hiện tiền thụ kí thành Phật. Ông biết điều đó chẳng!

62. Đời Tống, Thích Nhưặc Ngu

Sư cư ngụ tại Tiên Đàm, Vân Xuyên, xây dựng lầu Vô Lượng Thọ, siêng năng tu tập và khuyên kẻ tăng, người tục niệm Phật suốt ba mươi năm. Sư kết bạn với hai vị Đạo Thế, Tắc Chương. Đạo Thế là một thi sĩ nổi tiếng, nhưng rất ham danh, còn sư Nhưặc Ngu và Tắc Chương chỉ việc thực hành đem lợi ích cho chúng sinh. Một hôm, sư nằm mộng thấy một vị thần đến nói: “Bạn đồng học của ông là Tắc Chương đắc Phổ Hiền hạnh nguyện tam-muội, đã sinh về Tịnh độ, ông ấy đang đợi ông”. Sư nghe nói như thế, tắm rửa, chỉnh trang pháp phục, bảo đại chúng tụng kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, sư ngồi ngay thẳng và nói: “Tịnh độ đã hiện ra trước mắt, ta đi đây”. Sư nói kệ xong và thị tịch. Nói kệ rằng:

Xưa nay không nhà trở về đâu

Trong mây có lối ai hay biết

Nước chảy, trăng tà núi phía tây

Chính là lúc hết mộng Tiên Đàm.

Sư lại nói:

Trên không lưới báu dính nghì hao

Trong mộng thấy ao sen bảy báu

Đến được Tây phương nơi an ổn

Không còn điều gì phải hoài nghi.

Ghi chú:

Sư Nhưặc Ngu, Đạo Thế và Tắc Chương là bạn thân với nhau, nhưng Đạo Thế vì đam mê thi phú, theo đuổi danh vọng nên không được vắng sinh Tịnh độ. Người nào muốn rũ bỏ tài trí văn chương, xa lìa duyên trần, cầu sinh Tịnh độ thì phải ghi nhớ điều này.

63. Đời Tống, Thích Thủ Chân

Sư người Vĩnh Hưng. Sư thường giảng luận *Khởi tín* và Pháp giới quán[64]. Mỗi ngày vào lúc nửa đêm, Sư thường ngồi kiết bí mật ẩn Vô Lượng Thọ Phật Vãng Sinh và luôn nhớ nghĩ về Tây phương. Vào một đêm, trời vừa hừng sáng, sư tự biết mình đến cõi Tịnh độ, liền mở mắt ra thì thấy Đức Phật, sư quì xuống trước Đức Phật và bạch: "Bạch Đức Thế Tôn! Bốn mươi tám lời nguyện của Ngài có thể độ con!" Sư mang hoa hương vào chính điện cúng dường Phật. Cúng dường xong, sư ngồi ngay thẳng mà thị tịch.

64. Đời Tống, Thích Trí Lễ

Sư hiệu Pháp Trí, cư ngụ tại Nam Hồ. Sư soạn bộ *Diệu tông sao* để giải thích sáng tỏ ý nghĩa của quán tâm, quán Phật. Vào ngày rằm tháng 2 mỗi năm, sư lập hội bố-thí, trì giới, niệm Phật, có khoảng một vạn người đến tham dự. Sư lại soạn bộ *Dụng tâm giải* để nói về Nhất tâm tam quán[65] và ý nghĩa của Tứ tịnh độ. Sau đó, đến ngày mừng 1 tháng Giêng, sư lập Quang minh sám, lễ hội cử hành đến ngày mừng 5, sư bỗng nhóm đại chúng lại thuyết pháp. Thuyết pháp xong, sư niệm danh hiệu Phật A-di-đà mấy trăm tiếng, rồi an nhiên thị tịch.

Ghi chú:

Sư Trí Lễ soạn bộ *Diệu tông sao*, nói về tịnh quán, hoằng dương giáo pháp tông Thiên Thai, nhưng lúc mạng chung, ngồi niệm Phật mà thị tịch. Há giống với kẻ chỉ biết nói suông ư?

65. Đời Tống, Thích Hữu Nghiêm

Sư cư trú ở chùa Sùng Thiện, Xích Thành, Thai Châu, sư theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thần Chiếu. Những năm gần cuối đời, sư dựng một thảo am dưới gốc cây Tra, nên gọi là Tra Am. Suốt đời chuyên tu tịnh nghiệp, sư có trú tác *Hoài an dưỡng cố hương thi*, được lưu truyền đến bây giờ. Mùa hạ tháng 4, niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc thứ nhất (1101), trước lúc lâm chung, sư thấy trong ao báu có hoa sen lớn, nhạc trời từ bốn phương trỗi lên và sư làm bài thơ *Tiến quy Tịnh độ* để dạy chúng. Bảy ngày sau, sư ngồi kiết-già thị tịch, trên đỉnh tháp của sư có ánh sáng như mặt trăng, chiếu sáng suốt ba đêm mới hết.

Ghi chú:

Thuở xưa, sư Pháp Tường có ánh sáng như gương hiện trên tường nhà, nay sư Hữu Nghiêm có ánh sáng như mặt trăng hiện trên đỉnh tháp; đây đều là

điềm lành của những bậc có thân tâm trong sáng. Hoặc có vị hiện điềm lành ánh sáng chiếu khắp phòng; có vị hiện điềm lành ánh sáng màu vàng chiếu dài trên sông hàng trăm dặm. Ôi! Những việc như thế lẽ nào là giả sao!

66. Đời Tống, Thích Huệ Minh

Sư hiệu Hối Am, học đạo với ngài Tuệ Quang. Những năm cuối đời, sư ở lại chùa Thường Chiếu, Sóc Sơn, chuyên tu tịnh nghiệp; mỗi ngày sư tụng kinh *Pháp hoa, Lăng-nghiêm, Viên giác* và niệm danh hiệu Phật A-di-đà vạn câu.

Vào mùa xuân, năm Kỉ Mùi niên hiệu Khánh Nguyên (1195), sư bị bệnh và gọi đệ tử lại dặn: "Ta học kinh Đại thừa, cầu sinh Tịnh độ, nay nguyện kia đã thành tựu". Nói rồi, sư ngồi xếp bằng thị tịch. Lúc ấy, mọi người nghe có nhạc trời từ phía tây vọng lại, cứ vang mãi trên đầu. Thiêu xong có vô số xá-lợi năm màu.

67. Đời Tống, Sư Tán

Sư người Ung Châu, là một vị xuất gia trẻ tuổi. Năm lên mười bốn tuổi, sư đã bắt đầu niệm Phật không dứt, bỗng nhiên sư bệnh nặng và qua đời. Một lát sau, sư sống lại, nói với thầy và cha mẹ: "Phật A-di-đà đã đến rồi, con theo Ngài đây". Những người bên cạnh thấy trong hư không xuất hiện đài báu, có ánh sáng lạ năm màu; sư nhìn về hướng tây và thị tịch.

67. Đời Tùy, Hai vị Sa-Di

Ở Văn Châu có hai vị sa-di đều chuyên tâm niệm Phật. Sau đó, vị sa-di lớn tuổi hơn đột ngột qua đời. Vị ấy sinh về Tịnh độ, gặp Đức Phật và hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Có một vị sa-di trẻ tuổi cùng tu với con, có được sinh về cõi Tịnh độ hay không?

Đức Phật đáp:

- Nhờ người kia khuyên răn nên ông mới phát tâm; nay ông có thể trở về, siêng năng niệm Phật nhiều hơn, thì ba năm sau sẽ cùng sinh về Tịnh độ".

Đến kì hạn, hai người đều thấy Phật đến, trời đất chấn động, hoa trời tung bay, hai người thị tịch cùng một lúc.

68. Đời Tống, Thích Liễu Nhiên

Sư hiệu Trí Dũng, ở chùa Bạch Liên được hai mươi bốn năm. Một đêm nọ, sư mộng thấy hai con rồng bay lượn đùa giỡn trên không trung, một con

biển làm vị thần đến nói với sư: “Bảy ngày nữa sư sẽ vãng sinh”. Sau khi tỉnh dậy, sư nhóm chúng thuyết pháp. Sư nói, Đại thư ghi: “Nhờ sức niệm Phật mà được sinh về Cực lạc, tất cả mọi người nên siêng năng niệm Phật”. Nói xong, sư tắm rửa thay y phục và bảo mọi người tụng kinh *A-di-đà*, khi mọi người tụng đến đoạn “Tây phương thế giới”, bỗng nhiên sư thị tịch. Lúc ấy, những người trong chùa Năng Nhân đều nghe có tiếng nhạc trời và ánh sáng chiếu lên như ngọn đuốc, tỏa sáng cả bầu trời.

69. Đời Tống, Thích Tư Chiếu

Sư là nhà nghiên cứu tôn giáo, nhưng chuyên tâm tu tịnh nghiệp, mỗi đêm vào canh tư, sư thức dậy niệm danh hiệu Phật lớn tiếng, làm cho những tì-kheo lười biếng không được ngủ yên. Sư y theo bốn mươi tám lời nguyện của tì-kheo Pháp Tạng[66], tập hợp kẻ tăng người tục mở hội niệm Phật suốt ba mươi năm. Vào một ngày kia, sư mắc bệnh, nằm mộng thấy thân màu vàng một trượng sáu của Đức Phật, liền nhóm họp đại chúng niệm Phật. Bỗng đứng, sư cố sức niệm Phật cùng mọi người rồi đưa tay kiết ấn và ngồi thị tịch. Sau khi thiêu xong, răng và râu chuỗi của sư không bị cháy.

70. Đời Tống, Thích Trí Liêm

Sư cư ngụ ở chùa Hóa Độ, Thượng Ngu, lúc trẻ sư đi khắp nơi tham học tất cả các tông phái, đến khi lớn tuổi, sư chuyên tâm niệm Phật cầu sinh Tây phương. Tháng 8 mùa thu, mới đổi niên hiệu Khánh Nguyên (1195), sư từ biệt chúng và nói: “Tôi mộng thấy Phật A-di-đà và thấy đại chúng vây quanh nghe Ngài thuyết pháp, Đức Phật dạy: “Này các thiện nhân! Các người phải chuyên tâm tu tịnh nghiệp cầu sinh về nước Ta”. Và tôi đã thấy được tướng tốt của Phật; nhất định tôi sẽ vãng sinh”.

Nói xong, sư làm bài kệ:

Nhạn bay ngang trời

Bóng in dưới nước

Không sinh không diệt

Hoa sen nước kia.

Viết xong bài kệ, sư quay người về hướng tây kiết ấn và thị tịch.

71. Đời Tống, Thích Trí Thâm

Sư hiệu Từ Xuyên, học ở Hải Nguyệt, sau đó trở về Gia Hòa mở Trường Đường cung cấp các thứ cần dùng cho mọi người suốt hai mươi năm để họ chuyên tâm niệm Phật. Sư thường lấy pháp môn tu tịnh nghiệp chỉ dạy mọi người; người được vãng sinh rất đông. Sau đó, bỗng nhiên sư phát bệnh, nhưng khách đến thăm hỏi, sư vẫn tiếp chuyện như ngày thường. Khi khách vừa ra khỏi cửa thì sư thị tịch. Có người thấy đám mây tía bay về hướng tây và biến mất.

72. Đời Tống, Thích Pháp Nhân

Sư cư trú tại chùa Quảng Thọ, Tây Minh, chuyên tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ suốt ba mươi năm. Sau đó, sư có bệnh, tập họp đại chúng tụng kinh *Quán Vô Lượng Thọ* và niệm danh hiệu Phật A-di-đà, đến đêm thứ ba sư nói với chúng đệ tử: "Tôi sắp đi đây!". Có người thỉnh sư để lại kệ tụng, sư viết:

Tôi với Di-đà vốn không hai

Hai và không hai thảy đều là

Tôi thấy Di-đà như thế ấy

Cảm ứng đạo giao khó nghĩ bàn.

Viết xong, sư gắng gượng dậy ngồi ngay thẳng và thị tịch.

Ghi chú:

Tâm ta niệm danh hiệu Phật A-di-đà thì nhất định vãng sinh về nước của Ngài. Tức dùng phàm tâm mà thấy được Phật tâm, thì việc sinh về nước của Phật đâu có gì khác! Đâu có gì khác nên là hai, rõ ràng nên là không hai, là hai nên không tìm cầu từ người khác, là không hai nên không ngại việc cầu sinh Tịnh độ. Là hai nên phàm tình dứt sạch, là không hai nên thánh giải đều quên. Như thế người thấy được Phật thì suốt ngày là Ta-bà, suốt ngày là Tịnh độ; niệm niệm Thích-ca ra đời, thời thời Di-lặc hạ sinh, ấy mới thật là người đã thấy được Phật Di-đà. Ngược lại, nếu không được như vậy thì hằng ngày tuy đối mặt, nhưng cách xa như mây trắng ở nghìn dặm.

73. Đời Tống, Thích Trí Tiên

Sư hiệu Chân Giáo, cư trú tại chùa Bạch Liên[67], giảng đạo suốt mười ba năm. Sư thường hướng về phương tây đỉnh lễ và niệm danh hiệu Phật A-di-đà, chưa từng xao lãng. Sư nhờ chư tăng ở Quán Đường tụng kinh *A-di-đà*, tụng chưa hết quyển thì sư đã thị tịch. Chư tăng ở chùa Năng Nhân[68] gần

đó đều nghe tiếng nhạc trời vang vọng. Sáng sớm hôm sau, mọi người mới biết sự thị tịch.

74. Đời Tống, Thích Tông Lợi

Sư cư trú tại Bích Chiêu, Tân Thành, tu Niệm Phật tam-muội suốt mười năm. Về sau, sư vào núi Đạo Vị dựng một thảo am đặt tên là Nhất Tướng. Sư ở đó hơn mười năm. Một hôm, sư gọi đệ tử đến và nói: “Ba ngày liền tôi thấy hoa sen xanh khắp trên hư không”. Sư lại nói: “Đức Phật đến”. Nói rồi, sư làm bài kệ:

Tôi chín mươi tuổi đầu bạc trắng

Trên đời trăm tuổi mấy ai nào

Đạo nhân Nhất Tướng về chốn cũ

Đài vàng quét sạch, thoát càn khôn.

Nói xong, sư an nhiên thị tịch.

75. Đời Tống, Thích Tề Ngọc

Sư hiệu Tuệ Giác, lúc đầu sư trụ tại chùa Bảo Tạng, Sáp Xuyên và đã sáng lập hội Tịnh Độ ở đây. Sau đó, sư đến trụ tại Thượng Trúc. Một hôm, vào nửa đêm sư đến trước tượng Đức Phật A-di-đà đỉnh lễ và niệm danh hiệu Ngài. Một ngày kia, sư gọi vị thủ tọa đến nói: “Trước giường của tôi xuất hiện nhiều tháp báu, đó không phải là nguyện của tôi. Tôi muốn sinh về Tịnh độ thôi, ông có thể vì tôi mà nhóm họp đại chúng niệm Phật chứ!”. Vị thủ tọa liền thỉnh chuông, tăng chúng nhóm họp hơn trăm vị, sư nói: “Tôi đã thấy Phật”. Nói dứt lời, sư nhắm mắt ngồi ngay thẳng thị tịch.

Ghi chú:

Nhiều tháp báu cũng là nước Phật. Vì sao sư Tề Ngọc cho là không phải ý nguyện? Thuở xưa, hoàng hậu Vi-đề-hi xem khắp cõi Tịnh độ, nhưng chỉ cầu sinh An Dưỡng. Bởi vì không chuyên tu thì công đức không thành tựu; biết như thế mới bàn đến Tây phương.

76. Đời Tống, Thiền sư Viên Chiêu Bản

Sư Tông Bản người Vô Tích, Thường Châu. Ban đầu, sư theo tu học với thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài. Sư niệm Phật có chút tinh ngộ. Sau đó, sư dời về Tịnh Từ, phụng chiếu chỉ vào trụ trì chùa Tuệ Lâm ở Đông Kinh và sư được

vua mời vào điện Diên Hòa để tuyên dương yếu chỉ Thiền. Hằng ngày, sư mật tu tịnh nghiệp. Pháp sư Lô Phong Tài xuất thần đến Tịnh độ thấy một hoa sen rất đẹp, hỏi ra mới biết hoa sen này đợi thiền sư Tịnh Từ Bản sinh về. Lại có ngài Tư Phúc Hi đến chùa Tuệ Lâm đình lễ sư và cúng vàng rồi đi. Mọi người hỏi nguyên do, sư nói: "Tôi ở trong định thấy hoa sen vàng". Có người nói: "Là đợi sư Tịnh Từ Bản". Lại có vô số hoa sen và có người nói: "Là đợi những người được sư độ". Hoặc có những bông hoa bị héo. Có người nói: "Đó là những người đã thoái chí". Có người xin sư truyền bí quyết làm sao để được nêu tên ở liên cảnh. Sư cười đáp: "Dù ở tại tông môn cũng nên chuyên tu Tịnh độ". Về sau, sư ngồi ngay thẳng mà thị tịch. Sư được vua ban tên thụy là Viên Chiếu thiền sư.

Ghi chú:

Thuở xưa, ngài Trung Phong[69], Thiên Như[70] cho Thiền và Tịnh độ lý tuy là một nhưng dụng công thì không thể đồng thời. Ngày nay, có người nói: "Thiền, Tịnh song tu là thế nào?". Bởi vì chữ "kiêm" có hai nghĩa: chữ kiêm có nghĩa là hai chân cùng lúc bước lên hai chiếc thuyền, thì thật không thể được. Chữ kiêm có nghĩa là viên thông không ngăn ngại thì có gì là không thể? Huống hồ, ngoài thiền không có Tịnh độ, thì Tịnh độ chính là tâm; vốn chẳng phải hai thứ. Sao lại gọi đó là "kiêm" được!

77. Đời Tống, thiền sư Đại Thông Bản

Sư Thiệu Bản nhờ thi kinh *Hoa nghiêm* mà được xuất gia. Sư vâng chiếu vua đến trụ trì chùa Pháp Vân và được ban hiệu là Đại Thông. Sau đó, sư trở về chùa Tượng Ổ ở Hàng Châu chuyên tu tịnh nghiệp. Một hôm, trong lúc nhập định, sư thấy Phật A-di-đà hiện thân màu vàng. Sáng hôm sau, sư nói với đệ tử: "Tôi chỉ sống được ba ngày nữa thôi". Đến thời gian đã định, sư ngồi ngay thẳng quay về hướng tây niệm Phật và thị tịch.

78. Đời Tống, luật sư Linh Chi Chiếu

Sư Nguyên Chiếu cư trú tại Linh Chi, truyền bá luật học, dốc lòng tu tịnh nghiệp, niệm Phật mãi không dừng. Một hôm, sư bảo đệ tử tụng kinh *Quán Vô Lượng Thọ* và phẩm *Phổ Hiền hạnh nguyện*. Sư ngồi ngay thẳng thị tịch. Lúc ấy, ngư dân ở Tây Hồ đều nghe trên hư không có tiếng nhạc.

79. Đời Tống, luật sư Thanh Chiếu

Sư Huệ Hanh trụ ở chùa Diên Thọ, Vũ Lâm. Ban đầu, sư theo luật sư Linh Chi học luật và chuyên tu tịnh nghiệp suốt mười sáu năm. Sư thường khuyên mọi người nên siêng năng niệm Phật. Sư xây bảo các, tôn trí tượng

Tam thánh[71] rất đẹp. Bấy giờ, có người làm công quả tên Hữu Giang nằm mộng thấy tòa báu từ trên hư không bay xuống và nghe có tiếng nói: “Luật sư Huệ Hanh sẽ ngồi trên tòa này”. Bấy giờ, có cư sĩ Hữu Tôn ở Thích Xã biết trước giờ sắp chết nên đến từ biệt sư, rồi ông trở về nhà kiết ấn và qua đời. Sư đến đốt hương và trở về nói với đệ tử: “Hữu Tôn đã đi, ta cũng đi đây!”. Nói xong, sư tập hợp chúng niệm Phật và sư nói bài kệ:

Miệng luôn niệm Di-đà

Niệm niệm tưởng bạch hào

Giữ tâm không lui sụt

Chắc chắn sinh An Dưỡng.

Nói kệ xong, sư ngồi ngay thẳng thị tịch. Sư được người đời sau suy tôn là Thanh Chiếu luật sư.

Ghi chú:

Sáu mươi năm chuyên tu tịnh nghiệp, lúc lâm chung hiện điềm lành, đâu có gì đáng nghi. Có người cậy sức lúc còn trẻ, gây nhiều tội lỗi nên không có được điềm lành vắng sinh Tịnh độ. Thật là lắm lạc biết bao!

80. Đời Tống, Thích Tư Mẫn

Sư từng thụ giới pháp với luật sư Linh Chi, chuyên tâm niệm Phật suốt hai mươi năm. Sau này mắc bệnh, sư thỉnh chúng tụng tụng kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nửa tháng, nhưng mới tụng được ba ngày thì sư thấy hóa Phật khắp cả hư không. Lúc thị tịch sư niệm Phật, tiếng vang khắp bốn phương. Mặc dù thi thể được an trí trong khám giữa trời hè oi bức trải qua bảy ngày, nhưng vẫn không bị đổi màu, lại có hương thơm lan tỏa khắp hư không.

81. Đời Tống, Thích Hi Trạm

Sư người Sơn Âm. Lúc nhỏ, sư là một Nho sinh, bỗng nhàm chán đời sống thế tục, bỏ đi xuất gia. Sư cùng với tì-kheo Oánh xây dựng điện *Vô Lượng Thọ Phật* ở Nguyễn Đỗ và chuyên tu tịnh nghiệp. Sư không bao giờ ngồi quay lưng về phía tây. Sau đó, sư thường thấy Phật và hai vị bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí. Vào một đêm nọ, sư ngồi ngay thẳng quay mặt về phương tây kiết ấn niệm Phật và an nhiên thị tịch.

82. Đời Tùy, pháp sư Đăng

Sư thường giảng kinh *Niết-bàn* ở chùa Hưng Quốc, Tinh Châu. Những người đến nghe giảng, sư đều khuyên họ niệm Phật cầu vãng sinh. Sư thị tịch vào niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592). Lúc sư thị tịch có hương thơm lạ lan tỏa khắp hư không, đến lúc tấn liệm có ánh sáng và mây thơm bủa khắp thôn làng.

83. Thích Tăng Nhai

Sư ở chùa Đa Bảo, Ích Châu, dốc lòng tu tịnh nghiệp, đốt năm ngón tay để cúng dường Tam thánh Tây phương.

Có người hỏi:

- Sư đau không?

Sư đáp:

- Tâm đã không đau, lẽ nào tay lại đau sao!

Đến lúc sư thị tịch hoa trời rải xuống như mưa. Mọi người thấy sư chia y bát, tích trượng cho năm sáu trăm tỉ-kheo rồi bay lên hư không ẩn mất.

84. Đời Tống, pháp sư Tăng Tạng

Sư người Phần Châu, suốt đời không nhận sự lễ bái của kẻ tăng người tục. Sư chuyên tu Tịnh độ. Lúc sư sắp thị tịch, có thiên chúng thứ lớp trời nhạc đến rước, nhưng sư không theo. Đến khi thấy Phật A-di-đà đến, sư mới từ biệt đại chúng và thị tịch.

85. Đời Tống, pháp sư Cô Sơn Viên

Sư Trí Viên cư ngụ tại Cô Sơn, Tây Hồ, thông hiểu các kinh, chuyên tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Sư soạn bộ kinh *A-di-đà* và làm lời sao cho bộ *Tây tư* để khuyến khích mọi người phát tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Khi sư thị tịch, đệ tử đem bình bát của sư hợp táng cùng thi thể. Mười lăm năm sau, do mưa lâu ngày núi lở, mộ của sư cũng bị quật lên khỏi lòng đất; người ta nhìn thấy bình bát và thi thể của sư chẳng những vẫn như xưa mà móng tay, chân và râu tóc dài ra thêm.

Ghi chú:

Danh tiếng của sư mãi về sau vẫn còn truyền tụng không ngớt, thế vì sao nói lâm chung không được vãng sinh? Cứ xét những điềm lành hiện ra khi sư lâm chung cũng quá đủ để chứng minh cho việc tu tập của sư rồi. Chính

vì nghiệp lành kiên cố nên việc được vãng sinh là chắc chắn, đâu còn nghi ngờ gì nữa!

86. Đời Tống, Thích Nguyên Tịnh

Sư người đất Hàng, xuất gia lúc mười hai tuổi. Sau này, sư cư trú tại chùa Long Tĩnh. Thời bấy giờ, các bậc hiền tài như Triệu Thanh Hiến, Tô Văn Trung rất kính trọng sư. Lúc sắp thị tịch, sư vào am Phương Viên và nói với mọi người: "Bây giờ nữa tôi rủ bỏ nợ trần, sở nguyện đã thành tựu". Bảy ngày sau, sư nói kệ dạy đại chúng, rồi ngồi kiết-già thị tịch.

87. Đời Tống, Dụ Di-đà

Sư Tư Tịnh, hiệu Tịnh Độ Tử, họ Dụ, người Tiền Đường. Buổi sáng, sư hầu Anh pháp sư và giảng kinh *Pháp hoa*. Buổi chiều chuyên tâm niệm Phật. Những lúc rảnh rỗi, sư vẽ tượng Phật. Mỗi lần vẽ, sư vào tịnh thất yên tĩnh tập trung quán tưởng, đến khi nào thấy được ánh sáng của Phật A-di-đà mới đặt bút xuống vẽ.

Đến niên hiệu Thiệu Hưng, nhằm năm Đinh Tị (1137), sư ngồi ngay thẳng nhất tâm niệm Phật suốt bảy ngày và an nhiên thị tịch.

Ghi chú:

Trước khi vẽ tượng Phật đều quán tưởng Phật, có mấy người làm được việc như vậy? Bởi vì, có thể vẽ người có mặt người thân hỗ trợ đâu thể vẽ người ở Tịnh độ! Như vậy, họa sĩ vẽ tượng Phật, vì sao không được vãng sinh?

Có người hỏi: "Có chắc người vào thất đều hoàn toàn thanh tịnh; quán tưởng đều hoàn toàn vắng lặng không?" Huống gì họa sĩ vẽ ra muôn hình vạn trạng! Sư Dụ Di-đà cho đến lúc già chỉ quán Phật, vẽ Phật, chứ không vẽ bất cứ tranh ảnh gì khác. Việc vẽ Phật của sư đến nay vẫn còn lưu truyền chớ chẳng phải là những lời lẽ bịa đặt.

88. Thích Mông Nhuận

Sư tự Ngọc Cương, đặc pháp với thiền sư Cổ Nguyên. Những năm cuối đời, sư về ở am Bạch Liên trên đỉnh Phong Hoàng, đóng cửa niệm Phật. Lúc lâm chung có hóa Phật đến đón và hương thơm lạ phảng phất khắp phòng.

89. Đời Nguyên, Thích Vân Ốc

Sư Thiện Trụ, tự Vân Ốc, người đất Tô, bế quan ngày đêm sáu thời niệm Phật. Sau đó, sư mắc bệnh rất lâu mà không thuyên giảm. Khi sư thị tịch có

hương thơm lạ phảng phất khắp phòng. Sư có soạn hai tác phẩm là: *An Dưỡng truyện* và *Cốc hưởng tập* được lưu truyền ở đời.

90. Đời Nguyên, Chỉ Quán Chủ

Sư tự Biệt Tông, người ở đất Hàng, giới đức cao vời. Sư dựng Quán Thất ở phía nam núi Long, chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Mặc dầu, trong lúc chạy loạn, sư vẫn không quên niệm Phật. Một hôm, sư không có bệnh, sau khi tắm rửa sạch sẽ ngồi ngay thẳng và thị tịch. Trong tập *Hành nghiệp* của pháp sư Chi Vân Nhân có ghi rất rõ việc này.

91. Đời Tống, Thích Đàm Ý

Sư người Tiền Đường, làm nghề thầy thuốc, đến lúc tuổi già chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Sư đem tiền của dành dụm được bấy lâu cúng Phật và thiết trai cúng dường chư tăng, tạo tượng, xây nhà tắm. Sư làm như thế suốt hai mươi năm. Sau đó, sư bị bệnh nhẹ nhưng không dùng thuốc mà chỉ mời bảy vị tì-kheo đến niệm Phật. Niệm đến ngày thứ hai thì sư thấy hoa sen lớn như tòa nhà, sang ngày thứ ba thì thấy vị tì-kheo người Ấn Độ đến bên giường hỏi thăm. Đến lúc nửa đêm, mọi người nghe tiếng niệm Phật nhỏ dần và thấy Sư an nhiên thị tịch.

92. Đời Tống, Thích Thái Vi

Lúc nhỏ sư xuất gia với pháp sư Pháp An ở Tiền Đường. Thầy vừa trao cho sư quyển kinh *A-di-đà*, chẳng mấy chốc sư đã thuộc lòng. Đến khi thụ giới Cụ túc xong, sư chỉ đóng cửa niệm Phật, siêng năng không chút xao lãng. Sư thường đi dạo phía sau núi. Một hôm, bỗng sư nghe tiếng sáo liền hoát nhiên khai ngộ. Vì thế, sư luôn giữ bên mình một ống sáo để tự vui. Có một người tên Lăng Giám Bạc cũng chuyên tu tịnh nghiệp, ông ta gọi sư là Tịnh Độ hương trưởng. Một hôm, ông ta đến gõ cửa và thưa với sư:

- Tịnh Độ hương đệ muốn gặp Ngài.

Sư nói:

- Ngày mai sẽ gặp nhau ở Tịnh độ. Bấy giờ phải gấp rút niệm Phật thôi.

Sáng hôm sau, mọi người lấy làm lạ, vì không thấy sư đến khất thực. Họ cùng nhau đến xem thì thấy ống sáo, bình bát, ghế ngồi đều đã bị đốt cháy và sư ngồi kiết-già trên đất thị tịch.

Ghi chú:

Luôn giữ ống sáo bên mình để tự vui, vì thế người xưa tạm ghi lại và cho đó là nguyên nhân khiến sư tỏ ngộ. Từ đó, sư chỉ dùng ống sáo để làm Phật sự mà thôi. Thiên sư Câu-chi được công án “Thiên một ngón tay” của hòa thượng Thiên Long nên suốt đời chỉ đưa ngón tay để dạy người. Ngài Đoan thấy múa sư tử mà tâm bừng sáng nên thường mặc y năm màu. Ngoài ra, những kẻ đọc kinh *Lãng-nghiêm* sai lệch mà không chịu sửa đổi cách ngắt câu. Những hạng người này là bọn si mê, càn bướng. Đừng bắt chước theo họ.

93. Đời Tống, Thích Dụng Khâm

Sư trụ ở chùa Thất Bảo, thuộc Tiền Đường. Sư theo học luật với ngài Đại Trí. Một hôm, sư nghe ngài Đại Trí dạy chúng: “Sống thì hoằng truyền luật học, chết sinh về Cực lạc, người xuất gia học đạo phải làm như vậy mới gọi là tròn hạnh nguyện”. Sư liền phát tâm cầu sinh Tịnh độ, một lòng không thay đổi. Mỗi ngày sư niệm Phật ba vạn câu. Sư từng xuất thần đến cõi Tịnh độ, thấy Phật và bồ-tát có nhiều tướng lạ. Một hôm, sư gọi thị giả lại và bảo: “Ngày mai tôi về Tây phương”, rồi Sư nhóm chúng niệm Phật. Sáng sớm hôm sau, sư ngồi ngay thẳng chấp tay nhìn về phương tây và thị tịch.

94. Đời Tống, Cử Pháp Hoa

Sư người Minh Châu, thường tụng kinh *Pháp hoa* và nguyện sinh về Tịnh độ, cho nên người đương thời gọi sư là Cử Pháp Hoa. Vào niên hiệu Nguyên Hựu thứ tám (1093), năm ấy sư tròn tám mươi một tuổi, một hôm sư ngồi ngay thẳng mà thị tịch. Trải qua ba ngày, bỗng nhiên sư sống lại và nói với các đệ tử: “Tôi đã thấy cảnh Tịnh độ, giống như trong kinh nói, trên mỗi đài sen đều có ghi tên của những người sẽ vãng sinh. Một đài vàng ghi tên Huân Công tại viện Quảng Giáo ở phủ Thành Đô, một đài ghi tên Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu, một đài ghi tên Khả Cử và một đài bạc ghi tên Từ Đạo Cô ở Minh Châu.” Nói dứt lời, sư lại thị tịch. Năm năm sau, Từ Đạo Cô qua đời, lúc ấy có hương thơm lạ phảng phất khắp phòng. Mười hai năm sau thì đến lượt Tôn Thập Nhị Lang qua đời, có nhạc trời từ trên không trung đến đón rước. Những gì xảy ra đều giống như lời của sư Khả Cử đã nói.

Ghi chú:

Ghi tên trên hoa sen, có việc này là vì nhiều người đã chứng kiến. Là giả sao! Là thật sao! Ôi! Dùng huyền tâm niệm huyền Phật. Lấy huyền hoa ghi huyền danh, cho đến được thụ kí thành Phật. Thế thì có cái gì chẳng phải huyền? Tôi đây cũng huyền sinh vậy! Như thế, vì sao phải bàn luận là giả hay thật!

95. Đời Nguyên, Thích Tổ Huy

Sư trụ ở Thành Phật Các thuộc quận Tứ Minh, khi gặp bất cứ ai cũng chỉ nói câu: “A-di-đà Phật thuyết diệu thuyết bất đắc”. Vì thế, người đương thời gọi sư là “Thuyết Bất Đắc hòa thượng”. Bấy giờ, vợ chồng huyện ủy huyện Ngân là Vương Dụng Hưởng rất sùng kính sư. Một hôm, sư đến nhà từ biệt vợ chồng họ và nói: “Ngày mai tôi đi”. Sáng hôm sau, mọi người nhóm họp đông đủ, sư vào điện Phật ngồi ngay thẳng và nói muốn ăn dưa chín. Sau khi ăn hết trái dưa, sư niệm Phật và thị tịch.

96. Đời Minh, Thích Sở Kì

Sư người ở đất Thục, dốc lòng tin về Tây phương. Một hôm, sư đến Yên Kinh (Bắc Kinh), tình cờ nghe được tiếng trống trên lầu, bỗng nhiên đại ngộ. Đầu niên hiệu Hồng Vũ thứ ba (1371), sư phụng chiếu đến kinh đô thuyết pháp, nhà vua rất vui. Về sau, sư xây một cái thất đặt tên là Tây Trai và chuyên tâm tu tịnh nghiệp. Sư từng thấy hoa sen lớn đầy cả thế giới, Đức Phật A-di-đà ngồi trên hoa sen và có các bậc thánh giả ngồi xung quanh. Trước khi thị tịch, sư làm bài kệ dạy chúng và nói: “Tôi đi đây!” Có người hỏi:

- Thầy đi đâu?

Sư đáp:

- Về Tây phương.

Có người lại hỏi:

- Tây phương có Phật, đông phương không có Phật sao?

Sư hét lớn một tiếng rồi an nhiên thị tịch.

97. Đời Minh, Thích Bảo Châu

Sư thường qua lại vùng Gia Hòa và quận Hàng, dù mùa hạ hay mùa đông, sư cũng chỉ mặc một y. Sư khát thực để sống, không ngủ một nơi nào cố định. Hằng ngày sư chỉ niệm Phật mãi không ngắt. Nếu có ai gọi sư mới trả lời, rồi tiếp tục niệm Phật. Sư không bao giờ nói lời vô bổ. Sau đó, ở chùa Hải Môn bỗng xuất hiện một người giống như kẻ điên, ở lại trong chùa hơn nửa tháng, bị chư tăng quở trách: “Những gì ông làm hằng ngày nên làm gương cho người đời, vì sao ông lại như thế?” Sư nói: “Nói như vậy thì tôi đi đây!” Sau khi tắm xong, sư an nhiên đứng mà thị tịch.

Tổng Luận:

Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói có ba bậc vãng sinh. Trong đó, bậc thượng dành cho người bỏ nhà, lìa xa đời sống thế tục làm sa-môn, một mực chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Bỏ nhà, lìa xa đời sống thế tục là thân xuất gia. Một mực chuyên tâm niệm Phật là tâm xuất gia. Thân tâm đều thanh tịnh, lo gì không được vãng sinh Tịnh độ!

Có tì-kheo ngông cuồng tự cho rằng: “Chỉ có hai chúng tại gia mới được tiếp dẫn vãng sinh Tịnh độ, ta là sa-môn, vì sao bị xem thường như thế?” Hoặc có người nói: “Chỉ có những vị căn tính chậm lụt trong hàng tăng lữ mới được tiếp dẫn vãng sinh Tịnh độ, ta thông pháp, ngộ tông, vì sao bị xem thường như thế?”

Ôi! Những kẻ ngông cuồng ấy, chẳng những xa lìa chư Tổ mà còn cách biệt các bậc trưởng lão. Có người truyền bá kinh pháp, tiếng tăm chấn động trời người; có người nắm giữ tâm ấn Tổ sư làm cho đạo pháp lưu truyền mãi muôn đời. Những người chẳng biết gì về tông và giáo, chẳng phải sa-môn. Ngoài những kẻ không biết gì về Tịnh độ, chẳng có tông và giáo, chẳng phải sa-môn, ta đều cho đó là hạng người ngông cuồng.

-Hết quyển 1-

[1] *Vãng sinh tập* 往生集: tác phẩm 3 quyển, do ngài Châu Hoảng soạn vào đời Minh, Trung Quốc, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 51. Nội dung tác phẩm này là gom chép tên tuổi những vị vãng sinh Tây phương người Trung Quốc và Ấn Độ.

[2] Phật thừa 一乘 (S: ekayāna): Nhất thừa.

[3] Tam thừa 三乘 (S: Trini tayāna): ba xe, dụ cho ba pháp môn chuyên chở chúng sinh vượt qua sinh tử đến bờ Niết-bàn. Đó là: Thinh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa.

[4] Trung Phong 中峰: tức là quốc sư Phổ Ứng (1263-1323) ở núi Thiên Mục, tên Minh Bản, hiệu Trung Phong, quê Tiền Đường, đệ tử thiền sư Cao Phong Nguyên Diệu.

[5] Vô sinh 無生: thật tướng không sinh diệt của tất cả các pháp. Tất cả các pháp tồn tại không thật thể, là không, cho nên không thể nói là sinh diệt, biến hóa.

[6] Tam giới 三界: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

[7] Sáu đường 六道: sáu đường thụ sinh tùy theo nghiệp lực của chúng sinh. Đó là: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A-tu-la, Nhân, Thiên.

[8] Chín phẩm 九品: chín bậc: Thượng thượng, thượng trung, thượng hạ; Trung thượng, trung trung, trung hạ và Hạ thượng, hạ trung, hạ hạ.

[9] Châu Hoảng 珠宏: cao tăng Trung Quốc, người Hàng Châu, họ Thẩm, tự là Phật Huệ, hiệu Liên Trì. Thuở nhỏ Sư theo Nho học, đến tuổi trung niên quy y Phật giáo. Sư xuất gia với ngài Vô Môn Tính Thiên ở Tây Sơn, thụ giới Cụ túc với ngài Vô Trần ở Chiêu Khánh, và đi tham học khắp bốn phương. Năm 1571, Sư đến trụ tại một ngôi chùa hoang trong núi Vân Thê, Hàng Châu. Sư tinh tiến tu hành niệm Phật tam muội, giáo hóa kẻ xa gần, người đến học rất đông đảo khiến chùa này dần dần trở nên hưng thịnh. Sư chủ trương tu Tịnh độ, cật lực bài xích kẻ cuồng thiền và ra sức xiên dương Thiền Tịnh song tu. Vì thế, đạo phong của Sư ngày càng lan xa. Cuối đời khi phát bệnh, Sư càng siêng năng tu tịnh nghiệp, soạn 32 điều bất tướng để cảnh tỉnh mình và người, Sư viết ba điều đáng tiếc, mười điều đáng khen để sách tiến đồ chúng. Năm 1612, Sư thị tịch, thọ 81 tuổi.

[10] Sáu kinh 六經: Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc, Xuân Thu.

[11] Đạo An 道安: cao tăng Trung Quốc, sống vào thời Đông Tấn, họ Vệ, người Phù Liễu, Thường Sơn Chính Định, tỉnh Hà Bắc. Sư xuất gia năm mười hai tuổi, thông minh hơn người. Sư nghiên cứu học tập kinh luận, tinh thông kinh *A-hàm*, *A-tì-đạt-ma*, kiến thức siêu quần, nổi pháp ngài Phật Đồi Trùng. Về sau, phương bắc loạn lạc, sư cùng thầy lần lượt đi lánh nạn khắp nơi, rồi ở lại Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc thuyết giảng giáo hóa mười lăm năm. Sau này, vua Phù Kiên nghe danh sư, liền đem quân vây đánh Tương Dương, thỉnh sư về trụ chùa Ngũ Trùng tại Trường An, tôn làm thầy. Sư chỉnh đốn lại những kinh luận dịch ra chữ Hán, biên soạn thành bộ *Tổng lý chúng kinh mục lục*. Ngoài ra, sư còn dốc sức phiên dịch kinh điển, viết lời tựa và chú thích các kinh, tổng cộng được hai mươi hai bộ, chia phần giải thích kinh điển ra làm phần tựa, phần chính tông và phần lưu thông. Sư còn chế lập nhiều nghi thức tăng đoàn, hành qua, lễ sám v.v... và định lấy họ Thích làm họ chư tăng. Sư thị tịch vào năm 385.

[12] Lô Sơn 廬山: núi ở huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc. Phía bắc giáp Trường Giang, phía đông giáp hồ Phàn Dương. Đây là một thánh địa mà cao tăng nhiều đời về kết am, lập chùa, hoằng dương tông phong cực thịnh.

[13] Huệ Vĩnh 慧永: cao tăng Trung Quốc, sống vào đời Tấn, họ Phan, người Hà Nội (Hà Nam). Sư xuất gia năm mười hai tuổi, thờ ngài Trúc Đàm Hiên làm thầy, sau đó sư cùng Huệ Viễn thụ học với ngài Đạo An. Khoảng năm 376 – 396, sư đến Tầm Dương, được người đất Quận thỉnh trụ trì chùa Tây Lâm ở Lô Sơn. Sư thường xem kinh điển, giỏi giảng thuyết. Năm 414, sư bị bệnh nặng, nhưng vẫn giữ gìn giới luật, không chút giải đãi, trước khi thị tịch, sư vén y chấp tay nói với đồ chúng: “Phật đã đến”, rồi an nhiên thị tịch, hưởng thụ 83 tuổi.

[14] Phật-đà-gia-xá 佛 陀耶舍 (S: Buddhayaśas): cao tăng, người nước Kế Tân, thuộc miền bắc Ấn Độ, sang Trung Quốc dịch kinh vào đời Đông Tấn, là thầy của ngài Cư-ma-la-thập. Sư xuất gia năm mười ba tuổi, năm hai mươi bảy tuổi mới thụ giới cụ túc. Sư siêng năng đọc tụng kinh điển, thông suốt cả Tiểu thừa lẫn Đại thừa. Năm 408, sư đáp lời thỉnh cầu của ngài La-thập, đến Trương An hỗ trợ ngài La-thập dịch kinh *Thập trụ, Tứ phần Tăng giới bản, luật Tứ phần*. Sư cùng ngài Trúc Phật Niệm dịch kinh *Trường A-hàm*, ngài Đạo Hàm bút thụ. Sau, sư trở về nước Kế Tân dịch kinh *Hư không tạng* (1 quyển), gửi khách buôn mang đến cho chư tăng ở Lương Châu. Vì sư có râu đỏ, lại khéo dịch luận *Tì-bà-sa*, nên người đời gọi sư là Xích Tì Tì-bà-sa.

[15] Huệ Trì 慧持: cao tăng Trung Quốc, sống vào thời Đông Tấn, họ Giả, là em của ngài Lô Sơn Huệ Viễn, người Lô Phiển, Nhạn Môn, huyện Kinh, Sơn Tây. Lúc nhỏ Sư thông minh mẫn tiệp, lâu thông kinh sử, có tài văn chương. Năm mười tám tuổi, sư cùng anh thỉnh lễ ngài Đạo An cầu xuất gia, học thông Tam tạng và ngoại điển. Sau, sư cùng ngài Huệ Viễn đến Lô Sơn. Năm 399, sư đến Ba Thục, tham quan thắng cảnh Nga Mi, rồi trụ tại tịnh xá Long Uyên, hoằng truyền Phật pháp. Lúc sắp lâm chung, sư dặn dò đệ tử (Đại 50, 362 thượng): “Kinh dạy: Giới như ruộng tốt, thiện pháp từ đây sinh; trong các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, các ông nên cẩn thận”. Sư thị tịch năm 412, thụ 76 tuổi.

[16] Lưu Di Dân 劉 遺民: cư sĩ Phật giáo Trung Quốc, thuộc tông Tịnh Độ, sống vào đời Đông Tấn, người Bành Thành (huyện Đông Sơn, tỉnh Giang Tô), tên Trình Chi, tự Trọng Ân. Lúc đầu, ông làm Phú Tham quân, rồi Huyện lệnh ở Nghi Xương, Sài Tang. Sau đó, ông vào Lô Sơn thờ ngài Huệ Viễn làm thầy, cất một thất riêng trong núi chuyên tu Thiên pháp suốt mười

lăm năm, nhiều lần cảm hào quang của Phật. Ông cùng với ngài Huệ Viễn kết Bạch Liên xã ở chùa Đông Lâm, thệ nguyện vãng sinh Tịnh độ, làm Lô Sơn Bạch Liên Xã Thệ Văn (được đưa và Lạc Bang Văn loại 2) đến nay vẫn còn truyền tụng. Mùa đông năm 410, ông biết trước giờ lâm chung nên đốt hương, lễ Phật, ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng Tây mà vãng sinh, hưởng dương 59 tuổi.

[17] Cưu-ma-la-thập 鳩 磨羅什 (S: Kumârajiva): cao tăng Trung Quốc, sống vào đời Đông Tấn, người nước Qui Tư (Khasa, Tân Cương), là một trong bốn nhà dịch kinh lớn. Cha mẹ sư là người có đức hạnh, sau đều xuất gia theo đạo Phật. Sư thông minh từ thuở bé, bảy tuổi xin mẹ vào đạo. Sau sư đến Thiên Trúc, tham học khắp các bậc danh túc. Sư học rộng nhớ dai, tiếng tốt vang khắp năm xứ Thiên Trúc. Khi trở về nước, sư được vua tôn làm thầy. Từ tháng 4 năm Quý Mão (403), sư lần lượt dịch các kinh, luận như: *Trung luận, Bách luận, Thập nhị môn luận* (3 bộ này gọi chung là Tam Luận)... Sư ở Trường An được mười hai năm thì thị tịch, hưởng thụ 70 tuổi.

[18] Bạch Liên xã 白 蓮社: hội đoàn Bạch Liên lấy sự niệm Phật làm tôn chỉ tu hành, bắt nguồn từ việc lập hội niệm Phật của ngài Huệ Viễn đời Đông Tấn. Tháng 7 năm 402, có 123 người, gồm các vị Huệ Vĩnh, Huệ Trì, Đạo Sâm, Lưu Di Dân, Tông Bính, Lô Thứ Tông... cùng nhau thiết trai trước tượng Phật Vô Lượng Thọ thờ ở đài Bát-nhã chùa Đông Lâm, đồng thệ nguyện lập hội Niệm Phật chuyên tu niệm Phật Tam-muội để cầu vãng sinh Tây phương. Do ao trong chùa có trồng nhiều hoa sen trắng, hơn nữa, hội lại nguyện cầu sinh về hoa sen nên hội lấy tên là Bạch Liên xã.

[19] Lang Da 瑯琊: tên đất, thuộc phần phía tây của tỉnh Sơn Đông; cũng là tên của một ngọn núi ở phía tây tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

[20] Phật-đà-bạt-đà-la 佛 馱 跋 陀 羅 (S: Buddhabhadra): (359-429) cao tăng Ấn Độ, sống vào thế kỉ V, người ở thành Na-ha-lợi, họ Thích, là con cháu của vua Cam Lộ Phạn ở thành Ca-tì-la-vệ, người đời gọi là Thiên Trúc thiên sư.

[21] Ca-duy-vệ 迦維衛 (S: kapilavastu): Cg: Ca-tỳ-la-vệ: đô thành nơi đức Phật đản sinh và cũng là vương quốc của dòng họ Thích-ca, nay là Tilorakot, Ta-rai, Nepal. Theo truyền thuyết, thị tổ của phái Số luận là tiên nhân Ca-tỳ-la cũng ở xứ này nên lấy tên ông đặt tên nước. Thành Ca-tỳ-la-vệ bị vua Tỳ-lưu-ly nước Kiêu-tất-la phá hủy nên điêu tàn. Năm 1895, các nhà khảo cổ tìm thấy phế tích thành Ca-tỳ-la-vệ gần làng Ruminide.

[22] Kinh *Quán Phật tam-muội* 觀佛三昧經 (S: Buddha-dhyāna-samādhisāgara-sūtra): Cg: *Quán Phật tam-muội Hải kinh*: kinh 10 quyển, 12 phẩm, do ngài Phật-đà-bạt-đà-la dịch vào đời Đông Tấn, Trung Quốc, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 15. Nội dung kinh này nói về việc Đức Phật thuyết pháp để độ cho Phụ vương là Duyệt-đầu-đàn và Di mẫu là Kiều-đàm-di tại rừng Ni-câu-lâu-đà, thành Ca-tỳ-la-vệ, Ngài dạy trụ Quán Phật Tam-muội, đồng thời cho rằng Tam-muội này có công đức sâu rộng, có năng lực đưa đến giải thoát.

[23] Tứ đại 四大: bốn yếu tố tạo thành vật chất, gồm có: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại.

[24] Ngũ trược 五濁: năm thứ cặn đục khởi lên trong Kiếp giảm. đó là: kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược.

[25] Kinh *A-di-đà* 阿彌陀經: gồm 1 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào thời Dao Tần, Trung Quốc. Nội dung kinh nói về cõi Cực lạc phương tây trang nghiêm thù thắng, đồng thời khuyên người niệm danh hiệu Phật A-di-đà cầu vãng sanh. Đây là một trong ba bộ kinh quan trọng của giáo nghĩa Tịnh độ.

[26] Kinh *Hoa nghiêm* 華嚴經 (S: Buddhavatamsaka-mahāvaiṣṭya): bộ kinh trọng yếu của Phật giáo Đại thừa, cũng là pháp môn tự nội chứng mà Như Lai tuyên thuyết cho các Bồ-tát thượng vị như bồ-tát Văn-thù, bồ-tát Phổ Hiền, sau khi Ngài thành đạo dưới cội Bồ-đề.

[27] Kinh *Niết-bàn* 涅槃經 (S: Mahā-parinirvāna-Sūtra): kinh, bốn mươi quyển, do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào năm 412 đời Bắc Lương, Trung Quốc, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 12. Nội dung kinh này giảng thuyết về giáo nghĩa Như Lai thường trụ, chúng sinh đều có Phật tính, hạng Xiển-đề thành Phật...

[28] *Thập địa kinh luận* 十地經論: luận, mười hai quyển, do ngài Thế Thân người Ấn Độ soạn, ngài Bồ-đề-lưu-chi, Lặc-na-ma-đề dịch vào đời Bắc Ngụy, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 26. Nội dung giải thích các giai vị tu hành của bồ-tát, cho rằng mười địa dung nhiếp tất cả thiện pháp; trong đó, ba địa đầu nói về thiện pháp thế gian, bốn địa kế nói về tướng trạng tu hành của Tam thừa, ba địa cuối cùng nói về giáo pháp Nhất thừa.

[29] Quyền giáo và Thật giáo 權教,實教: Quyền giáo chỉ cho giáo pháp quyền biến phương tiện chưa liễu nghĩa. Thật giáo là giáo pháp chân thật rốt ráo liễu nghĩa.

[30] Đào Ẩn Cư 陶隱居: hiệu của Đào Hoảng Cảnh, vì ông ẩn cư ở Giang Nam.

[31] Sáu đường (Lục đạo 六道): thiên, nhân, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

[32] Xe lửa 火車: đây là một thuật ngữ của Phật giáo. Xe lửa là loại xe chở tội nhân vào địa ngục, xe này tự phát ra lửa, trên xe có quỷ tốt áp giải tội nhân.

[33] Lục căn thanh tịnh 六根清淨: sáu căn thanh tịnh không bị nhiễm ô. Tông Thiên Thai nói giai vị Thập tín, trong Biệt giáo gọi là Lục căn thanh tịnh.

[34] Giáo quán 教觀 (Thuật ngữ): tức giáo tướng và quán tâm. Giáo tướng là giáo pháp suốt một đời của đức Thích-ca, mà mình phân tích, phán đoán theo tông nghĩa. Quán tâm là quan niệm về chân lí do tông phái mình lập ra. Như tông Thiên Thai lấy Ngũ thời bát giáo làm Giáo tướng, lấy Nhất tâm tam quán làm Quán tâm.

[35] Con trĩ 雉: là một giống gà hoang hay còn chỉ cho gà rừng.

[36] Đột-kiết-la 突吉羅 (S: duṣkṛta): tên tội trong giới luật, tức những tội nhẹ như ác tác, ác thuyết. Là 1 trong 5 thiên, 1 trong 6 tụ giới. Trong 250 giới tì-kheo, tội này bao gồm 2 giới bất định, 100 giới chúng học, 7 giới diệt tránh.

[37] Tà kiến 邪見 (S: Mithyā-dṛṣṭi): thấy biết sai lầm, chủ yếu chỉ cho hạng người phủ nhận đạo lí nhân quả tứ đế.

[38] Liễu Hạ Huệ 柳下惠: là một quan đại phu nước Lỗ thời Xuân Thu. Tương truyền rằng vào một đêm giá rét khủng khiếp có một cô gái bị lạnh đến xin tá túc nhà ông, vì cứu cô gái ông ta ôm cô gái ngủ suốt đêm nhưng không khởi dục tình.

[39] Pháp sư Ngũ Hội 五會法師: tức là sư Pháp Chiếu.

[40] Mạt pháp 末法 (S: saddharma-vipralopa): thời đại Phật pháp suy đồi, 1 trong 3 thời kì Chính, Tượng và Mạt pháp.

[41] Nhất thiết chủng trí 一切種智 (S. sarvathā-jñāna): trí tuệ chỉ có Phật mới chứng được. Tức là dùng một loại trí tuệ mà biết nhân chủng của tất cả

các pháp và tất cả chúng sinh, đồng thời cũng là trí thấu suốt tướng tịch diệt và hạnh loại sai biệt của các pháp. Một trong ba trí.

[42] Ngũ hội niệm Phật 五會念佛: năm hội niệm Phật được phân biệt theo âm điệu cao thấp và nhịp phách nhanh chậm. Nghi thức niệm Phật này do ngài Pháp Chiếu mô phỏng theo sự diễn tả "Gió thổi cây báu phát ra năm thứ âm thanh" mà lập ra làm cho kẻ đạo người đời ham thích cõi Tịnh độ. Năm hội niệm Phật này có tác dụng; trừ 5 khổ, dứt 5 cái, đoạn 5 đường, thanh tịnh 5 nhãn, đầy đủ 5 căn, thành tựu 5 lực, chứng Bồ-đề, đầy đủ 5 giải thoát, có thể mau chóng thành tựu 5 phần pháp thân...

[43] Pháp sư Đài Nham Khang 臺岩康法師: tức sư Thiểu Khang.

[44] Kinh *Pháp hoa* 法華經, Cg: *Diệu pháp liên hoa kinh*: kinh, 7 quyển hoặc 8 quyển, gồm 28 phẩm, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Hậu Tần, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 9. Nội dung chủ yếu là khai thị cho chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến, tức đề xướng thuyết Tam thừa qui nhất Phật thừa. Kinh này dung hòa kiến giải Tiểu thừa và Đại thừa, dùng nhiều phương tiện để hiển bày giáo pháp vi diệu của Đức Phật.

[45] Kinh *Lăng-nghiêm* 楞嚴經: Gđ: *Đại Phật đĩnh Như Lai mật nhân tu chứng liễu nghĩa chư Bồ-tát vạn hạnh thủ Lăng-nghiêm* kinh. Kinh 10 quyển, do ngài Bát-thích-mật-đế, người Thiên Trúc dịch vào đời Đường, Trung Quốc, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 19. Nội dung kinh này ban đầu thuật chuyện ngài A-nan bị dâm thuật làm hại, liền sai ngài Văn-thù-sư-lợi dùng thần chú đến hộ trì.

[46] Chùa Bạch Mã 白馬寺: chùa ở phía đông huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, được xây dựng vào năm 75 triều đại vua Minh Đế đời Đông Hán.

[47] Núi Ô Long (Ô Long sơn 烏龍山): núi ở cách thành Nghiêm Châu (nay là huyện Kiến Đức, tỉnh Chiết Giang), Trung Quốc 3 km về phía bắc. Vào năm 794, pháp sư Thiểu Khang, một trong năm vị tổ Tịnh độ, từng vào núi này lập đạo tràng Tịnh độ, nổi tiếng ở đời.

[48] Diêm-phù-đề 閻浮提 (S. Jambu-dvīpa): cõi nước có trồng nhiều cây Diêm-phù và sản xuất ra vàng Diêm-phù-đàn. Diêm-phù-đề vốn chỉ cho Ấn Độ, về sau chỉ chung cho thế giới nhân gian.

[49] Tam luân đại kinh 三輪大經 : tức là kinh của ba thời giáo: *A-hàm*, *Bát-nhã*, *Pháp hoa*.

[50] Kinh *Vu-lan bồn* 盂 蘭盆經(S: Ullambana-sūtra): kinh 1 quyển, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn, Trung Quốc, là kinh điển thuộc Phương Đẳng bộ, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 16. Nội dung kinh này, đại đệ tử của Phật là Mục-kiền-liên vì bất nhẫn khi thấy mẹ bị đọa vào đường ngạ quỷ, chịu khổ, nên ngài thưa hỏi Phật các giải cứu, Phật dạy ngày rằm tháng 7 là ngày chúng tăng Tự tứ, hãy dùng thức uống ăn ngon quý, ngũ quả cúng dường Phật tăng trong 10 phương thì mẹ ông sẽ được thoát li khổ nạn.

[51] Hoài Ngọc 懷玉: cao tăng Trung Quốc, thuộc tông Tịnh độ, sống vào đời Đường, họ Cao, người Đan Châu (Ninh Hải, tỉnh Chiết Giang). Sư ở chùa Dũng Tuyền, Thái Châu (Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), giữ gìn giới luật rất nghiêm minh. Sư tụng kinh *A-di-đà* 30 vạn lần, mỗi ngày niệm danh hiệu Phật năm vạn tiếng, ngày mùng 9 tháng 6 năm 742, sư nằm mộng thấy Thánh tượng cõi Tây phương, biết mạng chung, sư liền viết bài kệ:

"Thanh tịnh trong sáng không bụi nhơ.

Hoa sen thượng phẩm là cha mẹ

Tôi nay tu hành trải nhiều kiếp

Hiện ở Diêm-phù nhằm các khổ

Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp

Xa hẳn Ta-bà về Tịnh độ".

Viết kệ xong, sư thị tịch. Quan Thái Thú là Đoàn Hoài Nhiên làm kệ ngợi khen và an táng sư rất trọng hậu.

[52] Trời Đâu-suất-đà兜 率陀天: cõi trời thứ tư trong sáu tầng trời cõi Dục, rộng tám vạn do tuần, vị trí ở giữa trời Dạ-ma và trời Lạc Biến Hóa, cách trời Dạ-ma mười sáu vạn do tuần. Tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời này khoảng 4.000 năm, một ngày một đêm ở đây tương đương với 400 năm ở nhân gian.

[53] *Vô lượng thọ quán* kinh 無量壽觀經. Cg: *Quán Vô Lượng Thọ* kinh: kinh 1 quyển, do ngài Cương-lương-da-xá dịch vào đời Lưu Tống, Trung Quốc, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 12. Nội dung kinh này thuật lại việc Đức Phật nhận lời thỉnh của của phu nhân Vi-đề-hi, thị hiện Tịnh độ Tây phương Cực Lạc, đồng thời nói tu Tam phước, Thập lục quán là pháp để được vãng sinh.

[54] Hạnh Đầu-đà 頭陀行 (S: dhūta-guṇa): khổ hạnh tu tập để để dứt bỏ sự tham trước y phục, ăn uống, chỗ ở v.v... ngõ hầu điều phục thân tâm.

[55] Bát-chu Tam-muội 般舟三昧 (S: Pratyutpannasamādhī): một loại chính định thành tựu nhờ thực hiện pháp môn tu tập vừa đi vừa niệm Phật vừa quán tưởng. Thực hành Tam-muội này trong khoảng thời hạn qui định (7-90 ngày) thì sẽ thấy được chư Phật.

[56] Chùa Đại Hưng Quốc 大興國寺: chùa ở huyện Đại Lệ, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, là một trong những ngôi chùa Đại Hưng Quốc ở bốn mươi lăm châu được kiến tạo trong thời gian Tùy Văn Đế trùng hưng Phật pháp.

[57] Phạm hạnh 梵行 (S: brahma-caryā): hạnh thanh tịnh của người xuất gia, tại gia tu tập.

[58] Quán mặt trời lặn ở hướng tây: theo pháp quán đầu tiên trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ*.

[59] Ba nghiệp (Tam nghiệp 三業, S: trīṇi karmāṇi): thân, khẩu, ý.

[60] Bốn oai nghi (Tứ oai nghi 四威儀, S: catur-vidhā īryā-pathāḥ): bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi. Đây là phép tắc mà tì-kheo, tì-kheo-ni phải tuân giữ, tức là những công tác đi, đứng, nằm, ngồi hàng ngày phải nghiêm cẩn, không được buông lung và giải đãi để giữ gìn sự nghiêm túc và trang trọng.

[61] Tứ độ 四土: bốn cõi Phật theo chủ trương của ngài Trí Khải thuộc tông Thiên Thai. 1. Phạm thánh đồng cư độ; 2. Phương tiện hữu dư độ; 3. Thật báo vô chướng ngại độ; 4. Thường tịch quang độ.

[62] Tam quán 三觀: Không quán, Giả quán và Trung quán của tông Thiên Thai lập ra.

[63] Tuyển Phật đồ 選佛圖: bức họa du hí được vẽ theo lí chuyển mê khai ngộ bằng cách danh tướng của Phật giáo.

[64] Pháp giới quán 法界觀: pháp quán về chân lí của pháp giới do ngài Đỗ Thuận, sư tổ của tông Hoa Nghiêm lập ra. Pháp quán gồm có ba lớp: 1. Chân không quán: Quán pháp giới vốn không có thật tính, sắc tức là không, không tức là sắc, không vắng không ngăn ngại nhau, pháp quán này tương đương với Pháp giới quán. 2. Sự vô ngại quán: Quán sự pháp sai biệt và lí tính bình đẳng mà tồn tại một cách hiển nhiên, hai thứ ấy tương tức tương nhập, viên dung vô ngại hòa hợp nhau. Pháp quán này tương đương với Lí sự vô ngại pháp giới. 3. Châu biến hàm dung quán: Quán tất cả mọi sự mọi

vật dung nhiếp lẫn nhau, tự tại vô ngại. Pháp quán này tương đương với sự vô ngại pháp giới.

[65] Nhất tâm tam quán 一心三觀: trong một niệm tâm mà viên tu ba quán Không, Giả, Trung nhất tâm chi tâm năng quán; Tam quán là Không quán, Giả quán, Trung quán. Biết rõ một tâm niệm vốn bất khả đắc bất khả thuyết mà trong nhất tâm tu cả ba quán: Không, Giả, Trung nên gọi là Nhất tâm tam quán. Đây là phép quán của tông Thiên Thai.

[66] Tì-kheo Pháp Tạng 法藏比丘 (S: Bhikṣu Dharmakara): tiền thân của Phật A-di-đà.

[67] Chùa Bạch Liên 白蓮寺: chùa ở phía tây huyện Thanh Phố, Giang Tô, phía nam huyện Côn Sơn, bên cạnh hồ Điện Sơn ở núi Điện, Trung Quốc. Khoảng năm 1163-1164, đời Tống, chùa này được sư Tử Nguyên lập, ban đầu chùa có tên là Bạch Liên Quán Đường, tứ chúng đệ tử trong chùa được Sư hướng dẫn tu pháp môn Thập lục quán để cầu sinh Tịnh độ, do đó chùa còn có tên Bạch Liên sám đường. Khoảng năm 1165-1173, vua Hiếu Tông ban cho chùa tấm bảng hiệu là Bạch Liên tự.

[68] Chùa Năng Nhân 能仁寺: chùa ở dưới ngọn Đơn Phương, phía tây dãy núi Nhạn Đãng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tương truyền, vị tổ khai sơn chùa này là ngài Nặc-cự-na. Năm 976, đời Tống, sư Toàn Liễu kết am Phù Dung để ở, năm 999, mới xây dựng chính điện, năm 1001, chùa cất thêm ngôi tháp Bách Bảo, được vua ban tên là chùa Thừa Thiên. Đến năm 1142, Quận thú Diêm Khâu Hân tâu lên vua xin đổi thành Năng Nhân Thiền viện, trở thành đại đạo tràng ở vùng núi Nhạn Đãng.

[69] Trung Phong 中峰: tức thiền sư Minh Bản

[70] Thiên Như 天如: tức thiền sư Duy Tắc, đệ tử của ngài trung Phong Minh Bản.

[71] Tam thánh 三聖: Phật A-di-đà, bồ-tát Quán Thế Âm, bồ-tát Đại Thế Chí.

VÃNG SINH TẬP

Quyển 2

VUA QUAN VĨNG SINH

1. Vua Nước Ô Thành

Những lúc rảnh rỗi việc triều chính, vua thường thích nghiên cứu Phật pháp. Vua từng nói với các cận thần: “Trẫm là vua của một nước, tuy hưởng phúc lạc nhưng cũng không tránh khỏi vô thường. Nghe nói cõi Tịnh độ ở Tây phương có thể An Dưỡng tinh thần, trẫm phải phát nguyện sinh về nước ấy”. Từ đó, ngày đêm sáu thời, vua chuyên tâm niệm Phật. Vua cũng thường xuyên cúng Phật và thiết trai cúng dường chư tăng; đích thân vua và hoàng hậu dâng cúng thức ăn cho chư tăng. Vua làm như vậy suốt ba mươi năm mà không bỏ một ngày nào. Khi vua thặng hà sắc mặt rất tươi tỉnh và có hóa Phật đến đón. Những điềm lành lúc vua thặng hà rất nhiều.

Ghi chú:

Vào đời mạt pháp, người không có địa vị nghe pháp mà tin nhận, hành trì thì nhiều; ngược lại, người có địa vị nghe pháp mà phát khởi lòng tin, thực hành thì rất ít. Người có địa vị cực kỳ tôn quý như vua chúa, quan lại nghe pháp mà phát khởi lòng tin, thực hành lại càng ít hơn. Vì sao? Vì địa vị càng cao thì tham dục càng lớn, tham dục càng lớn thì sự đảm nhiệm càng nặng. Đời nay, hiếm có người quyền cao chức lớn mà tránh được sự cám dỗ của tham vọng. Vì thế, người hưởng thụ dục lạc của hàng vua chúa mà không quên niệm Phật cầu sinh Tây phương, nếu chẳng phải nhiều đời đã gieo trồng duyên lành thì làm sao làm được như vậy! Mặc dù từ xưa đến nay những bậc vua chúa để tâm nghiên cứu kinh điển Phật giáo rất nhiều, nhưng vì sao không thấy ghi chép lại? Bởi vì, ở đây chỉ nói về chuyện vãng sinh Tịnh độ, cho nên không ghi chép lại.

2. Đời Tống, Thế Tử

Cả ba cha con Thế Tử đều tu pháp môn niệm Phật, chỉ có người vợ không chịu tu. Em gái của Thế Tử qua đời năm lên mười bốn tuổi. Qua đời được bảy ngày thì bỗng nhiên cô sống lại nói với mẹ: “Con thấy trong ao bảy báu ở Tây phương đã có hoa sen của cha và hai anh em con, sau khi cha và hai anh em con qua đời sẽ sinh vào đó, chỉ riêng mẹ chưa có hoa sen; vì thế con mới trở về báo cho mẹ biết, mong mẹ để ý”. Nghe con gái nói như thế, bà vô cùng cảm động, liền phát khởi lòng tin niệm Phật không từ mệt nhọc. Sau khi qua đời, bà cũng được vãng sinh Cực lạc.

Ghi chú:

Người mẹ ban đầu thiếu duyên ở Tịnh độ, nhưng cuối cùng cũng được sinh về Cực lạc. Như thế, vãng sinh hay không là do tin hay không tin mà thôi. Trong Kinh ghi: “Chỉ trừ những người nào không có lòng tin thì không được vãng sinh”.

3. Đời Tấn, Tham quân Lưu Di Dân

Ông người Bành Thành, là hậu duệ của Sở Nguyên Vương nhà Hán. Ông mồ côi cha từ thuở nhỏ, một lòng lo lắng phụng dưỡng mẹ, ông nổi tiếng là người có hiếu. Ông tự phụ cho mình tài ba nên không giao du với bọn người tầm thường. Ông làm Tham quân ở phủ, chẳng được bao lâu lại vội lui về ở ẩn. Tạ An, Lưu Dự nhiều lần tiến cử ông, nhưng ông cự tuyệt không vào triều. Vì thế, ông được vua ban tước hiệu là “Di Dân”. Sau đó, ông vào Lô Sơn tham dự đạo tràng Bạch Liên xã của ngài Huệ Viễn. Ông trú túc “*Niệm Phật tam-muội thi*” để bày tỏ lòng chí thành của mình. Nhiều lần ở trong định, ông thấy hào quang của Đức Phật chiếu xuống đất và làm cho đất có màu vàng. Mười lăm năm sau, cũng tại Lô Sơn, ông lại thấy Phật A-di-đà phóng hào quang giữa hai chặng lông mày, rồi duỗi tay xuống vỗ về ông. Lúc ấy, Di Dân cầu nguyện: “Làm sao để được đức Như Lai xoa đầu và lấy y trùm cho con!” Cầu nguyện vừa dứt lời, bỗng chốc Phật duỗi tay xoa đầu và lấy y trùm lên người ông.

Vào một ngày khác, ông lại thấy mình vào ao bầy bấu[1], trong ao có hoa sen xanh, sen trắng, nước ao trong suốt. Lúc ấy, bỗng xuất hiện một người, trên đầu có vòng hào quang, giữa ngực có chữ 卍 chỉ nước trong ao và nói: “Đây là nước đủ tám công đức[2], ông có thể uống”. Di Dân liền múc uống, nước mát và ngọt. Sau khi tỉnh dậy, ông vẫn còn nhớ rất rõ và có hương thơm lạ phát ra từ các lỗ chân lông. Ông nói với mọi người: “Đã đến lúc tôi về Tịnh độ rồi”. Nói xong, ông đến trước tượng đốt hương, lễ Phật và khẩn nguyện: “Con nhờ Đức Thích-ca chỉ dạy, mới biết có Phật A-di-đà; hương thơm này trước hết con dâng cúng dường Đức Thích-ca Như Lai, sau là cúng dường Phật A-di-đà và kinh *Diệu Pháp liên hoa*, nguyện cho tất cả chúng sinh đều được sinh về Tịnh độ!”. Khẩn nguyện xong, ông ngồi xoay mặt về hướng tây, chấp tay qua đời. Lúc ấy, nhằm niên hiệu Nghĩa Hy thứ sáu (410).

Ghi chú:

Lời tựa của kinh *Quán vô lượng thọ* ghi: “Chính nhân của tịnh nghiệp là lấy việc hiếu dưỡng cha mẹ làm đầu”. Vì thế nên biết, người bất hiếu dù niệm Phật suốt ngày, Phật cũng không hoan nghinh. Nay Di Dân ngay từ lúc còn rất nhỏ đã biết hiếu dưỡng mẹ, chẳng những thế, ông còn trụ sâu trong thiền định và nhiều lần cảm ứng hiện điềm lành. Do đó, có thể biết ông ta

nhất định sẽ được vãng sinh vào phẩm vị cao. Người tại gia tu tịnh nghiệp phần đông đều cho ông là gương sáng của muôn đời.

4. Đời Tấn, Nhung tài[3] Trương Dã

Ông người Tầm Dương, thông thạo cả tiếng Trung Quốc lẫn tiếng Phạn. Ông giỏi văn chương, thi đỗ tú tài, triều đình nhiều lần mời ông vào giữ chức "Tán kị thường thị", nhưng ông đều từ chối. Về sau, ông vào Lô Sơn tu tịnh nghiệp trong đạo tràng Bạch Liên xã của ngài Huệ Viễn. Niên hiệu Nghĩa Hi thứ 14 (418), ông từ biệt mọi người, vào tịnh thất ngồi ngay thẳng và qua đời.

5. Đời Tống, Học sĩ[4] Trương Kháng

Hể ông làm được bất cứ việc thiện gì đều hồi hướng lên Đức Phật. Ông phát nguyện tụng mười vạn biến Đại bi đà-la-ni để cầu sinh Tịnh độ. Năm 60 tuổi, ông mắc bệnh nặng, nhất tâm niệm Phật. Một hôm, ông gọi người nhà đến nói: "Tây phương Tịnh độ đang ở trước nhà. Phật A-di-đà ngồi trên hoa sen, có đứa bé đứng trên đất vàng lễ Phật". Nói xong, ông niệm Phật rồi qua đời. Đứa bé là cháu của Trương Kháng đã qua đời năm ba tuổi.

Ghi chú:

Tâm tịnh thì Tây phương hiện ra trước mắt; tâm uế thì địa ngục theo bên mình. Tâm của Trương Kháng đã hoàn toàn thanh tịnh nên thấy Phật ở trước nhà, sao lại còn nghi ngờ?

6. Đời Tống, Tư sĩ Vương Trọng Hồi

Ông làm quan đến chức Tư sĩ Tham quân ở Quang Châu. Một hôm, ông hỏi Vô Vi Tử Dương Kiệt: Vì sao trong kinh dạy người cầu sinh Tịnh độ, nhưng Tổ sư lại dạy tâm là Tịnh độ, không nhất định phải cầu?

Dương Kiệt đáp: "Ông thử tự suy nghĩ, nếu ở cõi Phật thì không có tịnh, không có uế, cần gì phải cầu sinh! Còn ngược lại, nếu chưa thoát khỏi cảnh chúng sinh, đâu thể không chí tâm niệm Phật để xa lìa cõi uế mà cầu sinh về cõi tịnh!" Tư Sĩ vỡ lẽ vui vẻ cáo từ.

Hai năm sau, lúc Dương Kiệt làm Thái thú ở quận Đan Dương, bỗng một hôm, ông nằm mộng thấy Tư sĩ Vương Trọng Hồi nói: "Trước kia nhờ ông chỉ bảo, nên tôi đã được vãng sinh, hôm nay đặc biệt đến tạ ơn ông". Vài ngày sau có tin báo tang đến, nội dung nói: "Tư sĩ Vương Trọng Hồi biết trước bảy ngày nữa sẽ mạng chung nên ông từ biệt bà con họ hàng rồi qua đời". Quả thật, đúng như những gì Dương Kiệt mộng thấy!

7. Đời Đường, Huyện úy Mã Tử Vân

Ông sống vào đời Đường, thi đỗ Hiếu Liêm, được tiến cử làm chức Huyện úy ở Kinh Ấp. Sau đó, ông áp tải tiền của, châu báu về kinh đô, trên đường đi gặp bão, tàu bị chìm nên ông bị bắt giam. Trong thời gian bị giam giữ, ông chuyên tâm niệm Phật. Năm năm sau, ông được trả tự do. Từ đó, ông vào chùa Nam Lăng Sơn ở ẩn. Một hôm, ông nói với mọi người: “Tôi một đời siêng năng niệm Phật, nay duyên lành ở Tây phương đã chín muồi, nhất định vãng sinh về nước An Dưỡng”.

Sáng hôm sau, ông tắm gội sạch sẽ, mặc đồ mới, ngồi ngay thẳng chấp tay niệm Phật, có hương thơm lạ phảng phất khắp phòng. Ông mỉm cười và nói: “Phật đến rước tôi”. Nói vừa dứt lời, ông qua đời.

Ghi chú:

Thân bị giam cầm, tâm chuyên niệm Phật, cuối cùng được ân xá. Cũng giống như trong phẩm *Phổ môn* của kinh *Pháp hoa* ghi: “Người bị giam cầm, xiềng xích niệm danh hiệu bồ-tát Quán Âm thì liền được thả ra”. Nay năm dục trối buộc, thế chẳng phải đang bị giam cầm sao? Niệm Phật một tiếng diệt trừ được tội nặng sinh tử trong tám mươi ức kiếp, lẽ nào đó chẳng phải là bí quyết để thoát tội sao? Người đắm đuối trong năm dục, không biết niệm Phật thì mãi mãi chịu tội không có thời hạn ân xá. Thật đáng thương xót!

8. Đời Tống, Quận thối Cổ Thuần Nhân

Ông người Hiệp Xuyên, làm quan phó quận Dĩnh Châu. Ông chuyên tâm tu tịnh nghiệp, trường trai niệm Phật. Sau đó, chỉ bị bệnh nhẹ, ông ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng tây mà qua đời. Lúc ông qua đời, trên đỉnh đầu có vòng tròn sáng và hương thơm lạ phảng phất khắp phòng.

9. Đời Tống, Trợ giáo Trương Địch

Ông người Tiền Đường, làm quan đến chức Trợ giáo. Ông thụ giới bồ-tát và cầu học pháp môn Tịnh độ với luật sư Viên Tịnh. Từ đó, ông dốc lòng niệm Phật, nguyện sinh về cõi An Dưỡng. Cứ mỗi lần niệm Phật, ông niệm thật lớn, đến khàn tiếng vẫn không thôi. Một hôm, ông thưa với luật sư Viên Tịnh: “Trong định con thấy chim tần-già trắng bay lượn trước mặt”. Ba năm sau, ông xoay mặt về hướng tây, ngồi ngay thẳng niệm Phật và qua đời.

Ghi chú:

Vì sao chỉ thấy chim tần-già mà không thấy Phật? Bởi vì, ban đầu chỉ tạm thấy thể thôi, cuối cùng rồi sẽ thấy Phật! Đó chẳng phải dần dần đi vào cảnh giới tốt đẹp hay sao?

10. Đời Tống, Quốc học Vương Long Thư

Ông tên thật là Vương Nhật Hưu, người Long Thư, ông thanh liêm, chính trực và thông hiểu kinh sử. Một hôm, ông vứt bỏ tất cả và nói: “Những gì mà tôi học đây đều không phải là pháp cứu cánh, mục đích của tôi là cầu sinh Tây phương”. Từ đó, suốt mười sáu năm liền ông siêng năng niệm Phật, ăn mặc thô sơ đạm bạc. Mỗi ngày lễ Phật một nghìn lạy đến nửa đêm mới ngủ. Ông có viết *Long thư Tịnh độ văn*[5] để khuyên người đời niệm Phật.

Ba ngày trước khi chết, ông đi từ biệt tất cả mọi người và nói: “Chẳng còn gặp nhau nữa”. Đến kì hạn, sau khi đọc sách xong, như thường lệ ông đĩnh lễ và niệm Phật. Bỗng nhiên ông niệm A-di-đà Phật thật lớn và nói: “Phật đến rước tôi”. Nói vừa dứt lời, ông đứng thẳng mà qua đời, giống như cây trồng. Người trong làng nằm mộng thấy có hai người mặc đồ xanh đến dẫn ông đi về hướng tây. Từ đó, nhà nhà đều thờ cúng ông.

Ghi chú:

Ở Long Thư, ông khuyên mọi người phát tâm niệm Phật cầu sinh Tây phương. Ông là người cương trực, thành khẩn bậc nhất, chẳng phải nói suông mà luôn làm đúng như lời nói. Đến lúc lâm chung có những điều kì đặc, ông là gương sáng cho muôn đời. Than ôi! Há chẳng phải những bậc thánh nhân Tịnh độ vào chợ đuổi tay cứu người sao?

11. Đời Tống, Tư gián Giang Công Vọng

Ông người Địch Đài, làm quan đến chức Gián nghị, ông chỉ ăn rau quả và chuyên tu. Ông soạn *Bồ-đề văn* và *Niệm Phật phương tiện văn* để khuyến khích người xuất gia và tại gia tu tập.

Ông có một người con nhưng chẳng may chết sớm. Một hôm, nó hiện về báo mộng: “Đại nhân tu tập đã có kết quả, ở âm phủ có một bức hoành chữ vàng ghi rằng: Quan tri phủ Nghiêm Châu là Giang Công Vọng, giữ chức Tư gián, khát ngưỡng giáo lý khổ, không của đạo Phật, nên siêng năng tu tập, tâm không đắm nhiễm, mọi cử chỉ đều đúng với Phật pháp, nói năng như chính pháp, im lặng như chính pháp, sau khi xả báo thân, nhất định vãng sinh Tịnh độ”.

Cuối niên hiệu Tuyên Hòa (1125), ông đang giữ chức quan Tham tri cho Quảng Đức quân. Một hôm, ông không bệnh, ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

Ghi chú:

Có người cho rằng: “Việc đề bức hoành dưới âm phủ, e là không có thật.” Ôi! Tượng của ngài Vĩnh Minh thường được vẽ dưới âm phủ, như vậy, chuyện vị tăng nhiều quanh tháp kể lại là có thật, đâu riêng gì Giang Công Vọng mà nghi ngờ?

12. Đời Tống, Đại phu Cát Phồn

Ông người Trường Giang, lúc nhỏ đã thi đậu khoa cử, làm quan đến chức Triều Tán[6]. Phàm chốn công đường hay nhà riêng, ông đều xây dựng tịnh thất, thiết trí bàn Phật. Ông thường vào thất tụng kinh, lễ Phật, cảm ứng xá-lợi từ trên không trung rơi xuống. Thường ngày, ông đem pháp tu tịnh nghiệp khuyên khắp người xuất gia hay tại gia tu tập; mọi người tin và thực hành theo rất đông. Một hôm, có vị tăng nhập định xuất thần đến cõi Tịnh độ, thấy ông Cát Phồn ở đó. Sau này, ông không có bệnh, ngồi xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

Ghi chú:

Những vị quan tin Phật thì rất nhiều, nhưng phần đông chỉ vì tránh sự hiềm khích của thế gian nên họ không để lộ ra bên ngoài. Trái lại, Cát Phồn thì ở chốn công đường mà vẫn không quên thiết trí tượng Phật. Đó là thể hiện lòng tin chân thật với Phật pháp của Cát Phồn. Sau này, ông ta ngồi ngay thẳng mà qua đời, đây không phải là ngẫu nhiên vậy.

13. Đời Tống, Trung quan Lí Bình

Ông làm Trung quan ở Thiệu Hưng, quản lý Viện Ngự Dược. Lúc đầu, ông học thiền với ngài Tịnh Từ Huy, có chút tinh ngộ. Đến già, tình cờ ông đọc được bộ *Long thư Tịnh độ văn*, từ đó phát tâm mỗi ngày niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Ông cùng các vị như: Các Trường Nguyên, Mỹ Điện Trường, Lâm Sư Văn v.v... khoảng vài chục người lập hội tu Tịnh độ tại chùa Truyền Pháp. Bỗng một hôm ông bệnh, nằm mộng thấy Đức Phật A-di-đà đem viên quang màu vàng rờng đội lên đầu ông. Bảy ngày sau, ông lại thấy hoa vàng khắp phòng. Rồi ông dặn dò, từ biệt người thân và ngồi ngay thẳng kiết ấn mà qua đời.

14. Đời Tống, Tuyên nghĩa Hồ Nhân

Ông làm quan đến chức Tuyên Nghĩa. Hằng ngày, tuy tin tưởng Phật pháp, nhưng chưa hiểu rõ về pháp môn Tịnh độ. Năm tám mươi bốn tuổi, ông bị bệnh nặng, người con đến mời thiền sư Thanh Chiếu đến chỉ dạy. Ngài Thanh Chiếu hỏi Hồ Nhân:

- Ông biết an thân lập mạng ở đâu không?

Hồ Nhân đáp:

- Tâm tịnh tức Phật độ tịnh.

Ngài Thanh Chiếu hỏi:

- Từ xưa đến nay ông có vọng tưởng nhiễm ô không?

Hồ Nhân đáp:

- Đã ở tại thế gian ai mà không có tạp niệm.

Ngài Thanh Chiếu nói:

- Như vậy thì làm sao đạt được tâm tịnh tức Phật độ tịnh?

Hồ Nhân nói:

- Niệm một câu danh hiệu Phật, làm sao có thể diệt được tội nặng sinh tử trong tám mươi ức kiếp?

Ngài Thanh Chiếu nói:

- Đức Phật A-di-đà phát thệ nguyện tu hành trong vô lượng kiếp, uy đức rộng lớn, ánh sáng và thần lực không thể nghĩ bàn. Do đó, niệm một câu danh hiệu Phật thì diệt được vô lượng tội, giống như ánh nắng mặt trời làm tan sương tuyết. Như thế còn nghi ngờ nữa sao?

Hồ Nhân liền tỉnh ngộ. Trong ngày đó, ông thỉnh chư tăng đến nhà niệm Phật. Ngày hôm sau, ngài Thanh Chiếu lại đến. Ông ta hỏi: "Sao Ngài đến muộn thế?" Hai vị đại sĩ đến từ lâu rồi.

Bấy giờ, ngài Thanh Chiếu bảo đại chúng niệm Phật lớn tiếng, Hồ Nhân chấp tay mà qua đời.

Ghi chú:

Hồ Nhân được vãng sinh là nhờ gặp ngài Thanh Chiếu. Người con đến mời ngài Thanh Chiếu, việc này đáng cho là đại hiếu! Ở đời có người chấp vào sự yêu thương nhỏ nhất mà phá trai giới của cha mẹ, thật là sai lầm vậy.

15. Đời Tống, Đề hình Dương Vô Vi

Ông tên thật là Dương Kiệt, người ở châu Vô Vi, hiệu Vô Vi Tử. Lúc trẻ đã thi đỗ, làm quan đến chức Thượng thư Chủ khách lang, coi về hình ngục ở Lưỡng Chiết. Ông rất tôn sùng Phật pháp, tỏ ngộ thiền tông. Ông nói: “Căn cơ của chúng sinh có cao thấp, chỉ có pháp môn Tịnh độ Tây phương là dễ hiểu dễ tu, chỉ cần nhất tâm quán niệm thâm nhiếp vọng tâm và nương vào nguyện lực của Phật thì nhất định sẽ vãng sinh nước An Dưỡng”. Ông từng viết bài tựa *Thiên Thai thập nghi luận*[7] và *A-di bảo các kí, An Dưỡng tam thập tán*, lời tựa *Tịnh độ quyết nghi tập* để hoằng truyền giáo quán Tây phương, dìu dắt chúng sinh đời sau. Đến lúc tuổi già, ông vẽ tôn tượng Phật A-di-đà cao một trượng sáu để quán tưởng. Đến ngày sắp mạng chung, Phật A-di-đà đến rước, ông ngồi ngay thẳng mà qua đời. Ông có nói bài tụng:

Sống cũng không có gì để lưu luyến,

Chết cũng không có gì để buông bỏ,

Chi hồ giả dã trong hư không mênh mông,

Đem cái lầm đến với cái lầm Tây phương Cực lạc.

Ghi chú:

Đọc bài tụng của Vô Vi Tử, có người cho rằng: “Vô Vi Tử tham thiền thấy được chân tính mà lại lấy cõi Tịnh độ làm chỗ quay về”. Đến ngay một lời nói “đem cái lầm đến với cái lầm” hàm chứa không ít ý nghĩa. Than ôi! Đâu có được mấy bậc tài ba ở nhân gian đều đạt đến cái lầm này.

16. Đời Tống, Quan sát Vi Văn Tấn

Tính tình thanh cao, chân thật, ông lập đạo tràng Tịnh Nghiệp hóa độ mọi người. Một hôm, vào tháng 6, ông ngồi kiết-già xoay mặt về hướng tây, chấp tay niệm Phật mà qua đời. Lúc ông qua đời, có hương thơm lạ lan tỏa khắp nơi, mọi người đều nghe biết.

17. Đời Tống, Lộ công Văn Ngạn Bác

Ông và pháp sư Tịnh Nghiêm nhóm họp mười vạn người rồi lập hội Tịnh Độ ở Kinh thành. Lúc sắp mạng chung, ông ngồi niệm Phật an nhiên qua đời.

18. Đời Tống, Thị lang Mã Vu

Ông nội của Mã Vu là Trung Túc công. Khi còn làm thái thú ở Hàng Châu, ông nội của Mã Vu được Từ Vân sám chủ dạy niệm Phật. Vì thế tất cả mọi người trong gia đình đều tôn sùng, kính ngưỡng Phật. Mã Vu chí tâm niệm Phật suốt hai mươi lăm năm. Đến niên hiệu Sùng Ninh (1102) bị bệnh nhẹ, ông tắm rửa thay y phục ngồi ngay thẳng và qua đời. Lúc ông qua đời có làn khí như chiếc dù màu xanh từ cửa phòng bay vào hư không và biến mất. Tất cả mọi người trong nhà đều mộng thấy ông vắng sinh thượng phẩm.

19. Đời Tống, Thiếu sư Chung Li

Khi ông còn làm quan Đề hình ở Chiết Tây, gặp được ngài Từ Vân sám chủ thì hết lòng tin về Tịnh độ. Sau đó, ông giữ chức Tri phủ ở Khai Phong, khi ra ngoài thì hết lòng tận tụy phụng sự đất nước, lúc về nhà thì không quên niệm Phật. Bỗng một hôm, ông thúc giục người nhà đỡ ông dậy, tắm rửa, thay y phục rồi ngồi ngay thẳng mà qua đời. Cả nhà thấy ông ngồi trên hoa sen xanh, thiên nhạc đón rước đưa về phương tây.

20. Đời Tống, Thừa vụ Diêm Bang Vinh

Ông người Trì Châu, suốt hai mươi năm trì chú *Vãng Sinh* và niệm Phật. Lúc sắp mạng chung, người trong nhà mộng thấy Đức Phật phóng quang đến rước Diêm Bang Vinh. Sáng hôm sau, thấy ông ngồi kiết-già quay mặt về hướng tây, bỗng đứng dậy đi vài bước rồi đứng lại mà qua đời.

21. Đời Tống, Triều tán Vương Trung

Ông người Gia Hòa, lập Bạch Liên xã ở Tây Hồ, không luận hiền ngu, giàu nghèo, tăng tục; những người nguyện vắng sinh, ông đều mời tham dự Bạch Liên xã. Ông có soạn bản văn *Khuyến tu* lưu hành ở đời. Sau này, ông không bệnh, ngồi xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

22. Đời Tống, Đại phu Chung Li Cảnh Dung

Ông làm quan đến chức Triều đình đại phu, thường tụng kinh *Quán vô lượng thọ*, niệm Phật mãi không thôi. Khi về hưu, ông làm một am tranh bên cạnh vườn Nghi Chân Đông. Ông từng nói: "Không biết Di-đà thì Di-đà ở Tây phương bên ngoài; biết được Di-đà thì Di-đà ở tại nhà mình". Một

hôm, ông mời vị tăng tên Diệu Ứng tụng phẩm *Phổ hiền hạnh nguyện*, ông đốt hương cung kính lắng nghe, hai tay kiết ấn mà qua đời.

23. Đời Tống, Quận thú Tiền Tượng Tổ

Ông hiệu Chỉ Am, lúc trấn giữ ở Kim Lăng, lấy việc tu Tịnh độ làm tâm niệm. Ở quê nhà, ông từng xây dựng mười nơi tiếp đãi khách đều đặt tên Tịnh Độ Cực Lạc, đồng thời xây liêu phòng Chỉ Am Cao Tăng để mời các vị tăng đến đàm đạo. Từ khi từ chức Tả thừa tướng trở về, ông siêng năng tu tịnh nghiệp.

Đến tháng 2 niên hiệu Gia Định thứ tư (1211), ông bị bệnh nhẹ, có viết bài kệ:

Hoa sen thơm từ cõi Phật đến

Trên đất lưu li màu trong suốt

Tâm ta thanh tịnh hơn như thế

Hôm nay xa thấy hoa sen nở.

Ba ngày sau, có vị tăng đến thăm bệnh, ông nói: "Tôi không tham sống, không sợ chết, không sinh lên trời, không sinh làm người, chỉ cầu sinh về Tịnh độ". Nói xong, ông ngồi kiết-già mà qua đời. Sau đó, có người nằm mộng nghe trên không trung có tiếng nói rằng: "Tiền thừa tướng đã vãng sinh Tây phương. Trong hoa sen với danh hiệu là Bồ-tát Từ Tế."

24. Đời Tống, Huyện lệnh Mai Nhữ Năng

Ông người Thường Thục, làm quan đến chức Huyện lệnh, chuyên tu tịnh nghiệp. Bỗng một hôm, ông nằm mộng thấy có một vị tăng trao cho một trăm tờ giấy có viết hai chữ "nhị bát". Ông đem việc này đến hỏi thầy Đông Linh Chiếu. Đông Linh Chiếu nói: "Nhị bát" tức là "thập lục". Há chẳng phải ám chỉ kinh *Thập lục quán* ư?

Ngay lúc ấy, có một vị ti-kheo đem quyển kinh trao cho ông, rồi biến mất. Từ đó, ông siêng năng tụng kinh, niệm Phật và ông tự lấy tên là Vãng Sinh, để tỏ bày chí nguyện. Bấy giờ, trong ấp có tượng đức Phật A-di-đà cao một trượng sáu do ngài Đạo Sinh dựng đã lâu, ông cúng một vạn tiền để tô vẽ, tu sửa lại pho tượng.

Lúc ấy, trong cái ao trước chùa bỗng mọc lên hai hoa sen trắng, mỗi hoa có một trăm cánh. Mùa đông năm ấy, ông không bệnh mà qua đời.

25. Đời Tống, Học dụ Tả Định Quốc

Ông hiệu Tĩnh Trai, làm quan đến chức Học dụ ở châu. Ông thường niệm Phật và đọc các kinh Tịnh độ. Mỗi tháng vào ngày mùng 3 và 8, ông nhóm họp người xuất gia, tại gia lại tụng kinh niệm Phật.

Đến niên hiệu Gia Định thứ tư (1211), ông nằm mộng thấy một đứa trẻ mặc áo xanh nói: “Đức Phật bảo tôi đến đón ông, ba ngày nữa ông sẽ vãng sinh về Tịnh độ”. Đến ngày thứ ba, ông tắm rửa thay y phục, ngồi ngay thẳng niệm Phật và qua đời.

26. Đời Tống, Giám nghị Phùng Tế Xuyên

Ông hiệu Tế Xuyên, người ở Toại Ninh, thi đỗ Thái học ra làm quan. Ban đầu, ông học đạo ở chốn thiền lâm, đến già chuyên tu tịnh nghiệp. Ông soạn *Tây phương văn* và *Di-đà sám nghi*. Sau này ông làm quan đến chức Cấp sự trung thống lĩnh quân đóng tại bên sông Lô, tỉnh Vân Nam. Ở đó, ông tập hợp kẻ tăng người tục lập hội Hệ Niệm[8] và cuối cùng là ông làm quan Tri châu tại Cung Châu.

Về sau, ông thiết lập một cái tòa cao ở trong sảnh đường hướng về cung vua kính cẩn lễ bái. Rồi ông mặc tăng y, bước lên tòa từ tạ tất cả vị quan lại xong, đặt cây gậy ngang đầu gối mà qua đời.

Ghi chú:

Theo *Truyền đăng lục*[9] ghi: “Ban đầu ông tham vấn với ngài Long Môn Viễn, sau đó lại tham vấn ngài Diệu Hỉ, hai ngài ấy đều là bậc đã chứng ngộ”. Ông biết trước giờ chết nên lên tòa giả từ các quan lại và cầm cây gậy đặt ngang đầu gối mà qua đời.

Ông được tự tại, nổi tiếng, rõ ràng có bản lĩnh như các bậc đại lão của Tông môn. Nhưng vì sao đều không nói đến việc niệm Phật vãng sinh? Bởi vì các nhà trước thuật lập ra nhiều giáo nghĩa khác nhau, mỗi người lại thuộc tông môn khác nhau. Vì thế, họ chỉ chú trọng đến tông môn của mình mà thôi. Như người chú trọng về pháp môn “Trực chỉ nhân tâm” thì tự nhiên họ chỉ chọn lấy pháp môn “Liễu minh tâm địa” mà lược bỏ pháp môn Tịnh độ.

Cũng giống như ngài Hoài Ngọc quyết lấy đài vàng, đến khi ngài Viên Chiếu được ghi tên trên hoa đài, nhưng những vị ấy vẫn không được ghi lại trong bộ *Truyền đăng lục* này. Vì những vị này chỉ chú trọng cầu sinh Tịnh độ.

Cho nên biết, người nào khi sống chuyên niệm Phật cầu sinh Tịnh độ thì khi qua đời nhất định sẽ được vãng sinh. Nhưng những người mà đã thấy rõ bản tâm, đạt được tự tại thì càng tự tại trong việc vãng sinh.

Giống như nói, người đã thấy được Phật A-di-đà thì sao còn lo không được khai ngộ? Thí dụ như, nếu nói trọng về đức thì Nhan Hồi là người đứng đầu về những người có đức, nhưng lại chẳng được kể vào những người tham gia chính trị. Còn nói trọng về tài thì Nhan Hồi cũng thuộc vào hàng những người tài giỏi đủ sức phò tá cho vua, nhưng lại cũng không kể vào hàng những người có đức. Sở dĩ có sự khác biệt này cũng vì không cùng hàng ngũ vậy.

Vì thế, người tu tịnh nghiệp xin hãy giữ vững lòng tin chớ có hoang mang!

27. Đời Tống, Thị lang Vương Mẫn Trọng

Ông tên thật là Vương Cổ, tự Mẫn Trọng, người Đông Đô, làm quan đến chức Lễ bộ thị lang. Ông là người có lòng nhân từ đôn hậu thương người thương vật. Ban đầu ông theo học thiền và thấu tỏ được yếu chỉ thiền tông. Sau đó, ông lại tỏ ngộ được sự thù thắng của pháp môn Tịnh độ. Ông soạn ra bộ *Trực chỉ Tịnh độ quyết nghi tập*, 3 quyển. Thường ngày ông siêng năng niệm Phật, xâu chuỗi không khi nào rời khỏi tay. Những khi đi đứng ngồi nằm, ông đều lấy việc quán tưởng Tây phương Tịnh độ làm Phật sự.

Một hôm, có vị tăng xuất thần đến Tịnh độ thấy Vương Cổ và Cát Hệ cùng ở đó. Như vậy, việc vãng sinh của ông ta là có chứng cứ rõ ràng.

28. Đời Tống, tiến sĩ Ngô Tín Tẩu

Ông tên thật là Ngô Tử Tài sống vào đời Tống, tự là Tín Tẩu. Sau khi từ quan ông làm sẵn một cái quan tài, ban đêm vào nằm trong đó và bảo đồng tử gõ lên quan tài hát rằng: "Ngô Tín Tẩu! Hãy quay về! Ba cõi chẳng an, không nên ở lâu, tây phương Tịnh độ có đài sen. Hãy quay về!" Rồi ông tự họa theo đồng tử. Về sau ông không bệnh mà qua đời.

29. Đời Đường, thiếu phó Bạch Cư Dị

Ông làm quan đến chức Trung đại phu thái tử thiếu phó. Ông sửa nhà ông lại thành chùa lấy tên là chùa Hương Sơn. Vì thế mà ông có hiệu là Hương Sơn cư sĩ. Về già, ông mắc chứng bệnh phong thấp, ông bỏ ra ba vạn tiền lương hưu của mình để vẽ toàn bộ cảnh y báo chính báo trang nghiêm ở thế giới Tây phương Cực lạc theo sự mô tả trong kinh *Vô lượng thọ*. Người nào trông thấy cũng đều đỉnh lễ phát nguyện. Ông có làm bài kệ tán như sau:

Thế giới Cực lạc cõi thanh tịnh

Không có đường ác và các khổ

Nguyên như thân con, người già bệnh

Cùng sinh chỗ Phật Vô Lượng Thọ.

Ghi chú:

Có người kể lại rằng: “Bấy giờ, ở núi Bồng Lai có người tên Lạc Thiên. Lạc Thiên giả từ bằng bài kệ:

Sông núi không phải ta quay về

Nếu về, ta về trời Đâu-suất.

Nhưng nay ta đã bỏ cõi trời Đâu-suất chỉ cầu sinh Tịnh độ Tây phương. Đâu cho rằng đãi cát tìm vàng, càng đãi thì càng tinh sao?

30. Đời Tống, Đô tổng Trương Luân

Ông làm quan Đô tổng quản ở Chiết Giang. Đến giờ vãng sinh Tịnh độ, ông niệm Phật thật lớn. Cả nhà từ lớn đến nhỏ đều được ông chỉ dạy niệm Phật. Ông cho người đào ao trồng sen, mỗi ngày tất cả vợ con niệm Phật một vạn biến. Hoàng đế Hiếu Tông đích thân viết hai chữ “Liên Xã” ban tặng cho ông.

31. Đời Tống, học sĩ Tô Thức

Ông hiệu là Đông Pha, làm quan đến chức Hàn Lâm học sĩ. Sau ngày rời kinh đô xuống phía nam, ông có vẽ một bức tượng Phật A-di-đà, đi đâu cũng đeo theo bên mình. Có người hỏi, ông đáp: “Đây là công đức vãng sinh Tây phương của Tô Thức! Vì mẹ tôi là Trình thị đã qua đời, nên tôi lấy cây trầm, bông tai, tiền của bà để lại nhờ họa sĩ Hồ Tích vẽ tượng Phật A-di-đà để cầu cho bà được sinh về Tịnh độ”.

Ghi chú:

Lão Tuyền vì cầu cho vong linh mẹ từng tạo tượng sáu vị bồ-tát ở viện Cực Lạc, vì ông ấy qua lại với pháp môn rất mật thiết. Bởi vì tâm hướng về Tam bảo của Tô Thức rất chân thực. Về sau, có người khắc Tây phương công đức lại thêm vào những lời lẽ không trang nhã và cho rằng tự Tô Thức nói ra.

Đây là lời vu khống. Vì thế, những người có hiểu biết phải biết phân biệt chớ vì những chuyện ngụy tạo ấy mà bỏ luôn những việc có thật.

32. Đòi Tống, Thừa tướng Trương Vô Tận

Ông tên thật là Trương Thương Anh, nhờ vợ là Hường thị khuyến khích nên ông mới chú ý đến kinh điển Phật giáo. Ông có hiệu là Vô Tận cư sĩ. Ông có soạn *Phát nguyện văn*, trong đó có ghi: “Nghĩ về thế giới này, năm thứ nhơ uế làm loạn tâm, nếu không có năng lực nhận thức đúng đắn, thấy rõ nguyên nhân và không thể tỏ ngộ được tự tính duy tâm thì phải kính cẩn tuân theo lời đức Thích-ca Mâu-ni dạy, chuyên tâm niệm Phật A-di-đà, cầu Ngài dùng nguyện lực tiếp rước, khi qua đời được vãng sinh Cực Lạc. Giống như thuyền xuôi theo dòng chảy, chẳng tốn sức chèo mà vẫn cập bến vậy!”

Ghi chú:

Vô Tận theo học và ngộ lý Thiền với ngài Đâu-suất Duyệt, nhưng lại chuyên tâm niệm Phật cầu sinh An Dưỡng. Việc này cần phải suy xét lại cho kỹ lưỡng.

Bốn người từ ông Bạch Cư Dị cho đến ông Vô Tận này, mặc dù đều có hiện điềm vãng sinh Tây phương, nhưng chưa thấy sử sách ghi chép rõ ràng. Thế nhưng, xét nhân suy ra quả, nếu họ không sinh về Tịnh độ thì sinh về đâu!

Tổng Luận:

Tôi nghe người xưa có nói: “Hàng quan lại, học sĩ là những người thông minh, tài giỏi hơn người, phần đông là những vị tì-kheo tái sinh”.

Mặc dù vậy, đã có sự nghi ngờ về việc tái sinh của những vị này. Nhưng số người mê không trở lại với đạo thì rất nhiều, những người không quên nhân đời trước thì rất ít. Vì sao như vậy? Vì trong đời ác năm trước có quá nhiều điều kiện làm cho con người thoái tâm, các hiền giả cũng khó mà thoát khỏi. Chẳng hạn như Tô Đông Pha là thân sau của Giới thiền sư. Tăng Lỗ Công là thân sau của Thanh thiền sư. Như hậu thân của Triết thiền sư là một người tham đắm giàu sang, đến nỗi phải âu sầu khổ não.

Tô Đông Pha được gán gởi Phật pháp mà Tăng Lỗ Công không bằng ông ta. Hậu thân của Triết thiền sư càng mê muội hơn. Vì thế, xưa nay những bậc tri thức thường khuyên mọi người bỏ năm thứ nhơ uế cầu sinh Tịnh độ. Vậy thì, từ Lưu Di Dân trở xuống các bậc quân tử đều được vãng sinh là không nhiều sao?

NHỮNG XỬ SĨ VÃNG SINH

1. Đời Tống, Chu Tục Chi

Ông người Nhạn Môn, mới mười hai tuổi đã thuộc năm kinh[10], rành ngũ vĩ[11], nên có hiệu là Thập Kinh Đồng Tử. Công danh, quyền cao chức trọng ông đều chẳng màng đến, chỉ thích ở nơi thanh vắng. Ông thờ ngài Huệ Viễn ở Lô Sơn làm thầy và tham gia vào đạo tràng Bạch Liên xã.

Khi Văn Đế lên ngôi có mời ông đến đàm đạo, thảo luận. Vua rất vui khi bàn luận với ông. Có người hỏi:

- Ông là xử sĩ, sao còn lui tới trong cung?

Ông nói:

- Người có chí theo đuổi chốn quan trường thì dù trời đất, sông nước thành thang đối với họ cũng như gông cùm, xiềng xích. Trái lại, kẻ chẳng màng quyền lợi, công danh thì dù ở giữa triều đình hay phố chợ đối với họ cũng như đang ở chốn núi non hoang vắng, u nhàn.

Vì thế, người thuở ấy gọi ông là Thông Ẩn tiên sinh. Về sau, ông đến cư trú tại Chung sơn, chuyên tâm niệm Phật. Càng về già ông càng siêng năng niệm Phật hơn. Bỗng một hôm, ông ngược mặt lên trời nói rằng: “Phật đến rước tôi!” Nói rồi, ông chấp tay và qua đời.

Ghi chú:

Chu Tục Chi đã xem chốn triều đình, phố chợ giống như núi non, thì cũng có thể xem Ta-bà giống như Tịnh độ. Thế nhưng, ông vẫn siêng năng niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Ông đích thực là người biết cân nhắc lợi hại.

Người xưa có câu: “Núi non, đồng bằng đều là Tây phương. Ai chưa đến nhà, xin chớ hí luận”.

2. Đời Đường, Trịnh Mục Khanh

Ông người Vinh Dương, cả nhà đều tu niệm Phật. Khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713), ông bị bệnh nặng, có người khuyên nên ăn cá, thịt cho mau khỏe, nhưng ông kiên quyết không ăn. Biết mình không sống nữa, ông đốt hương cầu vãng sinh thì bỗng có hương thơm lạ xông lên ngào ngạt, ông an nhiên qua đời. Cậu ông là thượng thư Tô Đĩnh nằm mộng thấy trong ao báu có hoa sen nở và thấy Trịnh Mục Khanh ngồi trên đó.

3. Đời Đường, Trương Nguyên Tường

Thường ngày ông chuyên tâm niệm Phật mãi không dứt. Một hôm, ông vội nói với người nhà: “Đức Phật A-di-đà đang đợi, sau bữa ăn trưa xong, tôi sẽ đi với Ngài!” Ăn trưa xong, ông đốt hương ngồi kiết-già xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

4. Đời Tống, Tôn Lương

Ông người Tiền Đường, sống ẩn dật để xem *Đại tạng*. Đặc biệt, ông rất thông thạo ý nghĩa của kinh *Hoa nghiêm*. Ông thụ giới Bồ-tát với luật sư Đại Trí và mỗi ngày niệm Phật đến vạn tiếng. Ông niệm như vậy suốt hai mươi năm mà không lúc nào ngừng nghỉ. Bỗng một hôm, ông bảo người nhà thỉnh chư tăng đến niệm Phật để trợ giúp cho ông vãng sinh. Chư tăng đến niệm Phật chưa được bao lâu thì ông nhìn lên trời nói rằng: “Phật và Bồ-tát mang hoa sen đến rồi!” Nói dứt lời, ông nằm xuống và qua đời.

Ghi chú:

Hoa nghiêm hiệp luận ghi:

Bồ-tát cầu sinh Tịnh độ vẫn chưa thông suốt được đại đạo Nhất thừa. Thế thì, Tôn Lương đã nắm được nghĩa lý cốt tủy của kinh *Hoa nghiêm*, vì sao còn cầu sinh Tịnh độ?

Bởi vì, trong bộ *Hoa nghiêm hiệp luận* nói cốt để phá trừ chấp kiến cho hàng phàm phu chấp tướng. Đây là người mới thông hiểu sự Tịnh độ mà chưa thấu tỏ được lý Tịnh độ. Còn Tôn Lương thì cả sự lẫn lý đều đã thông suốt, nghĩa là đối với ông thế giới Hoa tạng và Cực lạc Tây phương chỉ có một chứ chẳng phải hai. Cho nên, Tôn Lương cầu sinh về đó là sự thật, chẳng có gì phải nghi ngờ. Những ai luận bàn về việc vãng sinh Tịnh độ phải lấy phẩm *Hạnh nguyện* của kinh *Hoa nghiêm* làm cơ sở, và dùng bộ *Hiệp luận* để tham khảo.

5. Đời Đường, Nguyên Tử Bình

Ông ở chùa Quan Âm, Kinh Khẩu, chuyên tâm niệm Phật. Bỗng một hôm, nghe trên hư không có tiếng nhạc, ông liền ngồi xoay mặt về hướng tây và qua đời. Lúc ấy, có hương thơm lạ ngào ngạt suốt mấy ngày không hết.

6. Đời Lương, Dữu Tiển

Ông người Tân Dã, vua Lương Vũ cho gọi ông vào cung làm chức Hoàng môn thị lang nhưng ông không vào. Ngày đêm sáu thời ông chuyên tâm

niệm Phật. Một đêm nọ, ông thấy vị đạo nhân tự xưng là Nguyễn Công, gọi Dữu Tiển là Thượng Hạnh tiên sinh và trao cho ông một nén hương rồi bỏ đi. Bốn năm sau, Nguyễn Công lại đến, ông liền qua đời. Bấy giờ, trong không trung có tiếng bảo rằng: “Thượng Hạnh tiên sinh đã sinh về An Dưỡng!”

7. Đời Tùy, Tống Mãn

Ông người Thường Châu, dùng đậu để đếm số lần niệm Phật. Số đậu mà ông tích chứa được qua ngày tháng niệm Phật là ba mươi thạch[12]. Vào tháng 9, niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588), sau khi thiết trai cúng dường chư Tăng xong, ông ngồi ngay thẳng qua đời. Lúc ấy, mọi người thấy hoa trời rải xuống và mùi hương thơm lạ, thấy ông nường hư không bay về hướng tây.

8. Đời Đường, Phần Dương lão nhân

Ông đến núi Pháp Nhẫn và ở nhờ trong một căn phòng trống, ngày đêm chuyên tâm niệm Phật. Niên hiệu Trinh Quán thứ năm (631), lúc ông sắp qua đời, có ánh sáng chiếu soi khắp nơi, ông ngồi xoay mặt về hướng tây qua đời. Có người thấy ông ngồi trên đài hoa bay đi.

9. Đời Đường, Nguyên Tử Tài

Ông sống trong chùa Quán Âm ở Nhuận Châu, chuyên tụng kinh *A-di-đà* và niệm Phật. Bỗng một hôm, ông mắc bệnh nhẹ, ban đêm nghe trên hư không có hương thơm và tiếng nhạc, và thoáng nghe như có tiếng người nói rằng: “Nhạc thô đã qua, nhạc tế sẽ đến, ông nên chuẩn bị đi!” Ông vừa nghe xong, niệm Phật và qua đời. Lúc ông qua đời, có hương thơm lạ phảng phất liên tục suốt mấy ngày không dứt.

10. Đời Nguyên, Ngô Tử Chương

Ông người Tô Châu, gia đình ông nhiều đời làm nghề thuốc. Ông cùng với anh là Tử Tài theo học với hòa thượng Vân Ốc, siêng năng niệm Phật. Cả nhà của ông rất tôn sùng Phật pháp. Đến niên hiệu Chính Gian, ông không bị bệnh, ngồi chấp tay niệm Phật và qua đời.

11. Đời Nguyên, Hà Đàm Tích

Năm ông lên mười tám tuổi thụ giới bồ-tát và chuyên tâm niệm Phật. Một đêm nọ, vào lúc canh tư, ông nghe tiếng trống lập tức ngồi dậy tụng kinh, niệm Phật. Có người bảo:

- Còn sớm quá!

Ông nói:

- Tôi thấy Phật đem phước và hoa đến rước.

Nói dứt lời, ông nhắm mắt qua đời.

12. Đời Tống, Vương Điền

Ông hiệu là Vô Công Tẩu, người ở Tứ Minh, dù là yếu chỉ Thiền tông hay giáo môn của Thiên Thai ông đều thông suốt cả. Ông có soạn bộ *Tịnh Độ tự tín lục*. Những ngày cuối đời, ông chuyên tâm niệm Phật và ngồi xoay mặt về hướng tây mà qua đời. Lúc ấy, có hương thơm lạ xông lên ngào ngạt. Sau khi hỏa thiêu xong, thâu được một trăm lẻ tám viên xá-lợi lớn như hạt đậu.

13. Đời Tống, Phạm Nghiễm

Ông người Nhân Hòa, không màng đến việc thế gian. Con của ông không gánh vác nổi chuyện gia đình, nhưng ông vẫn không quan tâm đến mà chỉ nói: "Từ nay ta chỉ là khách trong gia đình này thôi!" Hằng ngày, ông tụng kinh *Pháp hoa*, niệm Phật A-di-đà không chút xao lãng. Bỗng một hôm, ông nằm mộng thấy bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi trắng sáu ngà phóng ánh sáng màu vàng đến và bảo ông rằng: "Sáng mai vào giờ Mão, ông sẽ mạng chung!" Sáng hôm sau, Phật và bồ-tát đến rước, ông ngồi ngay thẳng chấp tay qua đời.

14. Đời Tống, Lục Nguyên Đạo

Ông hiệu là Tĩnh Am cư sĩ, cư ngụ tại Hoàn Khê, Minh Chi. Sáng sớm thức dậy, ông đốt hương ngồi thiền, mắt không nhìn chỗ nào khác. Trước khi lễ Phật, tụng niệm ông tự đọc bài kệ:

Sáng sớm rửa tay mở kinh ra

Không cầu nhiều phước và trừ tai

Việc đời chằm dứt không lưu luyến

Kiếp hỏa sáng soi múa một hồi.

Sau này, ông niệm Phật, tụng kinh không nhanh không chậm, âm thanh nối nhau như râu tràng hạt, mỗi ngày tụng một biến kinh *Pháp hoa* và niệm

danh hiệu Phật A-di-đà một vạn tiếng, một lòng cầu sinh Tây phương. Ngày mùng 6 tháng 4, ông tắm rửa, thay y phục xong liền qua đời. Hưởng thọ tám mươi lăm tuổi. Khi tắm liệm bỗng nghe có hương thơm của hoa sen xông lên ngào ngạt, mọi người đều không biết hương thơm ấy từ đâu bay lại. Lúc đến gần để đặt nắp quan tài thì biết là hương thơm từ trong miệng của ông bay ra.

15. Đời Tống, Tôn Trung

Ông người Tứ Minh, sớm ưa thích cõi Tây phương. Ông xây một cái am ở phía đông Quận Thành để niệm Phật. Một thời gian sau, ông bị bệnh, thỉnh một trăm vị tăng đến niệm Phật liên tục. Bỗng ông nhìn lên hư không chấp tay kiết Song ấn, rồi an nhiên qua đời. Tất cả người trong thành đều nghe có tiếng nhạc và hương thơm lạ, dần dần bay về hướng tây rồi biến mất. Ba người con của ông bắt chước theo ông niệm Phật và cũng ngồi vắng sinh.

16. Đời Tống, Thẩm Thuyên

Ông người Tiền Đường, cùng với vợ tên Thi Thị chuyên tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Thường ngày nếu làm được việc lành gì đều hồi hướng cầu sinh Tịnh độ. Về sau, hai vợ chồng lần lượt qua đời đều cảm ứng hóa Phật cầm tích trượng[13] tiếp dẫn đi.

17. Đời Tống, Đường Thế Lương

Ông người Cối Kê, giữ giới nghiêm cẩn, siêng năng niệm Phật. Về già, ông bị bệnh nhưng vẫn không dừng niệm Phật. Ông tụng kinh *A-di-đà* hơn mười vạn lần. Một hôm, ông nói với người trong nhà: "Phật đến rước tôi!" Nói xong, ông lễ Phật và ngồi ngay thẳng qua đời.

Bấy giờ, có một người tên Lợi Hành nghỉ qua đêm trong núi Đạo Vị, nằm mộng thấy phía tây có ánh sáng lạ và tràng phan, hoa đẹp, nhạc trời. Đồng thời nghe trên hư không có tiếng bảo rằng: "Đường Thế Lương đã vắng sinh Tịnh độ!"

18. Đời Tống, Kế Công

Ông là một thợ rèn ở Đào Nguyên, Tứ Minh. Năm bảy mươi tuổi thì hai mắt ông bị mờ. Bấy giờ, trong làng có ông Học dụ Tả Định Quốc ấn thí tẩm Phách khóa đồ để khuyên người niệm Phật. Lúc đầu, Kế Công nhận được một tẩm, ông niệm ba mươi sáu vạn câu, khi niệm đến tẩm thứ tư thì hai mắt sáng lại. Ông niệm suốt ba năm được mười bảy bản. Một hôm, ông đang niệm Phật thì đột ngột qua đời. Trải qua nửa ngày, ông sống lại và

nói: “Đức Phật dạy chia sáu bản cho Học dụ Tả Định Quốc là người đầu tiên khuyến đạo. Một tấm biểu cho ông Lí Nhị là người in ấn”. Ông dặn con đến cảm ơn họ. Nói xong, ông tắm rửa, thay y phục xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

19. Đời Nguyên, Trần Quân Chương

Ông người Hoàng Nham, hiền từ ít nói. Năm bốn mươi tuổi, ông cùng với Thất Diệp Thị tụng kinh *Pháp hoa* và chuyên tâm niệm Phật. Năm sáu mươi tuổi, ông bị bệnh nặng. Một đêm, ông bảo người con tên Cảnh Tinh đỡ ngồi dậy, ông nói:

- Cha đi đây.

Người con hỏi:

- Cha đi đâu?

Ông đáp:

- Chẳng có chỗ nào để đi. Ông lại nói: “Sau khi cha chết nên thiêu theo cách người xuất gia”. Nói xong, ông chấp tay niệm “Nam mô A-di-đà Phật” và qua đời.

20. Đời Tấn, Trương Thuyên

Ông là anh em bà con của Trương Dĩ. Ông có phẩm chất thanh cao, tinh thần thoát tục. Trong lúc cày bừa ông luôn mang kinh theo bên mình không tạm rời. Nhiều lần ông được mời ra làm quan nhưng đều từ chối. Ông chỉ vui với cái nghèo của mình. Về sau, ông được đề cử giữ chức Huyện lệnh huyện Tâm Dương, ông cười nói: “Người xưa chọn những nơi vắng vẻ để an thân, bỏ cái khí tiết của mình để nhận lãnh bổng lộc. Vậy thì có gì là vinh quang!”.

Rồi ông vào Lô Sơn, tham gia đạo tràng Bạch Liên xã của ngài Huệ Viễn và chuyên tâm nghiên cứu kinh điển, thông hiểu rất nhiều kinh luận. Đến niên hiệu Cảnh Bình thứ nhất (423), đời Tống, ông không bệnh, nằm xoay về hướng tây niệm Phật và qua đời.

20. Khuyết Công Tắc

Ông vào đạo tràng Bạch Liên xã ở Lô Sơn và qua đời ở đó. Có người bạn của ông cư trú tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, làm lễ cúng giỗ cho ông, nửa đêm bỗng toàn bộ chính điện chùa Lâm Mộc đều biến thành màu vàng rờn

và trên hư không có tiếng bảo: “Tôi là Khuyết Công Tắc. Tôi cầu sinh về Cực lạc nay đã được vãng sinh rồi”. Nói dứt lời, ông liền biến mất.

Ghi chú:

Những người lúc lâm chung hiện điềm lành rất nhiều. Nhưng người qua đời rồi sau đó mới hiện ánh sáng màu vàng ở nơi khác, trong không trung báo mộng đã vãng sinh như trường hợp của ông Quyết Công Tắc thì thật là hiếm có.

21. Đời Đường, Lý Tri Dao

Ông rất giỏi về giáo lý Tịnh độ. Ông tập hợp được nhiều người mở Ngũ hội niệm Phật. Sau đó ông mắc bệnh, bỗng nói: “Phật đến rước tôi”. Rồi ông tắm rửa, thay y phục và bảo người mang lò hương ra sảnh đường để ông lễ Phật. Bỗng ông nghe trên hư không có tiếng nói: “Có người dẫn ông về Tịnh độ, người đó dắt ông đi trên cầu vàng”. Nghe xong, ông lên giường ngồi ngay thẳng và qua đời. Lúc ấy, mọi người nghe có hương thơm lạ.

22. Đời Lương, Cao Hạo Tượng

Ông quê ở Đông Bình, đóng cửa tĩnh tọa chuyên tụng kinh *Vô lượng thọ*. Một hôm, trong khi thiền định, ông thấy thân mình ngồi trên hoa sen hồng ở trong hồ. Ban đầu chưa thấy Đức Phật, nhưng sau đó không lâu thấy mình đứng trên hoa sen thành tâm lễ Phật. Rồi quán tưởng Phật có ánh sáng màu vàng từ xa chiếu lại.

Vào một đêm nọ, ông thấy chúng bồ-tát đến rước và ngay lúc đó ông qua đời.

Ghi chú:

Ngày xưa có hai vị tăng quán tưởng hoa sen nở và búp, về sau cả hai đều được vãng sinh Tịnh độ. Hạo Tượng thấy mình ngồi trên hoa sen hồng, đó cũng là vì thành tâm quán tưởng nên mới được như vậy.

23. Đời Tống, Từ Lục Công

Ông người Gia Hưng, làm nghề nông. Hai vợ chồng ông ăn uống đạm bạc, chuyên tâm niệm Phật. Năm bốn mươi tuổi, biết trước mình sắp chết nên làm sẵn cái khám. Sau khi ông thay y phục, mang giày cỏ vào ngồi ngay thẳng trong khám. Bỗng chốc ông nói: “Phật đến rước tôi”. Nói dứt lời, ông qua đời.

24. Đời Tống, Lục Tuấn

Ông người Tiền Đường, lúc trẻ phục vụ cửa quan một thời gian khá lâu, sau đó ông bỏ đi và chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Mỗi ngày ông đến trước Phật đỉnh lễ sám hối, nước mắt lãn dài trên má. Có người bạn đồng tu đến nói cho ông nghe điều kiện để được sinh về Tịnh độ. Mới nói được hơn mười câu, ông nghẹn ngào rơi lệ. Khi sắp lâm chung, ông mời luật sư Viên Tịnh đến giảng về Tây phương Tịnh độ và tụng kinh *Quán vô lượng thọ*. Khi tụng đến Thượng phẩm[14], bồng luật sư Viên Tịnh nói:

- Ông có thể đi được rồi!

Lục Tuấn nói:

- Phật và bồ-tát chưa đến, tôi phải đợi các Ngài.

Một lát sau, bỗng nhiên ông đứng dậy đến chiếc giường trúc rồi ông ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng tây và qua đời.

Ghi chú:

Kinh *Vô lượng thọ* ghi: “Người nào nghe nói về Đức Phật A-di-đà, cảm động rơi lệ, ấy là thiện căn đời trước của người đó đã chín muồi”. Sự rung động, nghẹn ngào rơi lệ của Lục Tuấn vốn xuất phát tự đáy lòng rồi thể hiện ra ngoài mặt mũi, chắc chắn ông sẽ được vãng sinh. Nay đâu thể cười cợt mà bàn luận về Tịnh độ.

25. Đời Tống, Hoàng Đả Thiết

Ông người Đàm Châu, xuất thân từ quân ngũ. Ông sống bằng nghề thợ rèn. Trong khi trui rèn, ông luôn miệng niệm Phật không dứt. Một hôm, không bị bệnh, ông nhờ người hàng xóm viết giúp bài tụng:

Chập chập cheng cheng,

Luyện lâu thành cứng

Thái bình sắp đến

Tôi về Tây phương.

Nói vừa dứt lời, ông qua đời. Bài tụng ấy được lưu truyền khắp Hồ Nam và từ đó có rất nhiều người niệm Phật.

Ghi chú:

Hoàng Công là một trường hợp đặc biệt không người nào có thể làm như ông ta. Chỉ là niệm Phật không ngớt bằng cách miệng niệm tai nghe, đơn giản như vậy, nhưng ở đời có mấy ai chịu làm như ông, nói gì đến việc đòi hỏi cầu kì, cao siêu. Việc niệm Phật của ông chóng thành phương cách cho mọi người noi theo. Ôi! Chẳng phải cho rằng, cho đó là điều đơn giản rồi từ bỏ, lại đi tìm phương pháp khó hơn.

26. Đời Minh, Liên Hoa Thái Công

Ông người ở đất Việt, cả đời sống hiền lành, chất phác, ngày đêm chuyên tâm niệm Phật không chút xao lãng. Sau khi qua đời, trên nắp quan tài bỗng mọc lên một đóa hoa sen. Bà con thân thuộc trong làng đều rất ngạc nhiên. Vì thế, ông có hiệu là Liên Hoa Thái Công.

27. Đời Minh, Hoa Cư Sĩ

Ông người Giang Can, tính tình nhân hậu, chất phác, thật thà và ngay thẳng. Khi còn ở tuổi trung niên, được giao làm chức Chư tử, về già ông ở một mình không màng thế sự, sáng tối chỉ chuyên tâm niệm Phật. Đến lúc sắp lâm chung, ông biết trước giờ chết, liền tắm rửa, thay đổi y phục, đến chỗ làm việc, chỉnh lại áo mũ, ngồi ngay thẳng, từ biệt mọi người rồi qua đời. Trước đó, con ông đã chuẩn bị sẵn một cỗ quan tài, nhưng đến khi ông chết thì đổi lại cái khám, giống như cái khám thường dùng để tắm liệm các sa-môn. Ngày đưa tiễn ông đi an táng, người đến xem rất đông, kẻ xa người gần đều ngưỡng mộ ông.

Tổng Luận:

Có người hỏi:

- Vì sao không nghe nói Tịnh Danh và Bàn Long Uẩn cầu vãng sinh Tịnh độ?

Đáp:

- Ông hãy tự đánh giá, nếu thấy mình không bằng hai người đó thì cầu vãng sinh là chuyện tất nhiên, không cần phải bàn luận. Giả sử Đức Kim Túc Như Lai tái lai cũng đâu ngại gì không gặp được Phật A-di-đà! Nếu không được như vậy thì Tịnh Danh đâu thể hầu cận Đức Phật Thích-ca, và Bàn Long Uẩn cũng không cần tham kiến Mã Tổ. Và lại, chẳng phải Tịnh Danh đã nói "Tâm tịnh thì cõi nước tịnh" sao? Chẳng phải Bàn Long Uẩn nói "Không làm bạn với vạn pháp" sao? Một mai ông đặt chân lên tịnh địa, ông sẽ tự nghĩ

không ngờ “Tự mình vốn thanh tịnh”; và ông tự nghĩ không ngờ “Mình không làm bạn với vạn pháp”; không ngờ Tịnh Danh và Bát Long Ẩn thường ở Tịnh độ. Đâu còn gì để nghi ngờ!

VÃNG SANH TẬP

Quyển 3

CHƯ THÁNH ĐỒNG QUI

1. Lựa chọn sinh về Cực lạc

Kinh *Quán vô lượng thọ Phật* ghi:

Bấy giờ bà Vi-đề-hi rơi lệ bạch Đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Xin Ngài nói cho con nghe nơi nào không có các điều lo lắng và khổ não để con nguyện sinh về nơi ấy. Con không thích ở cõi Diêm-phù-đề xấu ác này nữa.” Lúc ấy, đức Thế Tôn phóng ánh sáng giữa chạng mào chiếu soi khắp thế giới mười phương, các cõi nước của chư Phật đều hiện ra trong đó. Bà Vi-đề-hi xem xong, hướng về Đức Phật bạch: “Bạch đức Thế Tôn! Tất cả cõi nước của chư Phật đều thanh tịnh và có ánh sáng, nhưng nay con chỉ nguyện sinh về cõi Cực lạc của Đức Phật A-di-đà.”

2. Vãng sinh vô số

Kinh *Đại vô lượng thọ* ghi:

Bồ-tát Di-lặc hỏi Đức Phật: “Ở thế giới này có bao nhiêu vị bồ-tát vãng sinh Cực lạc?”

Đức Phật đáp: “Ở thế giới này có sáu mươi hai ức vị bồ-tát bất thoái chuyển^[15] vãng sinh cõi Cực lạc; còn bồ-tát tiểu hạnh^[16] thì không thể tính kể. Không chỉ ở cõi Ta-bà này mà các cõi của chư Phật ở phương khác cũng vậy. Như cõi nước của Phật Viễn Chiếu có một trăm tám mươi ức vị bồ-tát đều được vãng sinh. Cho đến cõi nước của chư Phật mười phương, bồ-tát vãng sinh cũng nhiều vô số, nếu Ta nói đầy đủ thì một kiếp cũng không thể nói hết được.”

Ghi chú:

Thế giới này và cõi nước phương khác, bồ-tát vãng sinh nhiều vô số, nếu như vậy thì cõi Tịnh độ làm sao dung chứa hết? Ôi! Biển lớn còn chứa hết tất cả trăm sông, hư không hàm chứa cả thiên la vạn tượng và vô biên cõi nước đều nằm trong một lỗ chân lông của bồ-tát Phổ Hiền. Vì thế, một chút đất dính trên đầu mũi kim ở Tịnh độ có thể dung chứa vô số người vãng sinh, há chẳng rộng lớn sao! Vậy còn cõi nước nào rộng lớn hơn ư!

3. Thấy Phật Di-đà

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi:

Đức Phật thụ kí cho Bồ-tát Văn-thù vãng sinh về cõi Cực lạc. Bồ-tát Văn-thù phát nguyện và nói kệ rằng:

Con nguyện lúc mạng chung

Diệt trừ các chướng ngại

Thấy được Phật Di-đà

Vãng sinh cõi Cực lạc.

Sinh về nước kia rồi

Con đầy đủ đại nguyện

A-di-đà Như Lai

Hiện tiền thụ kí con.

4. Tu mười nguyện cầu vãng sinh

Kinh *Hoa nghiêm* ghi:

Bồ-tát Phổ Hiền đưa ra mười đại nguyện ban trải rộng khắp để chúng sinh tu tập cầu sinh Tịnh độ. Ngài nói kệ:

Cầu nguyện lúc con sắp mạng chung

Diệt trừ tất cả các nghiệp chướng

Nhìn thấy Đức Phật A-di-đà

Liên được vãng sinh cõi Cực lạc.

Ngài lại nói:

Chúng hội Phật kia đều thanh tịnh

Lúc con sinh vào trong hoa sen

Liên thấy Như Lai Vô Lượng Quang

Hiện tiền thụ kí con thành Phật.

Ghi chú:

Bồ-tát Văn-thù là thầy của bảy Đức Phật; mười hạnh nguyện Phổ Hiền là nơi muôn hạnh hướng về mà cầu vãng sinh Tịnh độ, nhưng hai ngài đều ân cần nhắc nhở. Người phụ tá Đức Phật Thích-ca ở Ta-bà cũng tức là người hầu cận đức Di-đà ở An Dưỡng. Việc ấy rất rõ ràng, nếu ai khinh thường Tịnh độ mà không nguyện vãng sinh thì rất sai lầm vậy!

5. Kệ luận về Tịnh độ

Bồ-tát Thiên Thân, người Thiên Trúc, là tác giả của nhiều bộ luận. Ngài bay lên nội viện của trời Đâu-suất đỉnh lễ và hầu hạ bồ-tát Di-lặc. Sau đó, ngài lại trứ tác bộ *Vô lượng thọ kinh luận* và *Tịnh độ kệ*. Ngài dùng pháp tu năm môn[17] để khuyên mọi người cầu vãng sinh.

6. Thịnh tượng Phật

Bồ-tát Ngũ Thông cư trú tại chùa Kê-đâu-ma ở Thiên Trúc, vận thần lực đến nước An Lạc gặp Đức Phật A-di-đà và bạch:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng sinh ở cõi Ta-bà muốn cầu sinh Tịnh độ, nhưng không thấy tượng Phật, thỉnh Ngài giáng trần!

Đức Phật dạy:

- Người hãy về trước đi, Ta sẽ đến.

Lúc bồ-tát trở về thì đã thấy một tượng Phật và năm mươi tượng bồ-tát ngồi tòa sen ở trên ngọn cây. Bồ-tát Ngũ Thông liền cho chép thành truyện và lưu truyền rộng rãi, nên đặt tên là *Cảm thông truyện*.

Ghi chú:

Có người không tin: "Không nhờ thần lực mà có thể đến được nước An Lạc". Than ôi! Một niệm vãng sinh, không nhọc khảy móng tay. Lẽ nào không được như thế sao!

7. Tọa luận Khởi Tín

Bồ-tát Mã Minh là vị tổ thứ mười hai của Thiền tông Thiên Trúc, ngài trứ tác bộ luận *Khởi tín*[18]. Cuối quyển luận, ngài nói cầu sinh Tịnh độ là điều thiết yếu nhất.

8. Bồ-tát Long Thọ được thụ kí vãng sinh

Kinh *Lăng-già*[19] ghi:

Đại Huệ! Ông nên biết: “Sau khi đức Như Lai nhập niết-bàn, đời sau có vị tì-kheo thụ trì pháp của Ta rất nổi tiếng, hiệu là Long Thọ có thể phá các tông hữu và vô để hiển bày pháp Đại thừa[20] vô thượng của Ta khắp thế gian, chứng Sơ hoan hỉ địa, được vãng sinh nước An Dưỡng.

9. Làm lành được vãng sinh

Kinh *Đại-bi*[21] ghi:

Đức Phật nói: “Sau khi Ta diệt độ, ở nước Bắc Thiên Trúc có vị tì-kheo tên Kì-bà-già tu tập vô lượng căn lành tối thắng bồ-đề. Sau khi ông mạng chung sinh về cõi nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, cách đây trăm nghìn ức thế giới, rồi ở chỗ Đức Phật A-di-đà tiếp tục gieo các căn lành, sau đó được thành Phật, hiệu là Vô Cấu Quang”.

10. Đặc nhân vãng sinh

Kinh *Bồ-tát sinh địa*[22] ghi:

Đức Phật dạy: “Lúc Ma-sai-kiệt đặc Vô sinh pháp nhân[23], có năm trăm người nam và hai mươi lăm người nữ đều đặc Bất thoái chuyển. Sau khi họ mạng chung đều sinh về nước thanh tịnh của Phật Vô Lượng Thọ”.

Ghi chú:

Cầu sinh Tây phương là vì muốn ngộ Vô sinh nhân và lên Bất thoái địa. Khi đã đặc Nhân và Bất thoái mà lại cầu sinh Tịnh độ, là vì bồ-tát muốn gần gũi Như Lai nên làm như thế. Nay hàng phàm phu bị trói buộc là do sức nhân chưa đầy đủ, người bị lui sụt thì nhiều vô kể mà lại không để tâm cầu sinh Tịnh độ là sao? Vì thế gọi họ là những kẻ thật đáng thương xót.

11. Đại nguyện thứ hai

Kinh *Bồ-tát nội giới*[24] ghi:

Bồ-tát có ba lời nguyện. Trong đó, lời nguyện thứ hai là: “Con nguyện lúc mạng chung được vãng sinh về nước của Phật A-di-đà”.

12. Niệm Phật diệt tội

Luận *Đại trí độ*[25] ghi:

Có các vị bồ-tát tự nghĩ: “Phỉ báng kinh *Đại Bát-nhã* sẽ bị đọa vào đường ác, trải qua vô lượng kiếp, dù tu tập pháp môn khác cũng không thể diệt

được tội”. Sau này họ gặp bậc thiện tri thức dạy niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nên nghiệp chướng tiêu trừ, siêu sinh Tịnh độ.

Ghi chú:

Chí tâm niệm Phật một tiếng thì diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp, điều này rất rõ ràng. Vì sao? Vì chí tâm niệm Phật. Nếu không chí tâm niệm Phật thì tội chướng không tiêu trừ. Chớ nói rằng, lời dạy của bậc thánh không có căn cứ!

13. Đặt tên Thăng Hội

Thiền sư Trường Lô Trách noi theo tổ Huệ Viễn làm chuẩn mực, nên kiến tạo Liên Hoa Thăng Hội để khuyên mọi người niệm Phật. Một hôm, thiền sư nằm mộng thấy một người mặc áo trắng, chích khăn đen, dung mạo rất đẹp đến vái chào và nói: “Tôi muốn vào Liên Hoa Thăng Hội của ngài xin đặt một cái tên”.

Trường Lô Trách hỏi:

- Tên gì?

Người kia đáp:

- Tôi đã ghi tên là Phổ Tuệ rồi. Lại nói tiếp: “Anh của tôi tên là Phổ Hiền, đồng thời cũng xin được ghi tên gia nhập Thăng Hội”.

Trường Lô Trách tỉnh dậy và xem phẩm *Li thế gian* trong kinh *Hoa nghiêm* thì có tên hai vị bồ-tát này, liền đặt tên hai vị ấy đứng đầu Thăng Hội.

Ghi chú:

Phàm tăng mở hội niệm Phật các bậc thánh xưa ghi tên gia nhập nhiều lắm! Tịnh độ không phải là nhân duyên nhỏ. Bởi vì việc lập hội niệm Phật ấy phát xuất từ lòng chân thành nên thâm cảm thông linh ứng, có một điều gì giả dối được sao? Người tự cho mình tốt còn không thêm giả dối huống gì là cổ thánh! Nay có người cho rằng, sở dĩ gọi là hội niệm Phật là vì Trường Lô Trách thấy việc ấy. Thật là đáng buồn cho họ!

14. Lược nêu các vị tôn túc

Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải là đệ tử nổi pháp của Mã Tổ. Sư là trụ cột muôn đời của tông lâm. Sư từng lập ra phương pháp cầu nguyện cho các vị tăng bị bệnh và đưa tiễn những vị tăng đã tịch đều quy hướng về Tịnh độ.

Thiền sư Hoàng Long Tân tham kiến ngài Giác Lão đặc được tông chỉ, nổi pháp dòng phái Hoàng Long. Từ đó, tông phong hưng thịnh, nhưng sư hết lòng tu tịnh nghiệp. Sư có trứ tác *Khuyến niệm Phật văn*, được lưu hành ở đời, khiến mọi người phát khởi lòng tin.

Thiền sư Chân Hiết Liễu nổi pháp dòng phái của ngài Đan Hà Thuần, là một tông phái của Tào Động. Đến đời sư thì tông phong hưng thịnh. Sau này, sư dựng một cái am tranh ở Bồ Đà tên là Cô Tuyết, một lòng cầu sinh Tây phương. Sư giảng thuyết về Tịnh độ để khuyên nhủ bốn chúng tu tập.

Thiền sư Từ Thụ Thâm đặc pháp với ngài Trường Lô Tín. Sư chuyên tâm niệm Phật và cho rằng con đường tắt tu hành không gì qua Tịnh độ. Nên sư thiết lập đạo tràng Tây Phương, hết lòng khuyến hóa mọi người tu Tịnh độ, đến lúc qua đời được vãng sinh.

Pháp sư Thạch Chi Hiếu nổi pháp của ngài Nguyệt Đường Tuân. Sư thông suốt kinh giáo, lấy pháp môn Tịnh Độ để dạy người. Sư từng sưu tầm các bộ sách trong *Đại tạng* nói về Tịnh độ, trong số đó có *Lạc bang văn loại*[26] được lưu hành ở đời.

Thiền sư Tịch Đường Nguyên học thiền với ngài Mật Am Kiệt. Sư dốc lòng hành trì pháp môn Niệm Phật tam-muội, cảm đến thần Kim Giáp từ trên trời bay xuống. Một hôm, sư nằm mộng thấy hoa sen đỏ từ dưới đất mọc lên. Do đó Liên Tông rất thịnh hành ở khắp mười châu.

Thiền sư Trung Phong Bổn đặc pháp với ngài Cao Phong Diệu, mọi người rất ngưỡng mộ sư như Thái Sơn và sao Bắc Đẩu. Sư có trứ tác *Hoài tịnh độ thi* gồm một trăm bài, được lưu truyền ở đời.

Đãi chế Vương Dĩ Ninh, tự xưng là đệ tử của Phật A-di-đà.

Hàn lâm Triều Duyệt Chi trả lời thư Triệu Tử Ngang, xưng tán Tây phương Tịnh độ là chân ngữ thật ngữ.

Đãi chế Trần Quán viết bi kí Tịnh Độ Viện của chùa Diên Khánh, trong đó ông cực lực tán dương pháp môn niệm Phật.

Tông chủ Ưu-đàm cư trú tại Thiện Pháp đường của chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Ông có trứ tác bộ *Liên tông bảo giám*[27] và phụng chiếu khắc bản lưu hành ở đời làm cho pháp môn Tịnh độ được trung hưng.

Ghi chú:

Bắt đầu từ ngài Bách Trượng, cuối cùng đến Ưu-đàm, trải qua nhiều đời các bậc tôn túc không ai mà không tu pháp môn Tịnh độ. Thật hưng thịnh quá!

Tổng Luận:

Thiền sư Thiên Như nói: “Người đời nay xem thường pháp môn Tịnh độ, chẳng phải là xem thường bọn đàn ông, đàn bà ngu dốt mà chính là xem thường các vị bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ vậy”. Cho nên tôi mới tập hợp các kinh để chứng thật những lời nói này. Hoặc có người còn nghi ngờ: “Hàng bồ-tát đạo lực đã lớn, gần giống với Phật rồi thì không nhất thiết phải cầu sinh Tịnh độ”. Ôi! Nếu chưa đạt được giai vị Diệu giác[28], dù ở giai vị Đẳng giác một ngày cũng không thể xa lìa Phật, huống là hàng phàm phu!

Bởi vì, cũng như người xưa từng nói: “Người có chức tước càng cao thì càng gần gũi với vua chúa; ngược lại, bọn khuân vác, kẻ cày bừa làm bạn với ngư phủ, tiểu phu tự cho là đủ rồi, hoàn toàn không mong đến cung vua và miệng họ thao thao rằng: ‘Vị minh chủ đó không đáng để chúng tôi gần gũi’”. Thật đáng nực cười!

SINH TỒN CẢM ỨNG

1. Quỷ không dám ăn

Khi Đức Phật còn tại thế, có một nước ở gần với nước La-sát[29], người trong nước ấy bị la-sát tha hồ bắt ăn thịt. Vua ra lệnh từ nay tất cả người trong nước, cứ mỗi gia đình một ngày, theo thứ tự thay nhau đem người đến cho quỷ la-sát, đừng để nó giết càn.

Bấy giờ, có một gia đình theo đạo Phật, chỉ sinh được một đứa con, đến phiên gia đình ấy đem con dâng cho la-sát. Lúc đưa con đi, hai ông bà gào khóc thảm thiết và căn dặn người con phải chí tâm niệm Phật, vì oai lực của Phật sẽ làm cho quỷ la-sát không đến gần được. Sáng hôm sau, đến xem, thấy người con vẫn còn, họ vui mừng dẫn về nhà. Và kể từ đó không còn nạn bị quỷ la-sát ăn thịt nữa. Tất cả mọi người trong nước đều rất vui mừng.

2. Năm mộng thấy mình thông minh biện luận vô ngại

Thiền sư Nam Nhạc Huệ Tư sống vào đời Tùy, hết lòng thờ Phật. Một hôm, thiền sư năm mộng thấy Đức Phật A-di-đà thuyết pháp cho nghe. Từ đó, thiền sư trí tuệ thông minh hơn người, biện tài vô ngại.

3. Xả bỏ oán thù

Thiệu Bư sống vào đời Đường, quê ở Trấn Giang, là một nho sinh thời bấy giờ. Một hôm, ông nằm mộng thấy mình đến phủ Nhất Công, mọi người gọi là An phủ sứ ti. Một lát sau, có một vị quan ra hỏi:

- Ông biết vì sao ông không thi đỗ chẳng?

Thiệu Bư đáp:

- Tôi không biết.

Nhân đó, vị quan dẫn ông đi lên phía trước, Thiệu Bư thấy con hào nhỏ đang bị nấu ở trong một cái vạc lớn. Con hào ấy nói tiếng người và gọi tên ông. Thiệu Bư sợ hãi liền niệm Phật A-di-đà, khi mới mở miệng niệm thì thấy con hào nhỏ biến thành chim hoàng tước bay đi. Sau đó, Thiệu Bư ra thi trúng tuyển làm quan đến chức An phủ.

Ghi chú:

Sát sinh thì tài lộc đến muộn, niệm Phật thì giải được oán thù. Nay nho sinh cứu con vật từ trong vạc ra. Người cầu xin quỷ thần giúp đỡ mà không biết niệm danh hiệu đức Phật thì sự mưu tính đó cũng dở. Người hiểu pháp môn quý báu này, biết việc ấy cũng là nhờ vào kinh sách.

4. Hai vợ chồng thấy Phật

Cát Tề Chi sống vào đời Tống, quê ở Cú Dung, là con cháu của Trĩ Xuyên nhiều đời học theo đạo tiên. Vợ của ông là họ Kỉ âm thầm chí thành niệm Phật. Đến niên hiệu Nguyên Gia mười ba (436), bà vừa ngồi vào khung cửi, bỗng thấy trên hư không có ánh sáng lạ, nhân đó bà rời khung cửi, ngẩng nhìn bốn phương, thấy ở phương tây có Phật hiện ra và có tràng phan, bảo cái che rợp bầu trời. Bà vui vẻ nói: Trong kinh dạy: "Vô Lượng Thọ Phật lẽ nào là đây sao?" Bà liền đến trước Phật đỉnh lễ, Cát Tề Chi kinh ngạc đến chỗ bà lạy Phật. Bà chỉ cho ông chỗ Phật hiện thì Cát Tề Chi chỉ thấy nửa thân của Đức Phật mà thôi, trong chốc lát rồi biến mất. Bấy giờ, trên hư không xuất hiện một đám mây lành năm màu, mọi người trong làng đều nhìn thấy. Từ đó, rất nhiều người tin theo Phật pháp.

5. Quỷ không hiện

Trần Xí sống vào đời Tống, quê ở Long Thư, từng giết người. Về sau, thấy quỷ hiện ra, ông rất sợ hãi, liền niệm Phật A-di-đà thì quỷ không đến gần

được. Nhân đó, ông niệm Phật mãi không ngớt nên quỷ chẳng còn hiện ra nữa.

Ghi chú:

Thiếu nợ mạng với quỷ, tại sao niệm Phật mà đuổi được quỷ đi? Bởi vì công đức oai thần của Đức Phật A-di-đà không thể nghĩ bàn. Niệm một câu danh hiệu Phật thì quỷ được siêu thoát, cho nên không hiện ra nữa. Những cấm chú tầm thường sao có thể đuổi được quỷ?

6. Siêu độ vong linh

Trương Kế Tổ sống vào đời Tống, quê ở Trấn Giang, một lòng tin sâu về Tây phương Tịnh độ. Lúc mẹ qua đời, ông thường niệm Phật để siêu độ vong linh. Một hôm, ông nằm mộng thấy mẹ trở về nói cảm ơn: “Nhờ con niệm Phật mà mẹ được sinh về đường lành.”

7. Ngủ nghỉ được an ổn

Lưu Trọng Tuệ sống vào đời Tống, quê ở Trường Hưng, Hồ Châu. Ông bị bệnh, ban đêm ngủ thường thấy ác mộng. Có người chỉ cho ông niệm Phật, nên một đêm ông chí thành niệm Phật lớn tiếng một trăm lẻ tám câu, rồi mới ngủ thì đêm ấy tinh thần ông được an ổn. Từ đó, ông niệm Phật mãi không ngớt.

Ghi chú:

Người xưa dụ việc ngủ mê như là chết phần nửa, lời nói này thật là hay. Bởi vì điên đảo, mộng寐 so sánh với sự mê muội của sinh tử thì làm sao giấc ngủ an ổn được. Lúc sắp mạng chung, mong được một chút tự do thì phải vâng theo lời đại sư Thiệu Đạo dạy mọi người trước khi sắp ngủ phải niệm Phật.

8. Mắt mù sáng lại

Chị dâu thứ ba của ông Nguyễn Niệm sống vào đời Tống, là một phụ nữ làm nghề nông ở Hoài Ninh. Hai mắt của bà sắp mù, nên bà thường niệm Phật mãi không ngớt thì hai mắt sáng lại.

9. Mắt mù sáng lại

Có người phụ nữ họ Sài hai mắt bị mù. Bà siêng niệm Phật suốt ba năm không chút xao lãng thì hai mắt của bà sáng lại như cũ.

Ghi chú:

Ánh sáng của Đức Phật A-di-đà vô lượng, chiếu soi đến khắp các cõi nước ở mười phương, nếu người nào chí tâm niệm danh hiệu Ngài, dù con mắt thịt không sáng trở lại, mắt tâm cũng được bừng sáng. Nhưng vì người mù thời nay thường làm thầy bói, tạo thêm nghiệp sát. Đó gọi là từ chỗ tối đi vào trong tối, mãi mãi không bao giờ thấy được mặt trời. Than ôi! Làm sao tôi có thể đem pháp môn niệm Phật này chỉ bảo cho tất cả người mù trên thế gian này?

10. Bệnh sốt rét không phát tác

Lý Tử Thanh sống vào đời Tống, bị bệnh sốt rét đã lâu. Thấy vậy, cư sĩ Long Thư khuyên: “Khi lên cơn sốt ông nên nhất tâm niệm Phật, rồi sau đó mới uống thuốc”. Tử Thanh nghe lời và làm theo. Ngày đầu thấy cơn sốt giảm một nửa, ngày thứ hai ông tiếp tục niệm Phật thì cơn sốt dứt hẳn. Từ đó, ông dốc lòng niệm Phật.

11. Xá-lợi hiện ra

Vợ của Liêm Trung đại phu ở Cống Châu, sống vào đời Tống, thêu một bức tượng Đức Phật A-di-đà cao một trượng sáu, mới thêu được một nửa, bỗng xá-lợi hiện ra chiếu sáng trong đường tơ, cả nhà đều kinh ngạc và khen ngợi.

12. Xá-lợi hiện ra

Phu nhân của Thiếu sư Chung Li họ Nhâm ở Chân Châu, khắc một pho tượng Phật A-di-đà cao bốn tấc tám phân, thờ trong cái khám rất trang nghiêm, bà thường đội lên đầu hành đạo. Một hôm, bà bỗng thấy ở chặng giữa lông mày của pho tượng hiện ra viên xá-lợi lớn như hạt gạo, ánh sáng chiếu đến thân mọi người.

13. Trị bệnh đều lành

Vào đời Tống, ở Tú Châu có một vị tăng thường niệm danh hiệu Phật A-di-đà để trị bệnh cho mọi người. Bất cứ ai bệnh mời sư đến trị đều lành cả. Người trong Châu kính tin sư như kính tin Đức Phật.

14. Tù nhân thoát nạn

Vào mùa đông niên hiệu Chí Chính mười lăm (1355) đời Nguyên, Trương Sĩ Thành đem quân tấn công Hồ Châu giao chiến với Thừa tướng Giang Chiết, bắt được bốn mươi người, giam cầm giải về giao cho quan phủ. Trên đường

đi, họ được nghỉ qua đêm tại chùa Điều Khòa ở Tây Hồ. Đêm đó, tình cờ họ thấy thiền sư Đại Du Mưu tản bộ dưới hành lang chùa. Trông thấy sư tinh thần ung dung, nhàn nhã trì tụng suốt đêm, họ nói:

- Xin trưởng lão cứu chúng tôi!

Sư nói:

- Tôi không thể cứu các người. Chỉ cần các người chí thành niệm "Nam mô Cứu Khổ Cứu Nạn A-di-đà Phật" thì mới cứu được các người.

Trong đó, có ba người tin và làm theo lời sư chỉ dạy, miệng niệm Phật không ngắt. Sáng hôm sau, trước khi áp giải tù nhân đi, sai dịch kiểm tra lại gông và xiềng, khi kiểm tra đến ba người kia thì phát hiện họ không có mang gông, đeo xiềng mà chỉ bị trói bằng dây. Sau đó, hỏi ra mới biết họ là dân lành bị bắt làm tù binh. Cuối cùng cả ba người đều được tha về.

Ghi chú:

Trong phẩm *Phổ môn* ghi:
*Hoặc giam giữ, xiềng xích,
Tay chân bị gông cùm,
Do sức niệm Quán Âm,
Tháo ra được giải thoát.*

Từ xưa đến nay mọi người thường tin như vậy. Vì thế, nói niệm Phật cũng được thoát nạn hoặc có người còn chưa tin. Những người này quen theo thói thường. Hơn nữa, oai lực của Phật lại vượt trội hơn bồ-tát không biết bao nhiêu lần mà họ không biết. Nếu tay chân bị chặt mà niệm Thích-ca Như Lai thì tay chân tự mọc lại. Tay chân còn mọc ra lại thì gông cùm, xiềng xích có nghĩa gì? Nhưng vì người tin điều đó quá ít, cho nên tôi ghi việc này ra đây.

Tổng Luận:

Mọi người biết pháp môn Niệm Phật chỉ có lợi ích khi chết mà không biết nó có lợi ích lúc còn sống. Cho nên nghe nói trì chú được linh nghiệm thì họ chuyển sang trì chú, nghe nói giảng thuyết được trí tuệ, hùng biện liền quay qua giảng thuyết, nghe nói xây dựng chùa tháp được phúc báo, nghe nói thiết trai cúng dường thì kết duyên với nhiều người, cho đến nghe nói chăm sóc, nuôi dưỡng người thì được sống lâu. Ngoài ra, còn nhiều việc khác nữa chưa từng thực hiện, thì đâu thể nào nhất tâm bất loạn để mong thành tựu tịnh nghiệp!

Cho nên tôi biên soạn bộ *Vãng sinh tập* này, vì để ngăn chặn sự hưởng ngoại của người hiện giờ. Thật ra mà nói thì việc cầu sinh Tịnh độ vốn là vì thành Phật độ chúng sinh, chứ chẳng phải cầu sự an lạc cho thân sau. Như vậy, có nên cầu sự lợi lạc cho thân trước hay không?

Bài bạt *Vãng sinh tập*

Ở Tây phương có Đức Phật triển khai bốn mươi tám lời nguyện của tì-kheo Pháp Tạng, công viên, quả mãn thành bậc Chính giác hiệu là A-di-đà. Ngài thường phóng ánh sáng lớn để ngăn tất cả các đường ác, mở to mắt tuệ để diệt trừ sự mê muội ở cõi này (Ta-bà). Cõi nước của Ngài có ngọc báu trải đất, bảo châu ngất trời, trong ao nước tám công đức, hoa phát ra ánh sáng đủ màu. Thân tướng và cõi nước vi diệu vô cùng, hoàn toàn không hai.

Bởi vì, đất báu kia tuy xa tí song thật không thể lìa cõi này. Và lại, thần thức tuy có đi nhưng chưa bao giờ tách khỏi tự tâm. Tu hành có cao có thấp, lợi ích có sâu có cạn; nhưng nếu tin vào pháp môn niệm Phật thì rất gần chứ chẳng xa. Nếu không tin pháp môn niệm Phật thì càng xa lại không có người đến. Người nào có lòng tin kiên cố, thực hành cần mẫn thì chỉ trong chùng khoảng một sát-na đã vượt qua biển khổ. Thế thì sao chẳng to tiếng niệm Phật mà đành cam chịu ở mãi trong mê mờ? Nay nói ý chuyên nhất mà không loạn động là mẹ của các điều thiện, chẳng những thuần nhất mà còn không xen tạp là gốc của các hạnh. Người tu tịnh nghiệp sở dĩ chẳng lo cái gốc, vì cái gốc đã vững vàng thì đạo mới phát sinh. Người đã đạt được Niệm Phật tam-muội, dù đi giữa cõi trần vẫn vững vàng không bị nghiêng ngã, nếu gặp phải gió nghiệp cũng chắc chắn không bị lật đổ. Người xưa có nói: “Người cầu vãng sinh Tịnh độ thì dù hợp sức của mười nghìn con trâu cũng không kéo lại được”. Trong đó, tin sâu là “công”, vãng sinh là “dụng”, người nào có đức cao thì dễ dàng đạt được.

Nay có một vị đại đức hiệu là Liên Trì thiên sư, họ Thẩm, người ở đất Cổ Hàng, pháp húy là Châu Hoảng, khi mới sinh ra, sư vốn đã thông minh hơn người, chán đời sống thế tục. Thuở nhỏ sư được dạy dỗ, học hành đàng hoàng và cũng được ít tiếng tăm. Vì sư thấy được cuộc đời vô thường, nên năm ba mươi một tuổi, sư xin xuất gia với hòa thượng Vô Môn Đồng Tánh Thiên Lý. Sau đó, sư xin thọ giới cụ túc với luật sư Vô Trần Ngọc ở chùa Chiêu Khánh. Sau khi thọ giới cụ túc xong, sư khăn gói lên đường, đi khắp nơi tìm thầy học đạo, tham yết các bậc thiện tri thức, tinh thông cả tông và giáo. Về già, sư trụ tại chùa Vân Khê, nổi bước thiên sư Phục Hồ[30] tận tâm xiển dương tông Tịnh độ. Vì mến mộ đạo phong của ngài Huệ Viễn, nên sư niệm Phật cầu vãng sinh và làm rạng rỡ tông phong hơn xưa. Tác phẩm

của sư có khoảng vài ba bộ, nay chỉ chọn lấy một bộ trong số đó, chính là bộ *Vãng sinh tập* này để lưu hành ở đời. Các bậc hiền nhân đời trước có hiểu; những người học đời sau có truyền tụng. Cho nên người xưa nói: “Thấy người tài đức vẹn toàn mình phải cố gắng phấn đấu để được như họ”. Nay tôi noi theo các vị ấy để tiến thân.

Than ôi! Người nào tự đề cao mình mà xem thường Tịnh độ thì hiện đời bị tủi nhục, đời sau chuốc lấy khổ lụy. Vì thế, tôi đặc biệt phổ cáo cho các người tu tịnh nghiệp phải hết sức cẩn thận.

Mặc dầu, sự tích của các bậc hiền thánh nhiều đời thường được ghi chép lại thành truyện, lục, nhưng vì biết người đời sau hoang mang nên ngài Châu Hoảng mới tập hợp các truyện biên soạn thành một bộ riêng, đồng thời cắt bỏ những chi tiết rườm rà, thêm vào những chỗ thiếu sót và phân thành chín loại. Lại thêm vào những truyện mới được nghe và làm lời giải thích cho các truyện, làm sáng tỏ những nghĩa hàm ẩn trong đó. Kê tăng, người tục, kẻ ẩn, người hiện đều được biên tập và sắp xếp theo từng loại. Có thể ví truyện này giống như nấu chảy hoa tai, trâm, vòng đeo tay trong một cái vạc. Như các dòng sông, sông Hoài, sông Tế đều chảy về biển cả. Sở học của tôi kém cỏi, thật hổ thẹn với người đời sau, lại thêm văn chương vụng về và chưa đầy đủ, rõ ràng. Nay đem khắc bản lưu hành ở đời, chỉ mong người xem, chuyên tâm, tinh tấn sớm tỉnh ngộ, tin sâu, nguyện thiết cùng lên núi Tam-miêu[31], đồng vào biển Tát-vân[32].

Ngày Tự tứ (rằm tháng 7) năm Nhân Thìn (1652), niên hiệu Khánh An.

Du Tăng họ Hiên, Thích Huệ Cảnh ghi lời bạt.

[1] Bảy báu 七寶(S: sapta ratnāni): bảy thứ ngọc báu ở thế gian. Các kinh nói bảy thứ báu khác nhau, theo kinh *A-di-đà* và luận *Đại Trí Độ* 10 thì bảy thứ báu là: Vàng, bạc, lưu li, pha-lê, xa cừ, xích châu, mã não.

[2] Nước tám công đức 八功德水: nước có tám đặc tính thù thắng. Ở cõi Tịnh độ của Phật A-di-đà có ao thù thắng, nước trong ao có tám thứ công đức. Tám đặc tính đó là: Trong trẻo, mát mẻ, ngọt ngon, mềm nhẹ, thấm nhuần, an hòa, trừ đói khát, nuôi lớn các căn.

[3] Nhung tài 茂才, Cg: Tú tai: danh vị khoa bảng dành cho người thi đậu kì thi Hương, nhưng ở bậc dưới.

[4] Học sĩ 學士: tên một chức quan về văn học thời xưa.

[5] *Long Thư Tịnh Độ Văn* 龍舒淨土文: tác phẩm, 12 quyển, do ông Vương Nhật Hưu người đất Long Thư (Thư Thành, An Huy) soạn vào năm 1160, đời Nam Tống, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 47. Nội dung sách này ghi chép những kinh luận, truyện kí có liên quan đến việc vãng sinh Tây phương Tịnh độ.

[6] Triều Tán 朝散: chức quan từ ngũ phẩm trở xuống gọi là Triều Tán đại phu.

[7] *Luận Thiên Thai Thập Nghi* 天台十疑論: Cg: *Thập nghi luận*: luận 1 quyển, do ngài Trí Khải soạn vào đời Tùy, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 47. Nội dung tác phẩm y cứ vào pháp môn vãng sinh Tịnh độ A-di-đà mà nêu ra 10 câu hỏi, sau đó theo thứ tự giải đáp.

[8] Hệ niệm 繫念: chuyên tâm niệm Phật.

[9] *Truyền đăng lục* 傳燈錄: gồm 30 quyển, do sa-môn Đạo Ngạn soạn vào đời Ngô, nhằm thời vua Tống Chân Tông, niên hiệu Cảnh Đức thứ nhất. Nội dung là truyền thừa pháp từ Đức Thích-ca đến các vị tổ.

[10] Năm kinh 五經: năm bộ kinh của Nho giáo là Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu.

[11] Ngũ vĩ 五緯, Cg Ngũ tinh: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

[12] Ba mươi thạch 三十石: thạch là đơn vị cân đo thời xưa. Một thạch bằng 120 cân. Vậy 30 thạch là bằng 3600 cân, số lượng không phải ít.

[13] Tích trượng 錫杖 (S: khakkhara, khakharaka): chiếc gậy mà vị tì-kheo mang theo khi đi đường. Đây vốn là vật dùng để xua đuổi rắn độc, trùng độc hoặc rung lên khi khất thực, khiến cho thí chủ nghe biết. Đời sau, tích trượng trở thành một trong các pháp khí của thiền lâm.

[14] Thượng phẩm 上品: pháp quán thứ 14 trong Thập lục quan.

[15] Bất thoái chuyển 不退轉 (S: avinivartaniya): không thoái chuyển. Chỉ sự tu hành không lui sụt cho đến khi thành Phật.

[16] Bồ-tát tiểu hạnh 菩薩小行: là bồ-tát mới phát tâm.

[17] Năm môn (Ngũ môn 五門): 1. Môn lễ bái, 2. Môn tán thán, 3. Môn tác nguyện, 4. Môn quán sát, 5. Môn hồi hướng.

[18] Luận *Khởi tín* (*Khởi tín luận* 起信論): Cg: *Đại thừa khởi tín luận*. do Bồ-tát Mã Minh tạo. Có hai người dịch: Một là Chân Đế dịch vào đời Lương, 1 quyển. Hai là Thật-xoa-nan-đà dịch vào đời Đường, 2 quyển. Nội dung khuyên người khởi lòng tin chân chính đối với Tam bảo. Luận này nói lên lí cùmg tốt của giáo lí Đại thừa.

[19] Kinh *Lăng-già* (*Lăng-già kinh* 楞伽經, S: Laṅkāvatāra-sūtra): Cg: *Lăng-già-a-bạt-đa-la Bảo kinh*, 4 quyển, do ngài Cầu-na-bạt-đa-la dịch vào năm 443, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 16. "Lăng-già" là tên núi; "A-bạt-đa-la" nghĩa là nhập, tức là bộ kinh quý được Đức Thế Tôn nói khi Ngài vào núi Lăng-già, là 1 trong sáu bộ kinh được tông Pháp Tướng y cứ.

[20] Đại thừa 大乘 (S: mahā-yāna): vốn chỉ phương tiện chuyên chở lớn như xe cộ, thuyền bè... trong kinh điển thường dùng từ này để dụ cho giáo pháp sâu xa vi diệu của Đức Phật có thể chuyên chở vô lượng chúng sinh từ bờ phiền não đến bờ giải thoát.

[21] Kinh *Đại-bi* (*Đại-bi kinh* 大悲經, S: Mahā-karuṇā-puṇḍarīka): kinh, 5 quyển, do ngài Na-liên-đề-da-xá ở chùa Thiên Bình dịch vào năm 570, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 12. Nội dung kinh này ghi chép lúc Đức Phật sắp Niết-bàn, truyền trao chính pháp cho tôn giả Ca-diếp và A-nan, đồng thời tuyên dạy công đức cúng dường xá-lợi và cách thức kiết tập.

[22] Kinh *Bồ-tát Sinh Địa* (*Bồ-tát Sinh Địa kinh* 菩薩生地經): kinh 1 quyển, do Ngô Chi Khiêm dịch. Nội dung là do trưởng giả Ma-sai-kiệt Thích Chủng thưa hỏi: Tu pháp môn nào cho mau thành Phật? Đức Phật đáp: Hãy dùng Tứ sự của Nhị chủng, đây là pháp tu có thể sinh quả Phật.

[23] Vô sinh pháp nhẫn 無生法忍 (S: anutpattika-dharma-kṣānti): một trong ba nhẫn, nhẫn thứ tư trong năm nhẫn nói trong kinh *Nhân vương*, tức là quán lý không sinh không diệt của các pháp, nhận kỹ lý ấy, an trụ tâm bất động.

[24] Kinh *Bồ-tát Nội giới* (*Bồ-tát Nội giới kinh* 菩薩內戒經): gồm 1 quyển, do ngài Cầu-na-bạt-ma dịch vào đời Lưu Tống. Nội dung là vào Đức Phật thuyết giới ngày 15. Bồ-tát Văn-thù hỏi: Bồ-tát đạo, tục mới phát tâm phải tạo công đức gì để Đức Phật nói 12 thời giới pháp?

[25] Luận *Đại Trí Độ* (*Đại Trí độ luận* 大智度論, S: Mahāprajñāpāramitāśāstra): Cg: *Trí độ Luận*. Đây là bộ luận gồm 100 quyển, do Bồ-tát Long Thụ soạn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Hậu Tần, Trung Quốc, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 25. Nội dung luận này giải thích kinh *Đại Phẩm Bát-nhã*, luận này giải thích rất rõ ràng về học

thuyết, tư tưởng, dụng lệ, truyền thuyết, lịch sử, địa lí, qui định thực tiễn, Tăng già.

[26] *Lạc Bang văn Loại* 樂邦文類: tác phẩm, 5 quyển do ngài Tông Hiếu (1151-1214) biên soạn vào đời Nam Tống, Trung Quốc, hoàn thành vào năm 1200, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 47. Nội dung biên tập những bài văn trọng yếu có liên quan đến các kinh luận của tông Tịnh độ, cho đến những trước thuật, thi kệ và truyện kí của các vị tăng.

[27] *Liên Tông Bảo Giám* 蓮宗寶鑑: Cg: *Lô Sơn Liên Tông Bảo Giám Niệm Phật Chính Nhân*. Tác phẩm, 10 quyển, do ngài Phổ Độ biên soạn vào đời Nguyên, Trung Quốc, được xếp vào *Đại chính tạng*, tập 47. Sách này dựa trên tông chỉ Niệm Phật tam-muội của ngài Lô Sơn Huệ Viễn để soạn thành.

[28] Diệu giác 妙覺: giai vị cuối cùng trong quá trình tu hành của bồ-tát Đại thừa, đã trừ sạch vô minh, chứng được trí tuệ không thể nghĩ bàn. Đây là 1 trong 42 giai hoặc 52 vị bồ-tát.

[29] La-sát 羅刹 (S: rākṣasa): loại ác quỷ trong thần thoại Ấn Độ, được thấy ghi đầu trong bộ Lê-câu-phệ-đà. Tương truyền La-sát nguyên là tên gọi dân tộc Thổ Trứ ở Ấn Độ, sau khi người Arya chinh phục Ấn Độ, La-sát trở thành một Đại danh từ chỉ kẻ ác, dần dần dùng gọi chung cho loài ác quỷ. Quỷ La-sát có sức thần thông, có thể bay nhanh trong hư không hoặc đi nhanh trên mặt đất, bạo ác đáng sợ.

[30] Thiền sư Phục Hồ 服虎禪師: là hiệu của thiền sư Chí Phùng, người đời Tông, niên hiệu Càn Đức thứ năm (967), sư ở núi Vân Thê, sư hang phục được hổ, nên được gọi là Phục Hồ thiền sư.

[31] Tam-miệu 三藐: nói đủ là Tam-miệu tam-bồ-đề. Cựu dịch (La-thập) là Chính Biến Tri, tân dịch (Huyền Trang) là Chính Đẳng Giác.

[32] Tát-vân 薩雲: nói đủ là Tát-vân-nhã: Hd: Nhất thiết trí tức là Phật trí.

